

Số 300

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Kỷ niệm

300

số báo

đã phát hành

Số Đặc biệt

ALBUM NHẠC PHẬT GIÁO ĐẶC BIỆT 2018

TÁI SINH

Ca Sĩ TRƯỜNG KHA

- *1. Luân hồi (st. DC Tâm) *2. Tái sinh (st. DC Tâm)
 - *3. Thế gian ta cần ai (st DC Tâm) *4. Chuyện xưa (st DC Tâm)
 - *5. Jambhala svaha (st DC Tâm) *6. Thượng Trà (st DC Tâm)
 - #*7. Tâm sen (st Trường Kha) *8. Lửa thiêng Thích Quảng Đức (st Trường Kha)
 - *9. Phật tái thế (st Trường Kha)
 - *10. Đường vào cõi thiêng (st Trường Kha) *11. Định nghĩa vô thường (st Khánh Sang)
 - *12. Quay lại nhìn mình (st Khánh Sang)
- (Ca khúc trong album được độc quyền riêng cho ca sĩ Trường Kha)



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, Dương Đạt

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Phật giáo và trí thức (Nguyễn Hiếu)	4
Văn Hóa Tâm Linh (Trần Quê Hương)	8
Nhận xét về Văn Hóa Phật Giáo... (Nhiều tác giả)	9
Đôi lời tâm sự 300 số báo, một quãng đường ngắn và dài (Ban Biên tập)	12
Phương pháp giáo dục của Đức Phật theo Kinh tạng Pāli (Thích Trung Định)	14
Quốc sư Vạn Hạnh công đức đối với đạo pháp và dân tộc (Thích Thiện Nhơn)	18
Bảo tồn và Phát huy Di sản Phật giáo Trúc Lâm (Nguyễn Đức Quỳnh)	21
Tim hiểu ngôi chùa độc đáo nhất Việt Nam (Thơm Quang)	24
Nhớ Nguyễn Hiến Lê (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Tầng lớp sĩ phu nho học triều Nguyễn trước nạn ngoại xâm (Cao Văn Thúc)	28
Chùa Nôm làng Nôm giữa vùng đất lịch sử (Vân Quảng Tâm)	32
Đọc sách "Tôn giả Maha Kaccana" của HT.Thích Trung Hậu (Cao Huy Thuần)	34
Ai thải nhiều CO ₂ ra không khí? (Cao Huy Hóa)	36
Giáo dục tình yêu (Nguyễn Cẩn)	38
Thực hành y khoa thay đổi từ những vụ kiện cáo y tế (Nguyễn Hữu Đức)	42
Người giữ hồn văn hóa Pa Cô (Trần Nguyễn Khánh Phong)	44
Tình người nghĩa đất (Trần Bảo Định)	46
Chang chang Quảng Bình (Trần Vọng Đức)	50
Thơ (Phan Quang Thịnh, Nguyễn Hoài Ân, TK.Vy Tiểu, Miền Đức Thắng, Hoa Nguyên, Tịnh Bình, Kim Hoa)	52
Chuyện giữa đại ngàn (Thu Đình)	54

Bìa 1: Kỷ niệm 300 số báo đã phát hành.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Văn Hóa Phật Giáo kỷ niệm 300 số báo đã phát hành. Chúng tôi mong quý độc giả chia sẻ những vui buồn cùng chúng tôi qua bài "Vài lời tâm sự..." đăng trong số báo này. Chính quý vị là những người mà VHPG xem là những người thân thiết để tỏ bày cảm nghĩ, là đối tượng phục vụ của chúng tôi, là sức sống của VHPG. Trong thời buổi mà việc đọc sách báo in càng lúc càng giảm sút nhưng số lượng độc giả của VHPG không giảm sút thì đây là điều may mắn cho chúng tôi, khiến chúng tôi càng quý trọng và càng nỗ lực phục vụ.

Nhân đây, chúng tôi xin trả lời vắn tắt về câu hỏi của nhiều độc giả về tính pháp lý trong hoạt động của VHPG. Đây là một tạp chí do Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ quản, Giấy phép hoạt động số 96/GP-BVHTT ngày 13/10/2004 do Bộ Văn hóa-Thông tin cấp, các thành viên của Ban Biên tập đều được cấp Thẻ nhà báo. Như vậy VHPG hoạt động theo Luật Báo chí, theo Luật Bảo hiểm xã hội, quy định về mức lương tối thiểu cho các thành viên, phải khai thuế, đóng thuế đúng hạn... Nói tóm lại, VHPG hoạt động theo đúng pháp luật của Nhà nước và Hiến chương của GHPGVN. Chúng tôi biết rằng những câu hỏi của độc giả về tình hình hoạt động của VHPG là do tình cảm đặc biệt của quý vị đối với tạp chí chúng tôi và chúng tôi rất cảm kích.

Kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Không nên khinh thường hay miệt thị các Tỳ-kheo trẻ vì là họ trẻ.
(Kinh Tương ưng Kosala, Tương ưng bộ kinh)**



Ảnh: Vân Quảng Tâm

Phật giáo và trí thức

NGUYỄN HIẾU

Đạo Phật nổi tiếng với lời nói “Mời bạn đến và thấy” (*Ehipassiko*), nhẹ nhàng đi vào thế giới trí thức bởi tính chất trí tuệ nhân bản của nó. Đức Phật tuyên bố đạo của Ngài là chân lý khách quan¹, do Ngài chứng ngộ và tuyên thuyết, để cho người có trí (*pandito*) tự mình chứng hiểu²:

“Người có trí (vinnu pusiro) hãy đến đây, trung thực, không gian dối, chân trực, Như Lai sẽ giảng dạy, Như Lai sẽ thuyết pháp. Nếu thực hành đúng như điều đã được giảng, vị ấy sẽ tự mình thấy, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại mục tiêu vô thượng của đạo giải thoát”³.

Ai cũng có khả năng thấu đạt chân lý, Đức Phật khẳng định, vì chân lý có mặt trong mỗi người⁴. Chỉ cần suy xét thận trọng thì chân lý sẽ mở ra, soi sáng cho đời sống của mình. Theo lời Phật, con người là chủ nhân của số phận mình⁵. Không có và không cần đến uy quyền nào thay con người phán xét sự đúng sai dẫn đến ban thưởng hay trừng phạt. Mỗi người phải tự thấp đuốc lên mà đi⁶. Đức Phật tự nhận là người chỉ đường (*maggakkhàyi*)⁷, tuyên bố đạo của Ngài dành cho người thấy (*passato*), người biết (*jànato*); không phải cho người không thấy (*apassato*), không biết (*ajànato*)⁸.

Thế nào là người thấy và biết? Bạc Giác ngộ cất nghĩa: “*Có như lý tác ý và phi như lý tác ý. Nay các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Nay các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt”⁹.*

Như lý tác ý (*yoniso manasikàra*) nghĩa là chú tâm tìm hiểu và xem xét chân lý (khổ, tập, diệt, đạo) để quyết định lối sống của mình theo hướng đi ra khỏi phiền não khổ đau, không cần phải tin và nghe theo ai cả. Đó là Chánh kiến (*Sammàditthi*) trong đạo Phật, là thái độ trí thức, khởi điểm của lối sống chân chánh sáng suốt đưa đến tự do, giải thoát (đoạn trừ các lậu hoặc tham-sân-si). Trái lại, phi như lý tác ý (*ayoniso*

manasikàra) là thái độ thiếu hiểu biết, thiếu cân nhắc, tin tưởng vào các chủ thuyết sai lầm dẫn đến trói buộc, khổ đau. Người thấy, người biết là người có như lý tác ý. Người không thấy, không biết tức là người rơi vào phi như lý tác ý.

Thái độ trí thức luôn luôn là lời kêu gọi của bậc Giác ngộ trong phương pháp tiếp cận và thực nghiệm chân lý. Phải tự mình xem xét tìm hiểu rồi mới đi đến chấp nhận thực hành hoặc từ bỏ. Một hôm, những người Kàlàma xứ Kesaputta tìm đến Đức Phật, cầu xin Ngài giúp giải tỏa cho họ các hoài nghi phát sinh do sự mâu thuẫn và chống báng nhau giữa những người đấng xướng chân lý.

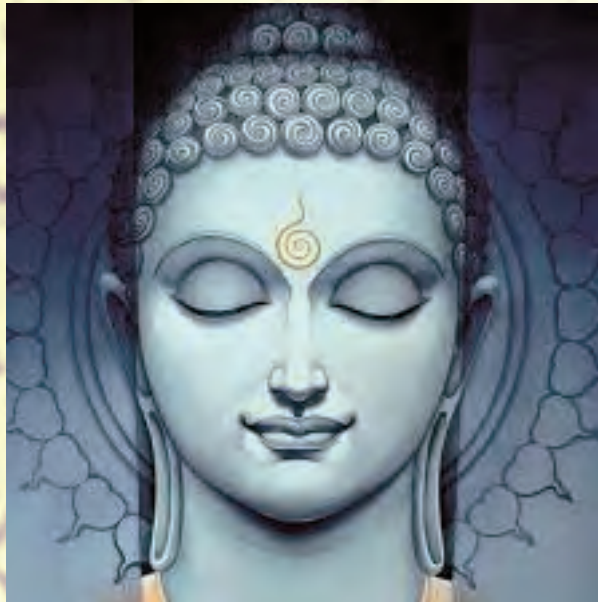
Họ thưa với Ngài: “*Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, và có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: “Trong những Tôn giả Sa-môn*

này, ai nói sự thật, ai nói láo?”

Nhân dịp này, bậc Giác ngộ cho những người Kàlàma một lời khuyên sáng suốt, mãi mãi làm nức lòng giới trí thức, những người yêu quý và tôn trọng chân lý tự do trên cuộc đời:

“Đương nhiên, này các Kàlàma, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kàlàma, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kàlàma, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì nghe truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ



nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”, thời này các Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng!

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kàlāmà, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kàlāmà, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kàlāmà, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?

- Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không, hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Như vậy, này các Kàlāmà, điều Ta vừa nói với các Ông: “Chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình”. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí

quả trách; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, đau khổ”; thời này các Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc”, thời này các Kàlāmà, hãy đạt đến và an trú!

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không tham, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kàlāmà, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có làm cho người ấy được hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không sân, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kàlāmà, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn...

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kàlāmà, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn...

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này là có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay được người trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc, an lạc không, hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Như vậy, này các Kàlàma, điều Ta vừa nói với các Ông: “Chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. “Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được các người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc, an lạc”, thời này các Kàlàma, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên”¹⁰.

Đức Phật xuất hiện ở đời chỉ tuyên thuyết hai điều: khổ và diệt khổ¹¹. Sống mà thiếu hiểu biết, để mê lầm dẫn dắt thì khổ. Có trí tuệ sáng suốt thì hết khổ. Ngài dạy tham-sân-si là mê lầm, xấu ác, gây tạo ác nghiệp, đưa đến phiền não khổ đau, cần phải từ bỏ. Không tham-sân-si là sáng suốt, hiền thiện, khuyến khích thiện nghiệp, đưa đến hạnh phúc an lạc, cần phải chứng đạt và an trú. Người có trí chẳng cần phải tin và nghe theo ai cả. Chỉ nên suy xét thận trọng tìm ra chân lý giải thoát cho chính mình.

Một đặc điểm khác của tư tưởng Phật giáo thu hút sự chú ý của phần lớn thức giả trên thế giới, đó là sự giải thoát tuyệt đối đạt được trong cách thể nghiệm cuộc sống, một loại giải thoát hay tự do mà mọi nỗ lực của các tư tưởng gia Tây phương đều bí lối nhưng đã được Đức Phật chứng ngộ và tuyên bố cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ. George Grimm cho rằng không có ai ngoài Đức Phật đã chỉ thẳng cho chúng ta vấn đề tuyệt đối căn bản của đời sống chúng ta, làm sao giải thoát khổ đau, và trên hết, khổ đau sinh tử¹². Đó là Chánh trí ngay trong hiện tại (*ditthadhamme annà*), là tự do trong ràng buộc, tự tại giữa khổ đau; sự thoát khỏi cái tôi ám ảnh (ngã tưởng sai lầm)¹³ do chứng ngộ mọi thứ là thay đổi, biến hoại, không thường tại, không thực thể, trống không¹⁴, vô ngã, khiến cho mọi gánh nặng trên cuộc đời được đặt xuống.

Đức Phật, bậc đã đặt xuống gánh nặng khổ đau sinh tử, tuyên bố về chân lý của tự do tuyệt đối:

Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời,
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc, không khổ.
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác;
Nếu nhỏ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,
Được giải thoát tịnh lạc¹⁵.

Đó là sự thật về giải thoát tối hậu hay tự do tuyệt đối do Đức Phật chứng ngộ và công bố cho thế giới loài người, một thế giới “bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; không biết đến sự xuất ly, thoát khỏi già chết”¹⁶. Theo lời Phật thì hết

thầy mọi người đều có khả năng thoát khỏi khổ uẩn (*dukkhakkhandha*), thoát ly sinh tử luân hồi, (*samsàra*), đạt đến bất tử (*amata*), nhờ vào ý chí và trí tuệ của chính mình¹⁷. Đó là tập trung nhận ra (như lý tác ý về) gánh nặng phiền toái khổ đau của sự kiện hiện hữu và quyết tâm buông bỏ nó. Mặc dù bị rơi vào tình trạng ngọt ngào khi sinh ra trong cuộc đời, giống như cá bị thiếu nước¹⁸, con người không cần phản ứng chống lại số phận khổ đau bằng cách này hay cách khác mà nên học cách tiếp nhận đúng đắn và sáng suốt hóa giải nó. Đức Phật, bậc đã nhẹ nhàng vượt qua bộn bề nhờ trí tuệ¹⁹, gợi lối đi giải thoát cho nhân thế:

- Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Bạch Thế Tôn, khổ.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Này các Tỷ-kheo, cảm thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Bạch Thế Tôn, khổ.

- Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

- Bạch Thế Tôn, không²⁰.

“Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “không”, Ta cũng nói là “không”. Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “có”, Ta cũng nói là “có”.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “không”, Ta cũng nói là “không”?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “không”.

Người có trí ở đời không chấp nhận thọ... tưởng... các hành...

Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “không”.

Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “không”, Ta cũng nói là “không”.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “có”, Ta cũng nói là “có”?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Người có trí ở đời chấp nhận thọ... tưởng... các hành...

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Này các Tỳ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Ở trong đời, này các Tỳ-kheo, có thể pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Này các Tỳ-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?

Này các Tỳ-kheo, sắc, thọ, tưởng, các hành, thức là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ. Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển

lộ như vậy, vẫn không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

Ví như, này các Tỳ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước và đứng thẳng, không bị nước nhiễm ướt. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm²¹.

Như Lai sinh ra ở đời, phải đối diện với mọi thứ trong cuộc đời giống như các chúng sinh khác, nhưng Như Lai không bị đời chi phối, không bị đời làm cho ô nhiễm, không bị đời làm cho đau khổ. Như Lai không khổ, vì Như Lai thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, chịu sự biến hoại, khổ đau, không phải của mình. Như Lai được tự do, giải thoát, vì Như Lai không ái luyến, không chấp trước những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân cảm xúc, ý nhận thức là “tôi” hay “của tôi”. Không ái luyến, không chấp trước, không dính mắc vào thứ gì thì tâm được tự do, giải thoát, không phiền não, không khổ đau²². Các bậc giác ngộ đã đạt đến giải thoát tối hậu vẫn hiện hữu ở đời với gánh nặng ngũ uẩn (chịu sự sanh, già, bệnh, chết đi kèm với mọi phiền toái khác), nhưng được gọi là đã đặt gánh nặng xuống (*ohitabhāro*), không mang thêm gánh khác, bởi chư vị ấy đã đoạn trừ khát ái (*tanhā*) và chấp thủ (*upādāna*) đối với hiện hữu, cắt đứt tái sinh, không còn sầu khổ trong hiện tại và tương lai.

Nói cách khác, con người sinh ra ở đời vốn mang trên mình một gánh nặng khổ đau (*dukkhabhāra*), gánh nặng của thân ngũ uẩn chịu sự sanh, già, bệnh,

chết cùng với mọi phiền toái khác gắn liền với sự hiện hữu, nhưng với trí tuệ có thể đặt gánh nặng xuống²³. Đó là học theo Như Lai không luyến ái, không chấp trước ngũ uẩn, không xem sắc (thân thể), thọ (cảm giác), tưởng (nhận biết), hành (ý chí), thức (tri thức) là mình và của mình. Không luyến ái, không chấp trước ngũ uẩn là ta và của ta thì thoát khỏi mọi hệ lụy khổ đau. Sắc thọ, tưởng, hành, thức chịu sự sanh, già, bệnh, chết, là gánh nặng khổ đau mà mê lầm rơi vào ái luyến chúng, ôm ấp chúng, xem chúng là của mình, mong

muốn chúng tồn tại mãi mãi thì không thoát khỏi luân hồi khổ đau. Trái lại, sống với trí tuệ thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức không tồn tại, trống không, không phải của mình, buông bỏ chúng thì không khổ nào đeo bám được. Phật gia bảo có sự kiện khổ nhưng không có người khổ là thế.

Đó là chân lý của tự do tuyệt đối mà một lúc nào đó con người sẽ cần đến nhưng phải tự

mình nỗ lực chứng nghiệm bằng con đường quán sát tự nội, đằng sau những thứ tự do tương đối và giới hạn có được nhờ vào những cuộc cách mạng xã hội mang lại.

Rõ là đọc cho kỹ những lời Phật dạy ta sẽ không ngạc nhiên vì sao trí thức trên thế giới luôn luôn đánh giá cao đạo Phật, tiêu biểu là nhận định của Albert Einstein, cho rằng đạo Phật không cần phải xét lại chính mình, vì Phật giáo là chân lý luôn luôn cần thiết cho đời sống an lạc của nhân loại. ■



Chú thích:

1. Kinh Tương ưng bộ, tập II, tr.51-52, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993; Kinh bộ Tăng chi, tập I, tr.331-332, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II, 1987.
2. Kinh Ví dụ tắm vải, Trung bộ.
3. Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư tử hống, Trường bộ.
4. Đức Phật tuyên bố chân lý của cuộc đời, nghĩa là khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt, con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nằm trong tấm thân của mỗi người. (Xem Kinh Rohitassa, Tăng chi bộ).
5. Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung bộ.
6. Kinh Đại bát Niết-bàn, Trường Bộ.
7. Kinh Ganaka Moggallāna, Trung bộ.
8. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung bộ.
9. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung bộ.
10. Kinh Các vị ở Kesaputta, Tăng chi bộ.
11. Kinh Xà dụ, Trung bộ.
12. G. Grimm, *The Doctrine of the Buddha*, tr.43-48.
13. Kinh Nakulapita, Tương ưng bộ.
14. Kinh Bọt nước, Tương ưng bộ.
15. Kinh Gánh nặng, Tương ưng bộ.
16. Kinh Thành ấp, Tương ưng bộ.
17. Kinh Thánh cầu, Trung bộ.
18. Kinh Pháp cú, kệ số 34.
19. Kinh Bộc lưu, Tương ưng bộ.
20. Kinh Xà dụ, Trung bộ.
21. Kinh Bông hoa, Tương ưng bộ.
22. Tiểu kinh Đoạn tận ái, Trung bộ.
23. Kinh Gánh nặng, Tương ưng bộ.

Văn Hóa Tâm Linh

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Kỷ trăm năm, nhớ một đời
Niệm ngàn năm, nhớ diệu vời nhân văn
Tạp ký sương khói thuyền trăng
Chí thiên tích tụ sánh bằng thiên chân
Văn tự bút pháp hiển thần
Hóa long lanh... đẹp trong ngần tâm linh
Phật về rạng rỡ quang minh
Giáo truyền như thị hữu tình mười phương
Tròn nhật nguyệt, sáng như gương
Ba bốn, năm, sáu... chơn thường sắc không
Trăm ngàn ngôn ngữ tươi hồng
Số pháp vi diệu theo dòng kinh thơm
Nghe tâm tư vọng Linh sơn
Lòng còn lưu luyến bốn chốn nẻo xa
Thương làm sao... chốn thiền gia
Cảm làm sao... cõi Lăng-già ngát hương
Nhớ làm sao... dạ vấn vương
Về quê hương cũ... cát tường huyền minh
Ba thời ẩn hiện phù sinh
Đời còn ghi khắc ảnh hình ngàn sau
Tổng luận lý tưởng tâm giao
Biên niên sử ngọc dạt dào Tường Vân
Tạp bi trí dũng... nổi vắn
Cư trần phụng sự tinh thần hoàng dương
Sĩ phu tuệ giác soi đường
Vô tặc nhuận thiện thiên phương ngời ngời
Đình tiền tạc dạ mười mười
Cường lực trầm lắng hộ đời khương an
Hòa tâm đức... đạo huy hoàng
Thượng ân thượng tứ rờ ràng ba-la
Thích Mâu-ni, hướng Phật đà
Chơn giới *giáo dục* thặng hoa sĩ hiển
Thiện định tuệ... nổi sử thiêng
Hòa văn tự... kết mối giếng xưa sau
Thượng Tăng bảo... suối mật đào
Thích sa-môn nhập trần lao du hành
Trung dung ngôn ngữ độ sanh
Hậu bối phúc báu thắm cảnh thiên hương
Những là phẩm hạnh cát tường
Dấu xưa nẩy lộc minh xương phụng thời
Ẩn ngàn năm... sáng mười mười
Nhân thiên hoà diệu tuyệt vời Trượng phu
Văn chương chân thiện... điều nhu
Đẹp thay Tạp chí vô-ưu mẫn từ.

Phương Thảo am, 03/5/Mậu Tuất 2018

Ảnh: Vân Quảng Tâm

Nhận xét về Văn Hóa Phật Giáo

Cao Huy Thuần

Tôi là một trong những người đầu tiên được vinh dự chứng kiến sự ra đời của Văn Hóa Phật Giáo. Ra đời trong tình trạng khó khăn chung, tôi lại được vinh dự chia sẻ những cam go của tờ báo, những tiếng thở dài, cũng như những nụ cười rất tươi của các vị trách nhiệm. Nhờ lợi thời đó, tôi thâm phục sự kiên định của một ý chí.

Từ đầu, tôi đã nghĩ đến ba thử thách mà VHPG phải vượt qua:

Một, là phải dung hòa lý tưởng và thực tế. Lý tưởng thì rất cao, nhưng thực tế thì rất khó. Cứng với lý tưởng thì gãy. Nhẫn với thực tế thì mất linh hồn.

Hai, là định vị chỗ đứng của tờ báo. Phổ thông thì đã có Giác Ngộ. Nhưng cao siêu thì đi vào triết lý khô khan, đáp ứng được nhu cầu gì? Trụ ở mức nào, nhắm vào nhu cầu của ai mà viết, viết với văn vẻ thế nào?

Ba, là làm sao quy tụ được thêm người cộng tác, đào tạo thêm tài năng, mở rộng ban biên tập. Bản thân tôi có lúc đã phải gác bút nơi này để lo cho nơi khác, vì nơi nào cũng cần, mà chúng ta thì thiếu hoài người mới.

Chỉ nói đến ba thử thách ấy thôi, đã tưởng VHPG khó mà thoát khỏi cảnh «nửa chừng xuân thoát». Vậy mà 300 số đã vượt qua, xuân rồi lại xuân. Một tay chèo chống, hai số báo đều đều mỗi tháng, mỗi số là một cố gắng phi thường, số này không giảm sút phong độ thanh tân của số kia, anh Trần Tuấn Mẫn làm một công việc khó ai làm nổi, tôi xin được mượn tình riêng tán thán việc chung.

Thích Nguyên Tạng (Melbourne, Úc châu)

“Tôi có duyên gửi bài cộng tác với tạp chí Văn Hóa Phật Giáo từ tháng 5 năm 2016 đến nay, và dù ở nước ngoài nhưng tôi vẫn thường xuyên được Ban Biên tập gửi báo biếu đều đặn mỗi tháng. Trong lúc báo giấy và báo mạng tràn ngập trên thị trường thì theo tôi tạp chí VHPG là một tờ báo uy tín và cần tìm đọc, không phải vì nó là tờ báo của Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội mà chính là vì phong thái làm việc của Ban Biên tập và bộ phận phát hành. Từ khâu duyệt bài, sửa lỗi chính tả, layout bài vở... tất cả đều làm việc tận tâm tận lực để đưa tờ báo đến tận tay độc giả. Một người ở nước ngoài mà nhận được tờ báo giấy từ trong nước gửi qua đường bưu điện, thì đúng là một món quà cao quý không gì có thể so sánh được. Về mặt nội dung, tạp chí VHPG luôn phong phú, đa dạng, là món ăn tinh thần không thể thiếu cho chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử. Với mục tiêu, định hướng hiển chánh phá

tà và mang nét đẹp văn hóa PG làm giàu có cho đời sống tâm linh của người đệ tử Phật, tạp chí VHPG đã làm được nhiệm vụ này. Hai cây viết chủ lực trong 2 năm gần đây mà tôi lưu ý trên VHPG là Giáo sư Nguyễn Cảnh với những bài viết cập nhật nhanh chóng những vấn đề nóng của xã hội đối với PG; và HT.Thích Thiện Nhơn, dù bận trăm công ngàn việc với GH Trung ương, nhưng ngài vẫn dành thời gian nhất định để cống hiến cho độc giả những bài viết về lịch sử truyền thừa các tông phái PGVN, cũng như hành trạng của chư vị tôn đức. Mong rằng nhân kỳ kỷ niệm số báo 300 này, số lượng phát hành của VHPG sẽ gia tăng và độc giả ở hải ngoại biết nhiều hơn về tạp chí này. Thành tâm chúc mừng, tán dương công đức làm việc của Ban Biên tập và nhân viên tạp chí VHPG, kính chúc nguyện quý ngài, quý vị vui khỏe, an lạc và tiếp tục cống hiến cho nền văn hóa Phật giáo”.



Ảnh: Văn Chương Tâm

Hồ Anh Thái

Trang nhã và trí thức.

Ngay từ thuở ban đầu, Văn Hóa Phật Giáo đã là tờ tạp chí tôi yêu thích. Nhiều bài viết sâu sắc, thậm chí có tính nghiên cứu nhưng vẫn thuộc loại dễ tiếp cận. Ở đây độc giả còn được đọc bản dịch bài viết của những học giả nước ngoài, không chỉ là vấn đề Phật học, không chỉ là vấn đề tôn giáo, mà còn mở rộng ra những vấn đề văn hóa xã hội. Không chỉ là chuyện trong nước mà cả chuyện nhân loại và thế gian này.

Nhờ có Tuần Văn hóa Phật giáo tháng 3-2008 do tạp chí tổ chức mà tôi có dịp được tiếp xúc với giới trí thức Phật giáo ở Huế. Huế thì thình thoảng tôi có ghé thăm, nhưng lần ấy tôi mới thực sự gặp được các nhà tu hành đồng thời là những học giả hiện minh. Các thầy thuyết giảng, các thầy nghiên cứu, các thầy viết sách, soạn từ điển. Không khí ấy cho tôi một ấn tượng khó phai mờ về đất Thần kinh mà có người gọi là thủ đô Phật giáo trong lòng đất nước.

Đến bây giờ tôi vẫn nhớ lại và vẫn nguyên vẹn cảm tưởng thích thú mỗi khi giờ cuốn tạp chí mới ra, việc đầu tiên là phải tìm ngay đến mục Vấn đáp Phật giáo, đọc những bài viết thật ngắn nhưng thật súc tích, nhiều hàm chứa. Rồi là bài viết của các bậc trí thức trong và ngoài Giáo hội, mở ra một trời tri thức của đạo và đời và hòa trộn cả hai, và hòa trộn tất cả.

Một điều cũng cần ghi nhận: một phần cảm tình mà tạp chí có được, ấy là ngay từ buổi đầu, tạp chí đã có một cách trình bày mỹ thuật rất riêng, trang nhã và rất trí thức. Một điều nữa cũng rất ấn tượng: tòa soạn có sáng kiến lập quỹ tặng tạp chí Văn Hóa Phật Giáo cho các trường học. Các nhà hảo tâm có dịp được đóng góp vào quỹ, quỹ ấy sẽ dành để mua tạp chí gửi đến các cơ sở giáo dục. Hy vọng bằng cách ấy mầm thiện mầm lành thêm một lần được ươm trồng từ những mái trường hôm nay.

Thích Như Điển (Phương trượng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc)

Nhận xét về tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Người xưa đã nói rằng “Văn dĩ tải Đạo”; nghĩa là dùng văn để chở Đạo. Đạo ấy có thể là Đạo lý làm người, Đạo học Đông phương hay Đạo là bốn phận v.v... Đạo ấy cốt làm sao cảm hóa được con người và khiến cho con người trở nên thiện lương hơn. Còn hóa có nghĩa là thay đổi, cải cách, trải qua nhiều lần bị bào mòn; nhưng vẫn còn hiện hữu; nên gọi là Văn Hóa. Nói chung Văn Hóa chính là nét đẹp của Đạo làm người đã trải qua nhiều thời gian và năm tháng; nhưng vẫn còn hiện hữu cho đến ngày nay.

Phật giáo Việt Nam đã có mặt tại quê hương Đại Việt từ thời lập quốc đến nay cũng đã hơn 2.000 năm lịch sử rồi. Do đó Văn Hóa ấy đã gọi nhuần bản thể của con người theo đạo Phật cũng từng ấy thời gian. Báo Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam trong thời gian qua đã ra mắt với độc giả khắp năm châu và nay đánh dấu con số 300 lần xuất bản; nên đây cũng chính là nét Văn Hóa đặc thù của Phật

giáo, mà chúng ta là người Phật tử không thể nào thiếu báo này trong mọi ngôi chùa cũng như trong tủ sách của mọi gia đình.

Nguyễn Cần

Vài nhận xét về tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Từ một tờ báo ban đầu ra đời trong sự hoài nghi và lo ngại rằng khó “trụ” qua năm thứ ba, giờ đây Văn Hóa Phật Giáo đã có thể tự hào mà nói có được số báo thứ 300 trong năm thứ mười bốn. Những thử thách vẫn còn nguyên đấy, nhưng tờ báo vẫn giữ được sự vững vàng, kiên định và tài tình.

Gọi là vững vàng vì về mặt lập ngôn, xin nhắc lại điều tôi đã viết cách đây 3 năm trong dịp kỷ niệm 10 năm ra báo: “Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã can đảm đi trên con đường đã chọn suốt những năm qua, không sợ sệt, đầy dũng khí và trách nhiệm, nói lên tiếng nói của những người con Phật; trên tinh thần thận trọng và giữ ý trong chánh niệm, cái gì bất thiện thì không nói không làm (Thận ngôn thủ ý niệm; thân bất thiện bất hành).

Gọi là kiên định vì tờ báo luôn duy trì hình ảnh của mình trong gần 14 năm qua. Có lần trong một buổi lễ kỷ niệm ở một tờ báo Phật giáo khác, có HT.Thích Trung Hậu tuyên bố với chư tôn đức và quý cư sĩ trong buổi gặp gỡ trưa hôm ấy rằng, VHPG chính là bộ mặt tri thức của Phật giáo theo đánh giá của giới báo chí nói chung và báo chí Phật giáo nói riêng. Cái khó là kết hợp giữa tri thức uyên thâm và tính phổ biến đại chúng làm sao cho hài hòa, tránh khô khan hàn lâm và tránh cả “bình dân” hóa. Về phương diện ấy, tờ báo đã thành công và được những độc giả thuộc nhiều giới đánh giá cao.

Gọi là tài tình vì trong hoàn cảnh tờ báo “định vị” ở phân khúc “trí thức”, tờ báo vẫn tồn tại dù hoàn cảnh khách quan nhiều lúc không thuận lòng khi giá cả dịch vụ và vật tư đều gia tăng. Tờ báo vẫn cố gắng duy trì một số lượng độc giả trung thành và chung thủy, gắn bó. Tòa soạn phải vận dụng thể nào để không tăng giá vượt mức độc giả có thể đáp ứng, dù phải chịu thiệt thòi.

Với tất cả những nỗ lực tự thân của từng anh chị em Tòa soạn và sự điều hành xuất sắc của thầy Phó Tổng Biên tập Thường trực, VHPG hướng đến những mục tiêu xa hơn, cao hơn; luôn sống và làm việc theo lý tưởng ban đầu của mình, và tôi chắc rằng mọi người đang cảm thấy hạnh phúc. “Chừng nào lý tưởng còn, chúng ta còn hạnh phúc...” (Thiền sư Nhất Hạnh).

Cao Huy Hóa

Một chút cảm nghĩ nhân VHPG đến chặng đường 300 số.

Trên các quầy báo chí hiện nay, xuất hiện trăm hoa đua nở các tạp chí của trung ương, của địa phương, các ngành nghề, của thể thao, nghệ thuật, thẩm mỹ, của các độ tuổi... có tờ thì trang nhã, có tờ thì lòe loẹt sắc màu... như cùng lối cuốn đối tượng người đọc vốn không phải là dôi dào. Thế mà tìm đâu tạp chí Văn Hóa Phật Giáo? Có



Ảnh: Văn Quảng Tâm

đấy, nhưng chỉ một số rất ít quây hoặc tại các địa chỉ đặc biệt, không phải là kinh doanh.

Báo chí là món ăn tinh thần, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo là món ăn tinh thần, trước hết là của người Phật tử, đồng thời là món ăn tinh thần của nhiều người hiền thiện và có cảm tình với Phật giáo. Tạp chí đứng được trên chặng đường dài 14 năm với 300 số là một nỗ lực phi thường của Ban Biên tập, của chư tôn thiển đức Tăng Ni, thiện tri thức, đồng đạo cộng tác viên và những người ủng hộ. Món ăn của VHPG phải là món chay, tinh khiết, an lành, làm tăng trưởng từ bi và trí tuệ. Có bài sâu sắc, hiển nhiên, nhưng đa phần tạp chí phải tương đối dễ đọc, vui tươi, ý nhị, thẩm ý đạo, tình quê, vì đây là báo của đại chúng, trong đó có Phật tử ở những phương trời xa.

Thật là khó, nhưng phải làm cho được. Cả nước chỉ có một tạp chí văn hóa của một tôn giáo lớn, có truyền thống lâu đời ăn sâu vào tâm linh, đạo đức, nếp sống của cả một dân tộc, không lẽ Phật tử ba miền và các cơ quan của Giáo hội, không góp phần chăm lo tờ báo văn hóa của tôn giáo mình để cho nó sống bền thế?

Đỗ Hồng Ngọc

Tôi viết Văn Hóa Phật Giáo là để học.

Tôi học Phật không chánh quy hiện đại gì cả! Chỉ lờm bờm, thấp thoáng. Thịnh thoảng khi có dịp được gặp các vị sư, vị thầy, vị thiện tri thức... thì hỏi han đôi câu, vài từ... rồi về gối đầu mà ngẫm ngợi. Nhớ có lần Phật nói cái thấy biết của Phật như lá ở cánh rừng kia mà cái Phật nói ra chỉ như nắm lá trong tay! Ôi, nắm lá đủ để học muôn đời. Thôi thì chọn vài ba chiếc lá khô vụn. Nhớ những bài viết đầu tiên gửi Văn Hóa Phật Giáo tôi ghi dưới tiêu đề là "Lờm bờm học Phật". Tờ soạn không đồng ý. "Lờm bờm" thiếu nghiêm túc. Trần Tuấn Mẫn và tôi sau đó thống nhất chọn cụm từ "Thấp thoáng Lờn Kinh". Thấp

thoáng nghe được. Chẳng ngờ độc giả chịu. Thường khi bài đăng xong tôi hay hỏi Trần Tuấn Mẫn thế nào, có bị "rầy la, sỉ vả" gì không? Mẫn bảo viết tiếp, nhanh lên. Đó là lúc tôi viết những cảm nhận riêng của mình với một văn phong đời thường về kinh Kim cang, kinh Pháp hoa, Duy-ma-cật... Tôi biết Ban Biên tập VHPG có những bậc tôn túc, những cao nhân và nhất là độc giả Phật tử khắp nơi sẽ là những vị thầy của mình, sẽ là "bộ lọc" cho những bài viết của mình. Gần đây, khi tôi viết mục "Thoảng hương sen", là những suy gẫm, những cảm nhận tích lũy trong nhiều năm tháng học Phật của mình, VHPG đã sửa thành "Hương Sen" mà bỏ đi chữ "Thoảng". Tôi hiểu.

Với tôi, viết cho VHPG là một cách học tốt nhất đó vậy.

Nguyễn Thọ Trần Kiên Đoàn

Nhận xét về tạp chí Văn Hóa Phật Giáo:

... thực tế đây khích lệ đã diễn ra cho đến hôm nay, rằng suốt mười bốn năm qua, tờ báo Văn Hóa Phật Giáo đã tiến bước nhịp nhàng đồng hành với Phật tử và đạo pháp trên con đường tu học và hoằng dương đạo Phật. Đường hướng xây dựng văn hóa Phật giáo của tạp chí này khế hợp với tinh thần từ bi, trí tuệ của đạo Phật, đáp ứng được nhu cầu tu học và tham khảo nghiên cứu Phật giáo cho đủ mọi tầng lớp của quần chúng tiếp cận với đạo Phật Việt Nam. Có thể nói rằng tạp chí VHPG - qua 300 số báo phát hành - đã xác định được thể đứng của một cơ quan truyền thống văn hóa Phật giáo đáng được tán thán trong môi trường truyền thông đại chúng nói chung và trong quá trình hoằng dương pháp Phật nói riêng.

Xin giới thiệu với quý độc giả Tạp chí VHPG Kỷ niệm 300 số báo đã phát hành như một bông hoa minh họa cho đôi dòng khen tặng vườn hoa chữ nghĩa Phật giáo Việt Nam. ■

* Bài đăng theo thứ tự thời gian nhận được.

Đôi lời tâm sự

300 số báo, một quãng đường ngắn và dài

BAN BIÊN TẬP

Thế là Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã phát hành được 300 số báo trong gần 14 năm phục vụ độc giả. Đôi khi chúng tôi tự hỏi rằng đối với chúng tôi, quãng thời gian này là ngắn hay dài, rằng chúng tôi có thực hiện được ước vọng đồng thời là chủ trương rằng Văn Hóa Phật Giáo là "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc" đến mức độ nào đó dù là nhỏ nhoi hay không.

Quãng thời gian này là ngắn vì chưa so được với những tạp chí lâu năm trong nước; là ngắn vì các thành viên của tạp chí, hầu hết đã tham gia thực hiện xấp xỉ hoặc bằng với thời gian 14 năm, đôi lúc bỗng thấy mình già đi, tóc thưa thưa vài sợi trắng hoặc bạc trắng cả đầu; là ngắn như giấc mộng đêm qua, khi lần lượt được sự chỉ đạo của ba vị Tổng Biên tập đức độ, tài ba... rồi cả ba vị đều lần lượt thành người thiên cổ; là ngắn vì chúng tôi cảm thấy VHPG chưa được cải tiến, chưa phát triển, chưa hết khó khăn, tưởng như chỉ mới khởi sự hoạt động!

Quãng thời gian này cũng tưởng như là dài vì những khó khăn, lo âu cứ dai dẳng. Trong thời buổi mà báo mạng tràn đầy, số người đọc báo in, sách in càng lúc càng hiếm; trong thời buổi mà con người bận rộn, đua

chạy để kiếm sống hoặc để làm giàu thì việc đọc sách đọc báo cũng trở thành điều xa xỉ. Cũng may, VHPG còn giữ được số độc giả, không tăng nhưng không giảm. Thế nhưng những lo âu của chúng tôi vẫn canh cánh bên lòng. Liệu có đủ tiền chi phí trong tháng hay không. Tiền in báo, tiền bồi dưỡng các thành viên và các cộng tác viên, tiền nhuận bút cho các tác giả viết bài, tiền bảo hiểm y tế, xã hội... tiền sửa chữa các thiết bị đã cũ hay tiền mua sắm thiết bị mới... Liệu có đòi được tiền nợ từ các điểm phát hành hay không. Mỗi số báo in xong, liệu có sơ suất điều gì hay không... Liệu có ai trong các thành viên của tòa soạn có bệnh duyên hay có sự cố tự bản thân hay gia đình mà phải nghỉ dài hạn hay thậm chí nghỉ hẳn hay không... Thật ra, khó mà kể cho hết những lo âu, về các độc giả, về các tác giả cộng tác viên, về nội dung và hình thức của tạp chí...

Kể từ những số báo đầu tiên và cho đến bây giờ, chúng tôi vẫn luôn hy vọng. Hy vọng rằng hơn 16 ngàn tự viện Phật giáo trên toàn quốc, mỗi tự viện sẽ đặt mua một tờ VHPG, được vậy, số báo phát hành trong mỗi nửa tháng của chúng tôi sẽ tăng lên 16 ngàn tờ. Nhưng đến nay, số người đặt mua báo dài hạn phần lớn chỉ gồm các vị cư sĩ lão thành, các thanh niên, trung niên là chính; trong khi chỉ có vài trăm tờ VHPG được phát hành đến các tự viện! Tuy vậy, chúng tôi vẫn không hết hy vọng, mong sao VHPG sẽ đến với các tự viện ngày càng nhiều hơn. Chúng tôi có lý do để hy vọng: Không lẽ một tạp chí như VHPG do Trung ương Giáo hội chủ quản, lại không được các vị trụ trì hay quản lý các tự viện lưu tâm giúp đỡ hay sao!

Bên cạnh những lo âu, phiền muộn như đã nói trên, chúng tôi cũng có được những niềm vui đáng nhớ. Đó là một tập thể gắn bó, chia sẻ vui buồn, quan tâm giúp đỡ nhau, mối liên hệ giữa các thành viên của tòa soạn như là của một gia đình.

Lại nữa, thỉnh thoảng và khá thường xuyên, chúng tôi nhận được những lời nhận xét, khích lệ, góp ý về tờ tạp chí; những món quà tặng đầy chân tình gửi đến tòa soạn không những trong các dịp lễ mà cả trong những lúc bất ngờ; những cuộc viếng thăm cởi mở, hòa ái của nhiều độc giả và nhiều vị thân hữu.





Ảnh: **Trần Vọng Đức**

Điều đáng khích lệ nhất là nội dung *VHPG* trong vài năm qua đã phong phú, đa dạng hơn. Nhiều cây bút mới xuất hiện bên cạnh các cây bút uy tín cố cựu của tạp chí. Tác giả cộng tác viên là những người ở nhiều ngành nghề, nhiều tầng lớp xã hội, ở rất nhiều tình thành trong nước và một số là các tác giả đang sinh sống ở nước ngoài. Đây là các tác giả viết về Phật học, lịch sử, văn hóa, triết học... về tình người, tình quê hương đất nước... qua nhiều thể loại truyện ngắn, ký, nghị luận, tạp bút, thơ...

Một niềm vui mới. Trong tháng vừa qua, nhân chuẩn bị kỷ niệm 300 số báo đã phát hành, nhiều độc giả, tác giả cộng tác viên, các vị thân hữu đã gửi bài nhận xét về *VHPG* với những lời tán thán đầy tình cảm. Dù nghĩ rằng đây chủ yếu là những lời khích lệ, chúng tôi cũng rất vui vì những tình cảm riêng ấy dành cho *VHPG*.

* * *

Chúng tôi không quên được hình bóng của ba vị cố Tổng Biên tập của chúng tôi: Cư sĩ Võ Đình Cường, Trưởng lão Hòa thượng Thích Chơn Thiện và Hòa thượng Thích Trung Hậu. Chúng tôi nhớ mãi sự tận tâm chỉ bảo, khuyên nhủ, lo lắng cho từng thành viên chúng tôi. Chư vị về cõi tịnh tịch là một mất mát lớn của chúng tôi; ơn đức và thịnh tình của chư tôn đức ấy đối với chúng tôi thật lớn lao!

Chúng tôi chân thành ghi nhận ơn đức của chư tôn đức giáo phẩm, chư vị độc giả, ân nhân, thân hữu đã giúp đỡ, khích lệ, động viên chúng tôi. Và sau cùng, nhưng vô cùng trân trọng, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân với Hòa thượng Chủ tịch Thích Thiện Nhơn, ngài vẫn thường thăm hỏi, động viên chúng tôi; và nhất là đã đáp lời thỉnh cầu của chúng tôi, trong suốt hai năm qua, Hòa thượng đã đều đặn gửi bài đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Và dù có khó khăn trở ngại, chúng tôi vẫn luôn nỗ lực và hy vọng một sự phát triển tốt đẹp của *VHPG*. ■



Phương pháp giáo dục của Đức Phật theo Kinh tạng Pāli

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Kinh tạng Nikāya cho chúng ta một bức tranh sinh động về nghệ thuật thuyết giảng của Đức Phật. Bức tranh đó mô tả chi tiết về những sinh hoạt thường nhật và lời dạy của Ngài mà hàm chứa một triết lý giáo dục vĩ đại. Hầu hết lời dạy của Đức Phật được tìm thấy ở đây đều mang hình thức của các cuộc đối thoại và hội thoại. Thỉnh thoảng cũng có những bài kinh Đức Phật tự nói ra còn được gọi là “*Vô vấn tự thuyết*”. Những bài giảng đó được thuyết giảng tại những địa điểm khác nhau, cho những đối tượng khác nhau, tùy theo căn cơ và trình độ của thính chúng. Nói chung, mỗi bài thuyết pháp đều có nguyên nhân và điều kiện để Đức Phật nói pháp.

Một số bài kinh Đức Phật tuyên thuyết để chấn chỉnh một vài quan điểm sai lầm từ các đệ tử của mình hoặc của người khác. Và cũng có những bài pháp Đức Phật thuyết như để thách thức đối với các tà phái ngoại đạo. Nói chung có rất nhiều lý do để Đức Phật thuyết pháp. Tất cả đều nhằm một mục đích là đưa chúng sanh xa lìa tà kiến cố chấp, phiền não khổ đau đạt đến chánh kiến, giải thoát, niết-bàn.

Có rất nhiều phương thức được Đức Phật sử dụng trong khi thuyết pháp. Ở đây, chúng tôi trình bày một số phương pháp mà Ngài thường xuyên sử dụng được tìm thấy trong Kinh tạng như sau:

1. Đức Phật giảng pháp theo yêu cầu

Hầu hết các bài thuyết pháp của Đức Phật đều thực hiện theo sự yêu cầu của tứ chúng đệ tử, hoặc của người khác. Nghĩa là Đức Phật luôn sẵn sàng giải thích những vướng mắc cho các hàng đệ tử cũng như người khác khi họ yêu cầu.

Chúng ta có thể tìm thấy trong Kinh tạng Pāli rất nhiều câu như: “*Nó là tốt cho các Tỷ-kheo, bạch Đức Thế Tôn, nó là hữu ích cho các Tỷ-kheo, bạch Đức Thế Tôn! Nếu Thế Tôn giải thích vấn đề đó vì lòng bi mẫn*”. Trong những trường hợp như vậy, Đức Phật sẵn sàng giải thích để làm sáng tỏ các quan điểm của mình và để chấm dứt những phán đoán mù mờ của chúng đệ tử.

Đạo Phật luôn khuyến khích mọi người đến để thấy chứ không phải đến để tin. Do vậy, Đức Phật luôn đáp ứng những nhu cầu nếu một ai đó cần hỏi đến Ngài về những kiến thức giáo lý: “*Nếu kiến thức của bạn là không đầy đủ, Tôi sẽ hoàn thành nó cho bạn*”. Ngài luôn là đấng Đạo sư cởi mở, thân thiện và gần gũi với

chúng sinh. Ngài đã giảng giải Chánh pháp không có phân biệt sang, hèn, thấp, cao: “*Đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là đấng Đạo sư với bàn tay nắm lại*”. Những gì cần thiết để giải quyết vấn đề giải thoát khổ đau sinh tử thì Ngài đã thuyết giảng.

Vài phút trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật yêu cầu các Tỷ-kheo nêu ra những thắc mắc nếu có đối với lời dạy của Ngài. “*Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc*”. Nhưng không ai trong số 500 Tỷ-kheo có mặt tại đêm Đức Phật nhập Niết-bàn thắc mắc hay nghi ngờ về giáo pháp của Ngài. Bởi vì giáo pháp ấy Đức Phật đã dùng nhiều phương tiện giải thích một cách rõ ràng từ sơ thiện, trung thiện, đến hậu thiện, với văn nghĩa đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh.

Những yêu cầu như vậy thỉnh thoảng Đức Phật cũng đưa ra đối với hàng cư sĩ Phật tử. Trong con mắt của người Phật tử tại gia, Đức Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn và giải thoát. Ngài không chỉ cụ túc về từ bi và trí tuệ mà còn có khả năng siêu nhiên. Vì vậy, tìm kiếm lời khuyên hoặc quy y với Ngài là một cơ hội may mắn, hạnh phúc suốt đời.

Trong quá trình vân du thuyết pháp, Đức Phật thường gần gũi với người dân thường để tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người có những thắc mắc, nghi vấn về đời sống đạo đức đều được Ngài khuyên bảo, chỉ dạy. Trong một trường hợp khi con gái của *Anga Menidaika* sắp đi lấy chồng, ông đã thỉnh cầu Đức Phật cho những lời khuyên. “*Bạch Đức Thế Tôn! Các cô con gái của tôi sắp đi đến nhà chồng. Xin Ngài từ bi cho chúng một vài lời khuyên, để đời sống của chúng được tốt đẹp hơn và hạnh phúc trong hiện tại và tương lai*”. Đức Phật đã hướng dẫn như sau: “*Cô dâu mới về nhà chồng có thể gặp những khó khăn, vì thế nàng dâu phải tuân thủ những nguyên tắc sống trong gia đình nhà chồng, phải kính trọng bố mẹ chồng, phục vụ bố mẹ chồng một cách chu đáo như là bố mẹ ruột của mình, phải tôn trọng và kính mến những người thân và bạn hữu bên nhà chồng, như vậy là cô dâu mới đã tạo nên một bầu không khí an vui và hòa hợp trong gia đình chồng. Đồng thời cần phải tìm hiểu những bản tánh của chồng, biết rõ những hành động, tính khí của chồng và cộng sự với chồng ở mọi lúc mọi nơi trong nhà mới của chồng. Phải lịch sự, tử tế và biết những*



thu nhập của chồng, quản lý chi tiêu một cách hợp lý⁷⁴. Lời khuyên vô cùng hợp lý không chỉ cho những cô con gái sắp đi lấy chồng mà còn có thể áp dụng cho mọi thành viên trong một gia đình để thiết lập một đời sống an lạc hạnh phúc giữa đời thường.

Giảng pháp theo yêu cầu là phương pháp mang lại hiệu quả thiết thực. Dựa trên những thắc mắc, ưu tư, Đức Phật giải thích và khuyến khích bằng tình thương và trí tuệ của mình, làm cho đối tượng nghe pháp tiếp thu một cách trực tiếp, trọn vẹn, đem lại lợi ích thật sự ngay trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

2. Đức Phật thuyết pháp để xóa bỏ các nghi vấn, thắc mắc

Đôi khi Đức Phật thuyết pháp để làm nhẹ đi trong tâm trí các môn đệ và các truy vấn, nghi ngờ của người khác. Do không hiểu nên sinh tâm nghi ngờ. Mỗi khi các nghi vấn thắc mắc được giải quyết thì vấn đề trở nên sáng tỏ hơn. Có những nghi ngờ đã xảy ra trong tâm trí của nhà sư *Mālunkyaputta* về ý tưởng tại sao Đức Phật không bao giờ làm sáng tỏ nguồn gốc và bản chất của vũ trụ. Ngay lập tức ông đến gặp Đức Phật và yêu cầu Ngài giải thích lý do đó. Thế giới là thường hay vô thường? Thế giới là hữu biên hay vô biên? Như Lai có tồn tại sau khi chết?... Một loạt câu nghi vấn được đặt ra đối với Đức Phật. Trong trường hợp này, Đức Thế Tôn im lặng. Ngài nói cho *Mālunkyaputta* nghe câu chuyện một người bị mũi tên độc bắn trúng. Vấn đề cấp thiết là giải phẫu mũi tên độc ngay, chứ không phải mất công vô ích để tìm cho ra ngọn ngành mũi tên và người bắn mũi tên trước khi chịu giải phẫu. Cũng thế, vấn đề cấp thiết của con người là nhổ mũi tên “khổ đau” chứ

không phải đi tìm những câu trả lời cho các vấn đề siêu hình không thiết thực.

Trường bộ, kinh *Sa-môn quả* mô tả câu chuyện vua A-xà-thế (*Ajatasattu*) có một thắc mắc lớn trong lòng về quả vị của bậc Sa-môn. Ông đã lần lượt đi hỏi hết Lục sư ngoại đạo đương thời, nhưng vua hoàn toàn thất vọng với câu trả lời chiếu lệ của các bậc thầy hiện tại. Cuối cùng ông đã tìm đến gặp Đức Phật mong lý giải những thắc mắc ấy, và đã được Ngài giải thích thỏa đáng những nghi vấn trong lòng, khiến vua phát tâm quy y Tam bảo, trở thành vị vua Phật tử có công lao hộ trì Phật pháp lớn lao sau này.

Một dịp người dân thuộc bộ tộc *Kālāmā* thuộc thị trấn *Kesaputta* có quá nhiều thắc mắc, nghi vấn trong đầu vì những luận điểm xuyên tạc nhau giữa các Sa-môn, Bà-la-môn. Vì “... họ chỉ làm sáng tỏ, họ làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân⁷⁵”.

Đức Phật đã giúp dân *Kālāmā* ra khỏi bối rối bởi những lời khuyên rất nổi tiếng: “Đương nhiên, này các *Kālāmā*, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các *Kālāmā*, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân. Này các *Kālāmā*, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các *Kālāmā*, khi nào tự mình biết rõ như sau:

‘Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau; thời này Kālāmā, hãy từ bỏ chúng!’⁶.

Đức Phật tiếp tục tư vấn cho dân Kālāmā bằng cách chỉ ra rằng tham lam, thù hận và si mê là gốc rễ của tất cả các hành vi tà ác. Do đó, nếu bất cứ hành động nào nhìn thấy được kết nối với một trong ba độc, (tham, sân, si), hành động như vậy là có tội, ta nên từ bỏ chúng. Ngược lại, nếu bất cứ hành động nào được xem là từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ si, hành động đó là tốt, có lợi ích, thì ta nên cố gắng phát triển nó.

Lời giải thích trên thực sự là một phương pháp xác minh tính thực nghiệm hợp lý, khoa học dưới nhãn quan của Phật giáo. Như một vấn đề của thực tế, đạo đức Phật giáo không dựa trên bất kỳ quan niệm thông thường. Nó là một nền luân lý phổ quát vượt ra khỏi các định kiến về niềm tin Tôn giáo hay kỳ thị phân biệt. Lời dạy của Đức Phật là một phương tiện đại diện cho sự thật. Nó được tuyên bố cho mọi người đến thấy và biết, chứ không phải để thờ phượng hay tin tưởng đơn thuần.

3. Giảng pháp để an ủi và khuyến khích người khác

Trong một số bài giảng của mình, Đức Phật tuyên thuyết để làm an ủi và khuyến khích người khác khi họ gặp phải những điều bất như ý, khổ đau xảy ra. Có thể nói dòng chảy của cuộc đời là dòng chảy của nước mắt vô tận. Những nỗi khổ niềm đau luôn thường trực xảy ra đối với con người trên thế giới đầy bất toàn, biến động vô thường này. Chỉ có những người đã đoạn tận lậu hoặc, giải thoát hoàn toàn mới có thể sống an nhiên tự tại. Còn những chúng sinh thường tình thì cuộc sống này thực sự là bể khổ mà họ chưa thể thoát ra được. Nên những lời khuyên, an ủi sẽ trở nên hữu ích thực sự trong một số trường hợp đặc biệt.

Đức Phật là người biết rõ thế giới, là đấng Thiện thế..., do đó Ngài trở thành nơi nương tựa vững chắc cho những tâm thức đau khổ muốn trở về nương tựa. Vài phút trước khi nhập Niết-bàn, khi biết Ananda buồn khóc vì biết sẽ sắp lìa xa Đức Thế Tôn mãi mãi, Đức Phật an ủi: *“Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than. Nay Ananda, Ta đã tuyên bố trước với người rằng mọi vật luyến ái, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay Ananda, làm sao có được sự kiện này: ‘Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?’ Không thể có sự kiện như thế được. Nay Ananda, đã lâu ngày, người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích an lạc có một*

không hai, vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích an lạc có một không hai, với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích an lạc có một không hai, vô lượng. Nay Ananda, người là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, người sẽ chứng bậc vô lậu, không bao lâu’⁷. Lời an ủi của Đức Phật đã trở thành một động lực lớn lao đối với Ananda. Một thời gian sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, trước đêm diễn ra đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất tại hang động Thất diệp, Ananda đã chứng được thánh quả A-la-hán.

Lời an ủi của Đức Phật trở nên quá hữu ích khi một bà mẹ ôm xác đứa con vừa mới chết với tâm trạng suy sụp tinh thần, đau buồn, thương tiếc kinh khủng.

Bà đến gặp Đức Phật và mang theo xác đứa con trai và thỉnh cầu thuốc phục sinh cho nó. Đức Phật đã nói với bà, rằng hãy đi xin một số hạt cải trong một ngôi nhà chưa từng có người nào chết. Bà đã đi từ nhà này đến nhà kia nhưng không thể tìm ra một ngôi nhà

nào mà chưa từng có sự chết trải qua. Từ đó, trong tâm bà dần dần phát sinh nội quán tinh thức và ý nghĩa của sự chết. Bà nhận ra sự chết là một hiện tượng phổ biến, không ai tránh khỏi. Từ đó, bà bớt đau khổ.



4. Đức Phật thuyết pháp để trị liệu thân, tâm bệnh

Một số bài thuyết giảng của Đức Phật không những nhằm mục đích để trị liệu tâm bệnh mà còn cả thân bệnh. Vấn đề chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần luôn được Đức Phật chú trọng thuyết giảng. Trong thời Phật tại thế, bệnh tật là một hiện tượng phổ biến trong cuộc đời của chư vị Tỷ-kheo. Có thân thì có bệnh, đó là quy luật tự nhiên. Trong *Trung bộ kinh* chúng ta thấy khá rõ ở bài kinh *Giáo giới Channa* và bài kinh *Giáo giới Cấp Cô Độc* mô tả rõ về tình trạng đau ốm bệnh tật. Các quy định liên tục về quy tắc tu viện liên quan đến chế độ sinh hoạt của các Tỷ-kheo mà chúng ta có thể thấy trong Luật tạng là chứng minh cho điều đó. Đức Phật không xem nhẹ vấn đề chăm sóc sức khỏe thể chất và Ngài cũng luôn nhấn mạnh vào việc chữa trị tâm bệnh. Hai vấn đề này có mối liên hệ mật thiết với nhau. Theo Ngài, tâm trí không thể tập trung trong trường hợp cơ thể bị xáo trộn bởi những cảm xúc đau đớn, bệnh tật. Ngài đã từng tuyên bố một câu nói đầy minh triết khi quyết định rời bỏ năm anh em Kiều-trần-như tại Khổ Hạnh Lâm rằng *“Không thể có một trí tuệ minh mẫn trong một thể xác tiểu tụy héo mòn”*. Việc chăm sóc sức khỏe là cần thiết, nhưng đừng hưởng thụ thái quá mà gây chướng ngại cho quá trình tu tập thiền định. Trong tứ sự cúng dường mà vị Tỷ-kheo thọ nhận, thì thuốc chữa bệnh là một. Thời Phật tại thế cũng có một vị

y sĩ nổi tiếng đó là y sĩ *Jivaka* luôn chăm sóc sức khỏe cho Đức Phật và Tăng đoàn.

Ngoài hiệu quả của thuốc chữa bệnh, Đức Phật thường dạy các vị Tỷ-kheo hãy chăm sóc lẫn nhau để làm dịu cơn đau bằng cách nhắc lại pháp *Thất giác chi*. Đó là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. Đức Phật đã từng bảo Tôn giả Mahā Cunda nhắc lại pháp này khi Ngài lâm trọng bệnh. Vâng lời, Mahā Cunda nhắc lại pháp Thất giác chi mà Thế Tôn đã chơn chánh thuyết giảng để tu tập làm cho sung mãn. Sau đó đức Thế Tôn khỏi bệnh⁸. Có một phương pháp để giúp người mang bệnh tật thực tập quán chiếu đó là *pháp Niệm xứ*, tức là quán bất tịnh trên thân, quán ghê tởm đối với món ăn, tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới, quán vô thường trong tất cả hành, và nội tâm khéo an trú trong tưởng về chết. Nếu năm pháp này được người bệnh thường xuyên quán chiếu thì “*không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt và tâm an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát*”.

Không chỉ thuyết pháp cho người bị bệnh mà Đức Phật còn dạy cho người săn sóc bệnh có đầy đủ kiến thức tốt để giúp cho người bệnh nhanh chóng phục hồi và an ổn, đó là “... *làm điều thích đáng; biết vừa phải trong khi chữa trị; có sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh có lợi ích cho mình; như thật biết rõ bệnh hoạn*”⁹. Đức Phật còn yêu cầu thiết yếu hơn đối với người săn sóc bệnh phải “... *có năng lực pha thuốc; biết cái gì thích đáng, cái gì không thích đáng; đưa cái gì thích đáng, không đưa cái gì không thích đáng, vì lòng từ săn sóc người bệnh, không vì lợi ích vật chất, không cảm thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ mửa ra, hay đờm; có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ người bệnh*”¹⁰.

Đức Phật còn căn dặn các Tỷ-kheo hãy tận tình chăm sóc cho nhau khi ốm đau. “*Những người đồng phạm hạnh với các ông bị đau ốm, các ông không săn sóc cho nhau thì ai săn sóc? Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin mà bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ Sa-môn Thích tử, đồng tu phạm hạnh, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc?*”

Trong một số trường hợp, Đức Phật đã trực tiếp đến thăm các Tỷ-kheo bị bệnh và có những lời khuyến tấn khích lệ bệnh nhân. “*Này Kasaspa, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải triệu chứng giảm thiểu không có tăng trưởng?*”¹¹. Sau đó Đức Phật đã thuyết bài pháp thoại *Thất giác chi*, Tôn giả Mahā Kasaspa hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy và khỏi bệnh.

Trường hợp các Tỷ-kheo quá đau đớn, vô vọng khi bị cơn đau hành hạ có thể làm mất phương hướng tu tập giải thoát, Đức Phật kịp thời có những lời khuyên để động viên tinh thần: “*Bạn có nghi ngờ bất kỳ điều gì không, Tỷ-kheo? Bạn có hối hận bất cứ điều gì không,*

Tỷ-kheo? Bạn có khiến trách mình gì về đời sống đạo đức?”. Sau đó, Đức Phật thuyết một bài pháp thoại nhấn mạnh đến đặc tính không thật của các pháp cho đương sự nghe để thấu hiểu về sự yếm ly và kiên định lý tưởng tu tập giải thoát.

Khi Tỷ-kheo Channa mang bệnh nặng, không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng phải cần đến con dao để chấm dứt mạng sống để khỏi bị cơn bệnh hành hạ. Tôn giả Xá-lợi-phất đến thăm và khuyên Tỷ-kheo Channa cố gắng kham nhẫn, chịu đựng cơn đau để duy trì mạng sống. Sau đó Tôn giả Xá-lợi-phất nói cho Channa nghe về tự tính vô ngã của thân thể năm uẩn này. Ý thức rõ rằng: “*cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*” để đoạn trừ đau khổ; ngài nhắc lại lời dạy của Đức Thế Tôn và khuyên Channa phải luôn thường trực tác ý: “*Ai có chấp trước là có dao động. Ai không chấp trước là không dao động. Không có dao động thời có khinh an; có khinh an thời không có hy cầu; không có hy cầu thời không có khú lai; không có khú lai thời không có sanh tử; không có sanh tử thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là sự đoạn tận khổ đau*”¹².

Thật khó để khẳng định rằng một căn bệnh vật lý nhất định có thể được chữa khỏi bằng năng lượng chỉ đơn thuần là tinh thần. Nhưng chắc chắn rằng các tu sĩ Phật giáo của nhiều thế hệ đã sử dụng phương thuốc này có hiệu quả không chỉ để chữa bệnh thể chất mà còn cho tinh thần. Việc chiêm nghiệm và phân tích về tự tính vô ngã của năm uẩn là một chủ đề lớn của việc chữa bệnh trong Phật giáo. Bởi vì, nếu ai thực tập quán chiếu sâu về tính vô ngã của năm uẩn thì cảm thọ về khổ đau cũng được thuyên giảm.

Còn rất nhiều phương thức thuyết giảng của Đức Phật được tìm thấy trong Kinh tạng, Luật tạng cũng như Luận tạng. Một bài viết ngắn khó có thể trình bày đầy đủ. Tuy nhiên, với những phương pháp được trình bày ở trên cũng đủ để thấy rằng Đức Phật không chỉ là một nhà giáo dục mà Ngài còn là một nhà tâm lý, một triết gia vĩ đại. Nơi Ngài, luôn tròn đầy lòng từ bi và trí tuệ. Từ bi để thương yêu, che chở. Trí tuệ để dẫn dắt chúng sinh đoạn trừ phiền não khổ đau, chứng đạt Thánh trí, giải thoát. ■

Ghi chú:

1. F.L. Woodward, *The Book of the Gradual Sayings*, Vol. I, Motilal Banarsidass, Delhi, 2005 (reprints), p.168. 2. Thích Minh Châu (dịch), *Trường bộ kinh*, Tập 1, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2005, tr.583. 3. Sđd, tr.664. 4. E.M. Hare, *The Book of the Gradual Sayings*, Vol.III, pp.29-30. 5. Thích Minh Châu (dịch), *Tăng chi bộ kinh*, tập 1, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2005, tr.338. 6. Sđd, tr.338. 7. Thích Minh Châu (dịch), *Trường bộ kinh*, tập 1, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2005, tr.649. 8. Thích Minh Châu (dịch), *Tương ưng bộ kinh*, Phẩm về bệnh, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.127. 9. Sđd, tr.127. 10. Sđd, tr.127. 11. Sđd, tr.125. 12. Thích Minh Châu (dịch), *Trung bộ kinh*, tập 3, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2001, tr.598.

Quốc sư Vạn Hạnh

Công đức đối với đạo pháp và dân tộc

THÍCH THIỆN NHƠN

Quốc sư Vạn Hạnh (938 - 1018) họ Nguyễn, người làng Dịch Bảng, châu Cổ Pháp, phủ Bắc Giang, nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 21 tuổi, ngài xuất gia theo học đạo với Thiền Ông Đạo Giả tại chùa Lục Tổ.

Ngài đã nỗ lực tinh cần không mong cầu gì khác ngoài sự tu học về pháp hành, thiền định. Do đó, không bao lâu ngài đã lão thông Tam học, gồm ba môn học Vô lậu là Giới học tùy thuận Niết-bàn, Định học tùy thuận Chân như, Tuệ học tùy thuận Bát-nhã, hoàn toàn khế hợp chân lý tự tâm tự tánh của chính mình. Đồng thời, ngài còn nỗ lực tu tập pháp môn Tổng trì Tam-ma-địa (Dharanisammadhi), có nghĩa là một loại thiền định có khả năng thông suốt và giữ gìn tất cả pháp, không bao giờ mất; đó là duy trì tất cả ngôn ngữ, duy trì tất cả giáo pháp, duy trì tất cả nghĩa lý của giáo pháp, duy trì tất cả thần chú (Dharani). Do đó, ngài thông hiểu tất cả loại sám ký và nói ra mang về thần bí sám ký, biết trước mọi việc sẽ xảy ra.

Có thể nói, trong ba triều đại Đinh, Tiền Lê và Lý, các vị Thiền sư Khuông Việt, Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh và Thiền sư Đa Bảo là tứ trụ của triều đình, giúp ích cho các triều đại, đất nước, dân tộc và đạo pháp; với những sự tham mưu, hội ý của Thiền sư Vạn Hạnh đã góp phần củng cố và phát triển đất nước trong một thời gian dài từ năm 968-1009 trong những năm đầu kỷ nguyên thời kỳ độc lập, tự chủ của nước Đại Việt.

Cụ thể vào thời Lê Đại Hành, khi vua nhà Tống sai tướng Hầu Nhân Bảo sang đánh Đại Việt năm 981, nhà vua đã hỏi ý kiến Thiền sư Vạn Hạnh về việc thắng bại trong trận đánh này như thế nào, Thiền sư Vạn Hạnh đáp: *"Chỉ trong ba, bảy ngày nữa là quân giặc sẽ rút lui"*. Đồng thời, nhà vua đã đề nghị cho Thiền sư Pháp Thuận đến đến Sóc Thiên vương khẩn vái Tỳ-sa-môn Thiên vương hộ trì cho quân Đại Việt thắng trận.

Lĩnh Nam trích quái có ghi: "Triều hoàng đế Lê Đại Hành nhà Lê, năm Tân Tỵ Thiên Phúc thứ nhất (981) Tống Thái tổ sai bọn tướng quân Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàng Hưng đem quân xâm lược nước Nam, đến sông Đại Thang, vua Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng đóng quân ở sông Đổ Lỗ để chống lại, hai bên đối lủy giữ nhau. Vua Lê Đại Hành ban đêm nằm mơ thấy hai vị thần mà nhà vua đã khẩn vái trước khi xuất quân, hai vị thần này đi lại trên sông và nói: *"Anh em thần, một người tên Trương Hồng, một người tên Trương Hát, trước thờ Triệu Việt vương (548-570) thường theo*

chinh phạt bọn giặc dữ, mà có được thiên hạ - Nay thấy quân Tống vào xâm lược nước Nam, làm khổ sinh linh nước ta, nên bọn thần đến gặp, xin cùng vua đánh bọn giặc này để cứu sinh dân".

Ngày 23 tháng 10 năm 981 vào canh ba nửa đêm, khí trời tối mịt, gió lớn mưa dồn nổ ra, thần mập mờ đứng trên không trung, cao tiếng ngâm nga:

*Nam Quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên dĩ định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Nguyên văn:

南國山河南帝居，
截然定分在天書。
如何逆虜來侵犯，
汝等行看取敗虛。

Nghĩa:

Nước Nam sông núi vua Nam ở
Rành rề phân chia tại sách Trời.
Giặc nghịch sao nay dám xâm phạm
Chúng bây chuốc bại chắc ngay thôi.

Quân Tống nghe thế, chạy tứ tán, tan hàng rã ngũ, rút lui, một số đông bị bắt sống, thế là quân Tống chưa đánh đã đại bại. Vua Lê Đại Hành đem quân về Hoa Lư mừng thắng trận. Nói khác đi, cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Đại Việt, đã thuận cả lòng Trời và lòng dân, nên được Tỳ-sa-môn Thiên vương (Sóc Thiên vương) và Quốc sư Vạn Hạnh, Thiền sư Pháp Thuận đại diện cho dân tộc Đại Việt, vì Phật giáo thời ấy là Quốc đạo. Qua cuộc chiến thắng năm 981, đã giữ vững bờ cõi ở phương Bắc một thời gian dài.

Năm Thuận Thiên thứ hai (982), khi vua Lê Đại Hành cử Từ Mục, Ngô Tử Anh đi sứ Chiêm Thành, bị vua Chiêm bắt giữ, nhà vua rất tức giận muốn cất quân sang đánh Chiêm Thành, vì Chiêm Thành không thần phục, nhưng còn do dự chưa cất quân. Khi xin ý kiến Quốc sư Vạn Hạnh, ngài trả lời: *"Nên xuất quân sang đánh, nếu không sẽ bỏ lỡ cơ hội và không kịp thời nữa"*. Quả thật, khi quân Đại Việt sang đánh Chiêm Thành, giành được chiến thắng, bắt cả vua Chiêm là Bê-mi-thuế (Paramesvaravarman), nhà nước Chiêm Thành đã thần phục và triều cống nhà Lê, giữ vững bờ cõi phương Nam một thời gian, dân chúng an cư lạc nghiệp, thiên hạ thái bình, thịnh trị.



Nguồn: sputniknews.com

Cho đến cuối triều Lê, nhất là khi Lê Đại Hành băng hà năm 1005, con là Lê Trung Tông lên kế vị được ba ngày thì bị Lê Long Đĩnh sát hại, tiếm ngôi và lên làm vua, nên không tạo được sự ủng hộ của nhân dân cũng như trong nội bộ triều đình, trong nước thì có một vài địa phương nổi lên chống đối triều đình như các châu Đô Lương, Vị Long, Ân Động, Hoan châu, Hoàng Đường, Thiên Liễu... đã tạo sự bất ổn trong nước, có ảnh hưởng đến sự tồn vong của triều đại. Điều không may xảy ra là Lê Long Đĩnh ngã bệnh, nằm tại giường thiết triều, nên thường gọi là Lê Ngọa Triều, đến năm 1009, thì băng hà. Vua con còn nhỏ, không thể kế vị được. Do đó, Chi hậu Đào Cam Mộc và Quốc sư Vạn Hạnh cùng Thiền sư Đa Bảo đã hội ý quân thần, đưa quan Thân vệ Lý Công Uẩn (974-1028) lên ngôi, kết thúc triều Lê, mở đầu nhà Lý (1009-1225).

Vua Lý Công Uẩn lên ngôi tháng 11 năm Kỷ Dậu (1009), tôn hiệu là Lý Thái Tổ. Trong thời gian này, Quốc sư Vạn Hạnh đang ở chùa Lục Tổ, làng Địch Bàng, phủ Bắc Giang, biết rõ sự việc phải xảy ra và phù hợp với lòng dân, vì dân chúng đã và đang chán ghét triều Lê, muốn có một triều đại tươi sáng hơn, một minh quân có tài, có đức lãnh đạo đất nước. Người đó không ai khác hơn là Lý Công Uẩn, là con nuôi của Lý Khánh Vân, học trò của Vạn Hạnh Thiền sư cũng như Đa Bảo Thiền sư đã dày công dạy dỗ, trở thành tướng sĩ tài ba được tiến cử làm quan Thân vệ từ đầu triều Lê. Cho nên, ngày hôm đó, tức tháng 11 năm Kỷ Dậu (1009), ngài đã làm bốn câu kệ niêm yết ngoài đường, bố cáo cùng quốc dân được biết sự kiện trọng đại của lịch sử và đất nước Đại Việt, nội dung bốn câu kệ như sau:

蒺藜沉北水，
 李子樹南天。
 四方戈杆靜，
 八表賀平安。

Phiên âm:

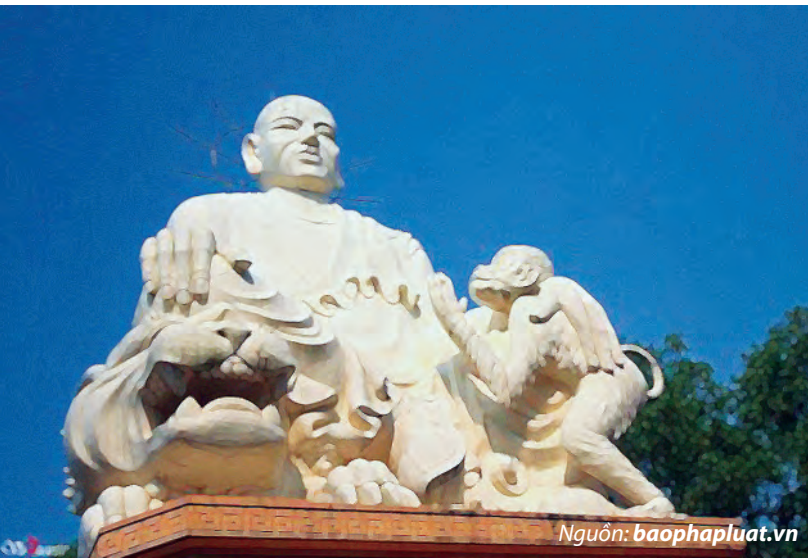
Tật lê trầm Bắc thủy,
 Lý tử thụ Nam thiên.
 Tứ phương qua can tĩnh,
 Bát biểu hạ bình yên.

Nghĩa:

Tật lê chìm biển Bắc.
 Hạt lý mọc trời Nam.
 Bốn phương không giặc giã.
 Tám hướng được bình yên.

Sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi, với tầm nhìn phóng khoáng, muốn phát triển đất nước thì cần phải có một kinh đô xứng tầm, là trung tâm văn hóa, chính trị, xã hội của cả nước, vì kinh đô Hoa Lư bấy giờ đã quá nhỏ hẹp, không đáp ứng việc phát triển quốc gia Đại Việt. Do đó, Quốc sư Vạn Hạnh đã hiến kế cho vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, Thăng Long, Hà Nội ngày nay. Ngày 10 tháng 7 năm Canh Tuất (1010), vua Lý Thái Tổ chính thức dời đô, và định đô tại Thăng Long - Hà Nội. Ngay sau khi định đô, vua Lý Thái Tổ đã đổi châu Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức, cố đô Hoa Lư thành phủ Tràng An. Việc dời đô do Quốc sư Vạn Hạnh hiến kế đã mở đầu triều đại nhà Lý (1010-1225) huy hoàng, hưng thịnh và phát triển gần 300 năm, rồi ảnh hưởng tiếp đến triều Trần (1225-1400) gần 200 năm, tổng cộng trên 500 năm đã đưa Phật giáo lên hàng Quốc đạo của Đại Việt. Quả thực, công đức của Thiền sư Vạn Hạnh là một công đức vô cùng lớn lao đối với dân tộc và Phật giáo Đại Việt và cho đến ngày nay và mãi mãi về sau.

Cuối cùng, ngài cũng theo lý vô thường, đến đi tự tại, sinh tử nhàn nhi dĩ, viên tịch ngày rằm tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 9 (1018), có thuyết cho là ngày rằm tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), thọ 90 tuổi.



Trước khi viên tịch, Ngài có để lại bài kệ phó chúc cho đệ tử như sau:

身如電影有還無，
萬木春榮秋又枯。
任運盛衰無怖畏，
盛衰如露草頭鋪

Phiên âm:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn vật xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Nghĩa:

Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cỏ Xuân tươi, Thu đượm hồng
Mặc vận thịnh suy không sợ hãi
Thạnh suy đầu cỏ hạt sương đong.

Ngài còn dặn tiếp: “Các con muốn đi đâu? Ta không lấy chỗ trụ để trụ, không nương vào chỗ không trụ mà trụ”, nói xong ngài thị tịch.

Vua Lý Thái Tổ và đệ tử cử hành lễ trà tỳ Quốc sư Vạn Hạnh, xá-lợi được tôn trí tại Bảo tháp chùa Tiêu Sơn, làng Địch Bảng, phủ Thiên Đức, xứ Kinh Bắc (Thành phía Bắc kinh đô Thăng Long) Bắc Giang, nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Sau này vua Lý Nhân Tông (1066-1128) đã có bài truy tán Ngài như sau:

萬行融三際，
真符古讖機。
鄉關名古法，
拄錫鎮王畿。

Phiên âm:

Vạn Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm kỳ
Hương quan danh Cổ Pháp
Trụ tích chấn Vương kỳ.

Nghĩa:

Vạn Hạnh rõ ba đời¹
Lời nói hợp sấm xưa
Quê hương làng Cổ Pháp
Chống gậy vững kinh vua.

Để tưởng nhớ và ghi tạc công đức của ngài, ngoài tôn tượng được thờ tại chùa Tiêu Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thì trước năm 1975, dưới thời Đế quốc Cộng hòa năm 1956, chính phủ Ngô Đình Diệm đã dùng tôn hiệu của ngài đặt tên đường Sư Vạn Hạnh (tên cũ là đường Logril) chạy ngang qua trước chùa Ấn Quang - Chợ Lớn (Sài Gòn). Năm 1964, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã dùng pháp hiệu của ngài đặt tên cho một trong tám khu vực của miền Nam là miền Vạn Hạnh (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi). Năm 1966, Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN đã dùng đạo hiệu của ngài đặt tên cho một trường Đại học Phật giáo là Viện Đại học Vạn Hạnh, sau năm 1975, đổi thành Viện Phật học Vạn Hạnh, tiền thân Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở 2, nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh.

Tóm lại, công đức của Quốc sư Vạn Hạnh đối với đạo pháp và dân tộc thật vô cùng to lớn, là có công đức nuôi dưỡng, dạy dỗ Lý Công Uẩn trở thành tướng sĩ tài ba, văn võ song toàn, hữu dụng cho đất nước Đại Việt. Với cương vị cố vấn, quân sư, quốc sư của các triều Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý, Quốc sư Vạn Hạnh đã tạo được sự đoàn kết, thống nhất ý chí hành động và phát triển đất nước gần 300 năm, đưa Phật giáo lên hàng quốc đạo. Ngài cũng có công rất lớn trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Đại Việt năm 981, 982, nhất là có công đưa Thân vệ Lý Công Uẩn lên làm vua 1009 mở đầu nhà Lý thịnh trị, phát triển gần 300 năm. Đặc biệt, đã giúp vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La - Thăng Long - Hà Nội ngày nay, tạo cho đất nước Đại Việt có một trung tâm văn hóa, chính trị xã hội ổn định không ngừng phát triển, vươn ra tầm cao mới, xứng đáng là Thủ đô ngàn năm văn hiến của Đại Việt cũng như Việt Nam ngày nay. Hơn nữa, với tinh thần Vạn Hạnh là tinh thần nhập thế tích cực vô trụ giải thoát của các vị Thiên sư, Quốc sư và Tăng Ni, Phật tử Việt Nam qua gần 2.000 năm lịch sử truyền thừa và phát triển liên tục trong suốt thời kỳ dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nhất là tinh thần đoàn kết hoà hợp dân tộc, gắn bó giữa đạo và đời, là chất liệu keo sơn không bao giờ cách ly. Qua đó, Phật giáo đã tạo được thế đứng vững vàng, ổn định và không ngừng phát triển trong lòng dân tộc.

Quả thực: “Hoa đời, Hoa đạo đua nhau nở. Mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương”. ■

Chú thích:

1. Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai.

Bảo tồn và phát huy Di sản Phật giáo Trúc Lâm

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Là tông phái do Phật hoàng Trần Nhân Tông khai mở, phát triển, hơn 700 năm qua, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (Phật giáo Trúc Lâm) với tinh thần nhập thế đã luôn đồng hành cùng dân tộc, thể hiện rõ nét qua các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được lưu giữ, trao truyền lại hôm nay. Đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động “*Lợi đạo ích đời*” của những người con đất Việt, đã hòa vào dòng chảy văn hóa của nhân loại, trở thành biểu tượng sáng ngời về giá trị tinh thần của người Việt với bạn bè quốc tế.

Là một thành tố quan trọng trong chỉnh thể di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam, văn hóa Phật giáo Trúc Lâm (VHPGTL) là di sản của các hiện vật vật lý và các thuộc tính phi vật thể gồm toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc đã được sáng tạo, lưu giữ, truyền lại từ triều đại nhà Trần (thế kỷ XIII) qua nhiều thế hệ đến ngày nay¹; bao gồm di sản văn hóa vật thể như chùa, thiền viện, tịnh, am, các pho tượng, di vật... và di sản văn hóa phi vật thể như các lễ hội, diễn xướng, giáo lý, phương pháp tu tập của Phật giáo Trúc Lâm... và di sản tự nhiên.

Ngược dòng lịch sử, vào thế kỷ XIII, vua Trần Nhân Tông, vị minh quân của dân tộc ta, sau khi làm tròn trách nhiệm với đất nước, ngài quyết chí xuất gia lên Yên Tử tu hành, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm; từ đây dòng thiền Việt Nam chính thức được khai mở và phát triển mạnh mẽ. Với tinh thần nhập thế, Phật giáo Trúc Lâm đã dễ dàng thâm nhập vào đời sống xã hội, trở thành tôn giáo vừa gánh vác việc đời vừa hoàn thành tốt chức năng với đạo và chúng sinh. Phật giáo Trúc Lâm giáo dục và khuyến khích con người hướng thiện bằng cứu nhân độ thế, trọng nghĩa tình, xem thường danh lợi, biết cách kiểm chế mình, biết xây dựng cuộc sống hạnh phúc; sống bao dung, hòa hợp với thiên nhiên, tôn trọng phẩm chất và trí tuệ sáng tạo, đề cao nhân tố con người. Phật giáo nhập thế không phải vì danh lợi hay giáo quyền, mà là vì lợi ích chung của quốc gia và hạnh phúc của nhân dân, làm cho con người được sống trong hòa bình, an lạc. Người tu hành sống vì đời, hòa nhập với đời nhưng vẫn có thể giác ngộ được Niết-bàn. Chính di sản văn hóa quý giá đó đã góp phần to lớn tạo nên sức mạnh Đại Việt, củng



Nguồn: dulichhaiduong.gov.vn

cố khối đại đoàn kết dân tộc để đánh thắng giặc, xây dựng đất nước thành một quốc gia hùng mạnh mà không có thế lực nào ngăn cản được.

Nói đến Phật giáo Trúc Lâm là nói đến những ngôi chùa cổ kính như Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn, Hoa Yên và hệ thống các trường đào tạo quy củ như Yên Tử, Quỳnh Lâm, Thanh Mai... cùng hệ thống kinh, sách, mộc bản cổ. Trong đó, mộc bản Kinh Phật Trúc Lâm (chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang) là mộc bản gốc duy nhất của Phật giáo Trúc Lâm hiện còn lưu giữ được. Với giá trị văn hóa của mộc bản, ngày 16/05/2012, hội nghị của Ủy ban UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã công nhận là Di sản Tư liệu Thế giới thuộc Chương trình Ký ức Thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Giá trị văn hóa của Phật giáo Trúc Lâm còn được thể hiện rõ nét trong không gian truyền thống của ngôi chùa, thiền viện; từng bộ phận kiến trúc, từng hiện vật, đồ thờ tự đều là những tác phẩm đạt tới đỉnh cao của giá trị nghệ thuật. Ngôi chùa cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt Phật giáo như Đại lễ Phật Đản, lễ cúng Phật, bái Tổ, lễ khai ấn, Đại lễ Vu lan, lễ cầu an, chạy đàn cầu mưa... và những nghi thức tôn giáo trang trọng mang nét đặc trưng của Thiền phái.

Có thể khẳng định, di sản VHPGTL là một minh chứng sống động cho khả năng tồn tại và phát triển của nền văn hóa dân tộc ta, trở thành “*Tâm thức Trúc Lâm*” trong lòng mỗi người thuộc mọi thế hệ bất chấp



thời gian và thăng trầm lịch sử². Ngày nay, hệ thống thiền viện Trúc Lâm đã được xây dựng và phát triển nhiều nơi trong nước và ở nước ngoài như Pháp, Mỹ, Canada, Australia, Ý... cho thấy sức sống mãnh liệt của Thiền phái khi đã đạt tới đỉnh cao giá trị văn hóa, khi đã hòa nhập vào đời sống tinh thần của nhân loại. Thông qua hệ thống di sản VHPGTL, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã để lại cho chúng ta bài học quý giá về các phương thức “*yên lòng người, khoan sức dân, khơi dậy truyền thống, dùng tín ngưỡng làm đòn bẩy nâng cao tinh thần tự lực tự cường của toàn dân*”³. Giá trị vô giá của di sản VHPGTL không chỉ là tinh hoa Phật giáo Việt Nam, mà còn là tinh hoa văn hóa của cả dân tộc. Chính vì lẽ đó, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản VHPGTL vừa là quyền lợi, nhưng đồng thời là trách nhiệm cao cả của toàn xã hội và các Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước.

Những năm qua, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo nói chung và di sản VHPGTL nói riêng. Nhiều di tích chùa, thiền viện đã được công nhận, tu bổ, tôn tạo hoặc xây mới, điển hình như khu di tích, danh thắng Yên Tử (Uông Bí), chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều)... Đặc biệt với chủ trương phục hưng Thiền phái Trúc Lâm, sau ngày đất nước thống nhất, Hòa thượng Thích Thanh Từ (Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam) đã đứng ra vận động xây dựng nhiều thiền viện trong cả nước như Trúc Lâm Trí Đức (Đồng Nai), Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh), Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Thiền viện Sùng

Phúc (Hà Nội), Trúc Lâm Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế)... Ở đó, hoạt động tu tập, tọa thiền được phục hồi và tổ chức nghiêm trang, hình thức giảng đạo cũng như thực hành Phật sự tuy giản lược nhưng vẫn sâu sắc và gắn gũi với văn hóa Việt Nam.

Toàn cầu hóa là quy luật tất yếu của sự phát triển, do vậy, chúng ta phải chủ động hội nhập để tận dụng cơ hội, thuận lợi mà nó đem lại nhằm phát triển đất nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản VHPGTL. Thực tiễn cho thấy, thời gian qua đã xảy ra nhiều hiện tượng gây bức xúc xã hội liên quan đến công tác này. Đó là tình trạng xâm hại, phá hoại di tích, lấy cắp cổ vật và đồ thờ tự; vai trò định hướng, phân cấp quản lý của các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương nhiều nơi còn sơ hở, chông chéo; việc bảo tồn, tu tạo di sản chưa có sự phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan chức năng; ở một số nơi còn diễn ra tình trạng trùng tu tùy tiện, làm sai lệch yếu tố gốc. Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa bảo tồn, phát huy giá trị di sản còn thiếu chính sách cụ thể để khuyến khích, kêu gọi rộng rãi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân; thu hút nguồn vốn xã hội hóa trong điều kiện ngân sách dành cho công tác này còn eo hẹp.

Cần nhấn mạnh rằng, bảo tồn không có nghĩa chỉ quan tâm đến quá khứ quên đi hiện tại và tương lai mà trái lại, phải làm tăng thêm và phát triển giá trị di sản VHPGTL một cách bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Cần nắm vững bản chất, đặc trưng và đặc điểm lịch sử ra đời của từng di sản mới đảm bảo cho việc bảo tồn và phát huy đúng hướng, giúp cho những giá trị vốn có của chúng được tôn vinh, tỏa sáng. Việc bảo tồn, trùng tu di sản cần vận dụng linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, môi trường và nét đặc thù của các di sản; phải xử lý hài hòa các mối quan hệ tương tác giữa sức ép toàn cầu hóa trong bảo vệ di sản theo hướng vừa tăng cường giao lưu vừa giữ được bản sắc, vừa phải tận dụng được ưu thế để vượt qua tác động tiêu cực của việc hội nhập. Trong đó, yếu tố kế thừa và cách tân, vừa truyền thống vừa hiện đại, nội sinh và ngoại sinh, giao lưu và tiếp biến văn hóa... cần được nhìn nhận, xem xét một cách thấu đáo, toàn diện.

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị di sản VHPGTL ở nước ta hiện nay, người viết xin đưa ra một số giải pháp, kiến nghị như sau:

Một là, đề nghị các cơ quan chức năng sớm xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam; trong đó nhấn mạnh việc bảo tồn di sản phải kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, xã hội, du lịch, bảo vệ môi trường và ngược lại, phát triển phải kết hợp chặt chẽ với bảo tồn. Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật về bảo tồn, tu tạo, xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.



Nguồn: dulichhaiduong.gov.vn

Hai là, áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại vào bảo tồn và phát huy giá trị các di sản VHPGTL như xây dựng phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu, ứng dụng hoá chất vào việc bảo quản di sản, sử dụng vật liệu hiện đại trong tu bổ, xây mới các hạng mục trong quần thể di sản; ứng dụng công nghệ 3D trong việc phục dựng không gian di sản; xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá đối với di sản tiêu biểu, có vị trí quan trọng trong đời sống của nhân dân.

Ba là, mỗi di sản VHPGTL đều gắn với một địa phương hay một cộng đồng nhất định. Do đó, các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục các chức sắc, tín đồ và nhân dân ý thức tự giác trong việc bảo vệ, phát huy giá trị của di sản, lòng tự hào đối với di sản VHPGTL; vận động nhân dân học tập, thực hành giá trị tinh thần, đạo đức của Phật giáo Trúc Lâm.

Bốn là, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn, tu tạo, quản lý di sản VHPGTL nhằm tranh thủ sự giúp đỡ về chuyên môn, kỹ thuật của bạn bè quốc tế; mở rộng cơ hội khai thác tiềm năng đầu tư trong nước và quốc tế trong bảo tồn và phát huy di sản. Có chính sách thu hút rộng rãi sự đóng góp, công đức của các tổ chức, cá nhân hảo tâm và của toàn xã hội trong công tác này.

Năm là, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo tồn, tôn tạo và khai thác giá trị di sản; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý nghiêm

hành vi phá hoại giá trị di sản VHPGTL; chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, làm nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản.

Sáu là, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm hoàn thiện hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Phật giáo Trúc Lâm là di sản thế giới và Phật hoàng Trần Nhân Tông là Danh nhân Văn hóa Thế giới. Đó là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra nước ngoài, góp phần quan trọng nâng cao uy tín, vị thế nền văn hóa nước ta trên trường quốc tế.

Di sản VHPGTL chính là sức mạnh nội sinh quan trọng của dân tộc ta trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước ta trong quá trình hội nhập quốc tế. Việc bảo tồn, phát huy di sản VHPGTL cũng chính là góp phần đưa “tâm thể Phật giáo Trúc Lâm” ngày càng thêm tỏa sáng trên toàn thế giới, trở thành dòng chảy văn hóa chính của nhân loại trong thời đại mới. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Di_s%E1%BA%A3n_v%C4%83n_h%C3%B3a.
2. La Văn Sơn, *Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và văn hóa Việt Nam*, Báo Nhân Dân Online số ra ngày 03/03/2008;
3. Đặng Văn Bài, *Phật giáo Việt Nam từ góc nhìn di sản văn hóa*, Báo VHNT số 1/2006



ngôi chùa độc đáo nhất *Việt Nam*

THƠM QUANG

Chùa Một Cột còn có tên gọi là Diên Hựu tự (延祐寺) hoặc Liên Hoa Đài (蓮花臺), là ngôi cổ tự nằm giữa lòng thủ đô Hà Nội, gần với Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đây là một trong những di tích lịch sử văn hóa có kiến trúc độc đáo nhất Việt Nam cũng như ở khu vực châu Á, là biểu tượng của thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến.

Chùa Một Cột được vua Lý Thái Tông cho khởi công xây dựng vào tháng 10 năm Kỷ Sửu (1049). Theo một bản sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 3, mặt khắc 14, chùa được xây dựng dựa theo giấc mơ của vua Lý Thái Tông. Đó là, vào năm 1049 vua nằm mộng thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen và dắt vua cùng lên. Sau khi tỉnh mộng, Lý Thái Tông đã kể chuyện đó lại với bầy tôi và được nhà sư Thiên Tuệ khuyên dựng chùa theo hình hoa sen để thờ Phật

Quan Âm cầu cho nhà vua sống lâu, vì thế gọi là chùa Diên Hựu. Chùa làm trên một cột đá dựng giữa hồ Linh Chiểu. Trong hồ có trồng sen. Trên cột đá làm hình tòa sen đỡ ngôi chùa nhỏ làm toàn bằng gỗ. Trong chùa đặt tượng Phật Quan Âm bằng vàng để thờ. Vì chùa làm trên một cột đá như vậy nên cũng gọi là chùa Một Cột.

Dưới triều Lý, chùa Một Cột rất được các bậc đế vương chú ý. Năm Tân Tỵ (1101), vua Lý Nhân Tông đã cho đúc một quả chuông lớn cho chùa Diên Hựu và dựng một tòa phương đình cao tám trượng, xây bằng đá xanh, làm nơi treo chuông. Chuông đúc tại một khu ruộng cạnh chùa. Khi đúc xong, chuông lớn quá, không đưa được vào treo trong phương đình, đành phải để tại chỗ, ngay trên mặt đất mà đánh. Do vậy, chuông đánh không kêu và dần dần bị bỏ chơ vơ ngoài ruộng. Lâu ngày, ruộng

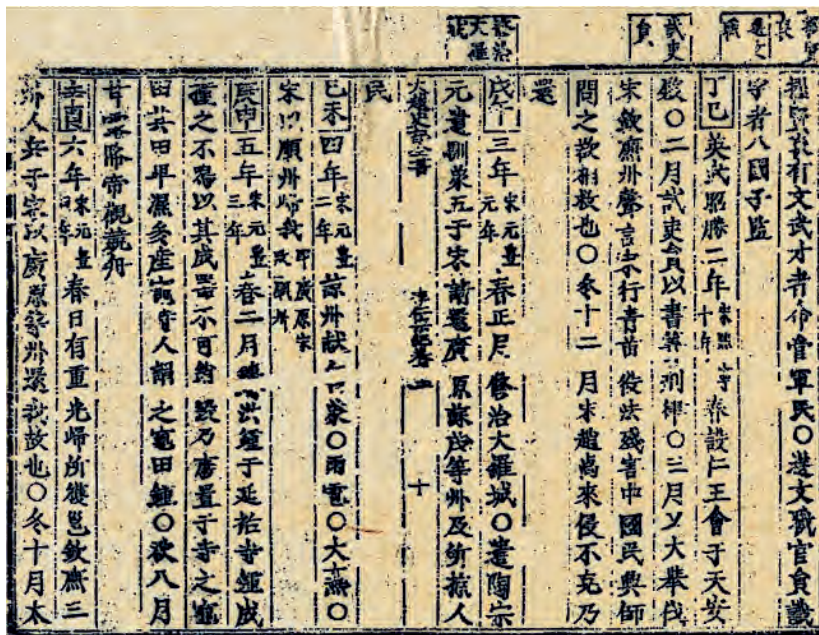
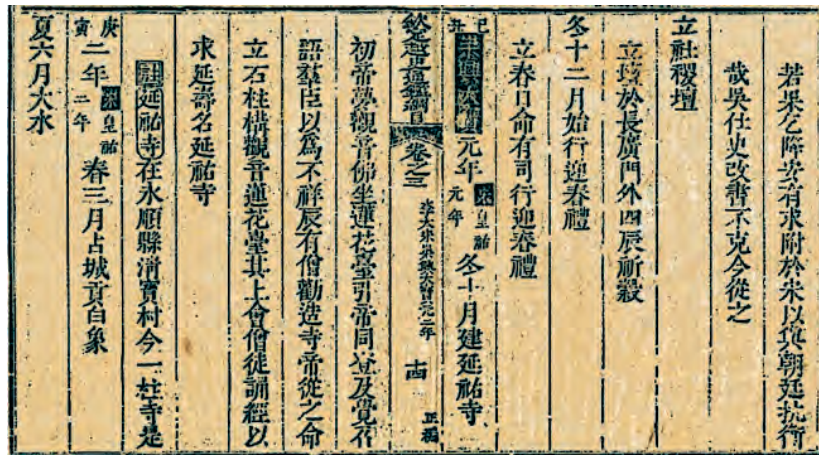
ngập nước, rùa chui vào chuông làm tổ, nên đời sau gọi là chuông Quy Điền. Mộc bản sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 3, mặt khắc 10 còn chép về sự kiện này như sau: “Mùa xuân, tháng 2, đúc chuông lớn cho chùa Diên Hựu. Chuông đúc xong, đánh không kêu, nhưng cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, bèn đem bỏ ở Quy Điền (ruộng rùa) của chùa. Ruộng ấy thấp ướt, có nhiều rùa, người bấy giờ gọi là chuông Quy Điền”.

Đến năm 1105, vua Lý Nhân Tông tiếp tục cho sửa lại chùa và xây hành lang bao vây xung quanh hồ Linh Chiểu. Trên tường hành lang có vẽ màu, ngoài hành lang có đào hồ Khang Bích bao bọc xung quanh; bốn phía đều làm cầu thông từ hành lang qua hồ Khang Bích ra sân vườn. Ở sân phía trước chùa, gần đầu cầu, có dựng hai ngọn tháp lớn lợp bằng ngói sứ trắng.

Lúc mới ra đời, chùa Một Cột được xem là danh lam thắng cảnh của đất kinh thành và từng là nơi các vua nhà Lý thường tới vãn cảnh chùa. Cứ đến ngày rằm và ngày mồng một hàng tháng, vua cùng với hoàng gia và cận thần tới chùa lễ Phật. Đặc biệt nhất là vào ngày 8 tháng 4 âm lịch hàng năm, các bậc đế vương tới đây làm lễ tắm Phật. Các sư và nhân dân khắp nơi về dự rất đông. Lễ tắm Phật ở chùa Một Cột trở thành một ngày hội lớn ở kinh thành. Sau lễ tắm Phật ở trong chùa, vua ra ngự ở một đài cao dựng trước chùa, làm lễ phóng sinh. Nhà vua đứng cầm một con chim thả cho bay đi, nhân dân dự hội cũng nhiều người tung chim bay theo, bóng chim bay rợp trời.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, các ngọn tháp và hành lang chùa Một Cột đã bị phá hủy, chỉ còn lại một ngọn chùa trên cột đá, được các đời sau thường tu sửa. Năm Đinh Mùi (1427), chuông Quy Điền bị quân xâm lược nhà Minh ở thành Thăng Long phá làm khí giới để chống lại quân khởi nghĩa Việt Nam do Lê Lợi lãnh đạo.

Ngày nay, chùa Một Cột vẫn là một trong những di tích cổ nhất ở thủ đô Hà Nội. Ngày 11 tháng 9 năm 1954, trước khi phải rút khỏi Hà Nội, thực dân Pháp đã cài đặt mìn phá hủy, chùa tan nát, chỉ còn lại cột đá với mấy cái xà gỗ. Sau khi tiếp quản Hà Nội, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cho dựng chùa theo đúng thể thức cũ và đến tháng 4 năm 1955 thì hoàn thành.



Năm 1958, tại trước chùa Một Cột, lại được trồng cây bồ-đề của đất Phật do Chính phủ Ấn Độ tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chùa Một Cột được Tổ chức Kỷ lục châu Á xác lập kỷ lục châu Á là ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2012.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo Dục, năm 2004.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb Thuận Hóa, 2012.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb Thuận Hóa, 1994.
4. Hồ sơ H60/6 Mộc bản triều Nguyễn - Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
5. Hồ sơ H60/3, Mộc bản triều Nguyễn, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
6. Hồ sơ H60/5, Mộc bản triều Nguyễn, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.

* Ảnh tác giả chọn

Nhớ Nguyễn Hiến Lê

ĐỖ HỒNG NGỌC

“**H**à Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ, nằm kê bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu... Hà Nội mùa thu... Mùa thu Hà Nội... Nhớ đến một người...”
(Hà Nội mùa thu - Trịnh Công Sơn)

“Nhớ đến một người” đó, với tôi, là nhớ Nguyễn Hiến Lê, một người Hà Nội, một học giả, một nhà trí thức chân chính ngày nay được cả nước biết đến. Nhưng nói Nguyễn Hiến Lê người Hà Nội chỉ đúng... một phần ba, vì tuy sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, lúc mới 22 tuổi, ra trường Công chánh, ông đã khăn gói vào Nam nhận nhiệm sở để rồi sống luôn ở đó suốt nửa thế kỷ cho đến ngày mất, năm 1984, khi vừa 72 tuổi. Nửa thế kỷ dằng dặc đó của một đời người, ông đã chẳng lúc nào quên quê hương Hà Nội của tuổi thơ ông.

Còn nhớ năm 1978, tôi có dịp lần đầu tiên ra Hà Nội dự một hội nghị về y học. Hà Nội không hề xa lạ với tôi. Tôi như thuộc lòng từng ngõ ngách, từng phố đá, từng mái tranh gốc rạ, từng phố xá thân quen... cũng nhờ từ nhỏ đã sống với tác phẩm của Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nhất Linh, Khái Hưng... những buổi chiều vàng, những gánh hàng hoa, những anh phải sống... rồi với cả những người xa Hà Nội như Mai Thảo, như Vũ Bằng... Hà Nội với tôi còn là “*Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng...*” rồi “*Hà Nội ơi, hướng về thành phố xa xôi, ánh đèn giăng mắc muôn nơi, áo màu tung gió chơi vơi...*” ...

Tôi lên khỏi hội nghị đến thăm Văn Miếu, lòng làng làng như đi giữa ngàn xưa và bỗng nhớ Nguyễn Hiến Lê, nhớ một câu ông viết từ những năm 50 rằng bằng cấp không phải là thước đo giá trị của một con người. Có những người có tên trong văn bia tiến sĩ ở Văn Miếu mà chẳng mấy ai còn nhớ, trong khi những Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, Tú Xương... luôn được người đời nhắc đến...

Tôi đến Bưu điện Hà Nội gửi ngay cho ông một tấm bưu thiếp. Chỉ viết mấy dòng vắn tắt. Cũng chẳng hy vọng gì nó đến được trong thời buổi đầy khó khăn ấy. Vậy mà hơn một tháng sau, Nguyễn Hiến Lê nhận được bưu thiếp và ông trả lời:

Saigon 3/11/78

Thân gửi cháu Ngọc,

Hôm qua tôi được bưu thiếp của cháu gửi từ Hà Nội ngày 29/9. Cảm động nhất là câu: “Cháu đến thăm Văn Miếu, nghĩ đến bác nhiều”. Tôi hiểu rồi chắc cháu nhớ một đoạn cuối tập Bí quyết thi đậu của tôi. Cảm ơn cháu nhiều lắm. Cháu hiểu tôi. Cháu làm tôi nhớ hồi trẻ tôi học ở trường Bưởi (Chu Văn An) ngoài đó quá. Cháu có xem Hồ Tây, chùa Quan Thánh, đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên?) không? Trường Bưởi của tôi ở bên bờ Hồ Tây đấy. Mà trường Yên Phụ (tiểu học) của tôi ở trên bờ hồ Trúc Bạch trông ra đường Cổ Ngư đấy.

Đứng trên đường này nhìn về phía Bắc sẽ thấy núi Tản Viên, quê tôi ở gần chân núi đó. Nhớ quá đi. Cháu có đi thăm đền Ngọc Sơn, đền Voi Phục, chùa Láng ... không? Toàn những cảnh mà hồi trẻ tôi mê.

Mê nhất là cái sắc trời, cái không khí trong trẻo, những làn sương lam nhẹ là là mặt đất, ngọn gió hây hây, những lá vàng, làn nước xanh, hương lúa của mùa thu ngoài đó. Toàn là những teintes douces, gợi những tình cảm buồn buồn mà nên thơ, nên thơ lắm. (...)

Nhớ lại trước đó nữa, đầu năm 1974, tôi gửi ông bài thơ mới viết: *Đi cho đỡ nhớ*, ghi lại cảm xúc của mình trong ngày đầu tiên trên chuyến xe lửa nối liền Saigon-Biên Hòa mà mơ một chuyến tàu Nam-Bắc... Ông trả lời:

Saigon 30/1/74

Cháu Đỗ Hồng Ngọc,

Tôi mới ở Long Xuyên lên. Bài “Đi cho đỡ nhớ” cảm hứng mới mẻ đấy, mà thú. Đọc hoài thâyêu nhau và nhớ nhau, với thơ chiến tranh, ngán quá rồi. Nhưng cháu làm cho tôi thêm đi quá. A, bao giờ Saigon mới được nối với Hà Nội bằng xe lửa đây? Lúc đó tôi sẽ bỏ hết các công việc, nhờ cháu làm revision générale cho bộ máy của tôi, rồi lên xe lửa thăm non sông Nam, Trung, Bắc một lần cuối cùng. Sẽ uống dừa Tam Quan, ăn cam Xã Đoài, rồi ăn nhãn Hưng Yên, hồng Bạch Hạc, cốm Vòng v.v.. Thèm không cháu? (...)

Ông thường nhắc trong thư cảnh núi Tản hùng vĩ, cảnh ngã ba Bạch Hạc mênh mông mùa nước lớn, cảnh đồng ruộng vắng vắng tiếng sáo diều và thoang thoang hương lúa, cảnh chợ quê lều tều mấy gian cột tre mái rạ với những quán chè tươi... làm tôi cũng nhớ quá!

NGUYỄN HIẾN - LÊ

12/3c KỶ-ĐỒNG

SAIGON

*

Saigon 30.1.79

Cháu Đỗ Hồng Ngọc
Tôi mới ở Long Xuyên tên Bài "Đi chèo đó
nào", cảm thấy mới mẻ này, mà thú.
Độc hoài, thì yêu nhau và nhớ nhau, với
thời chèo trau, ngắm quê rồi. Nhưng cháu
lắm chèo thì thân ở quá! As bao giờ
Saigon mới được nổi với Hài hước bằng
đề lứa này? Lúc đó thì sẽ bỏ hết
các công việc này cháu làm nghiên

Cơ hội đã đến với ông. Năm 1979, ông được mời đi dự Hội nghị khoa học toàn quốc về vấn đề **Giữ gìn sự trong sáng trong tiếng Việt** tại Hà Nội, thế nhưng lần đó ông không đi được vì bệnh. Rồi thôi, không còn dịp nào nữa!

22.10.79

Cháu Ngọc,

Tôi đã bỏ ý ra Hà Nội rồi. Cơ hội tốt, đáng tiếc thật. Nhưng ngại chỗ ở và ăn lấm, cũng ngại cuối Oct. thời tiết lạnh đau bao tử và rhinite trở lại. Cũng còn lí do: ông Trương Văn Chình không được mời ra, không hiểu tại sao. Đi một mình, buồn.

(Ghi chú: Trương Văn Chình là người cùng hợp soạn với ông cuốn *Khảo luận về Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Đại học Huế, 1963).

Rồi ông về ở hẳn Long Xuyên, quê hương thứ hai của ông ở miền Nam, ráng viết cho xong các tác phẩm triết học Trung Quốc mà ông nói là "hy vọng còn có giá trị trong vài mươi năm nữa", và "cũng để bắt đầu óc phải làm việc" cho nó đừng sớm "lão hóa". Cũng trong thời gian này, ông nói ông băn khoăn không biết có nên viết hồi ký hay không, và, nếu có viết thì sẽ viết những gì. Trong các thư riêng gửi tôi, ông tâm sự như thế và nghĩ rằng có lẽ cũng nên viết chút gì đó chừng vài trăm trang... Thế rồi *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* cũng như 120 tác phẩm của ông đã hình thành như ta được biết hôm nay.

Những năm cuối đời, ông thường ưu tư buồn bã, mà vẫn khôn nguôi nỗi nhớ quê xưa:

Nhớ lại hồi đó, mới đây thôi mà đã đúng như câu thơ cổ: "Vạn sự tan như mây khói" cả rồi. Cả cái mộng đi một tua thăm Nam Trung Bắc cũng tan luôn nữa.

Tôi chưa về thăm ngoài đó...

(Long Xuyên 30.7.79)

Ông thường về Long Xuyên, quê hương thứ hai của ông, bù ngùi nghe lại câu hò ngày xưa:

*"... chèo vô Núi Sập lựa con cá khô sặt cho thiệt ngon, lựa trái xoài cho thiệt giòn, đem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm, em về em dọn một bữa cơm để cho người quân tử hò ơ... để cho người quân tử ăn còn nhớ quê..."*¹

Với tấm lòng như vậy, dễ hiểu tại sao mặc dù ông có điều kiện để đi xa - vợ con ông ở Pháp từ nhiều năm trước - nhưng ông chọn ở quê nhà, chết ở quê nhà (ngày 22/12/1984), và được hỏa táng tại Thủ Đức.

Mười lăm năm trước đây (2003), nhóm chúng tôi có Trần Văn Chánh, Đỗ Hồng Ngọc, Lê Anh Dũng, Nguyễn Duy Chính, Trần Huiễn Ân, Nguyễn Hương Dương, Lê Ký Thương... đã làm một cuốn sách về Nguyễn Hiến Lê: **Nguyễn Hiến Lê, Con người và Tác phẩm**. Sách đã tuyệt

bản từ lâu. Mới đây, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP.HCM đã quyết định cho tái bản cuốn sách này với bổ sung từ các bài viết, phỏng vấn Nguyễn Hiến Lê của Nguyễn Ngu Í, Lê Phương Chi, Châu Hải Kỳ, Lê Anh Minh...

Đã có những nghiên cứu về sự nghiệp của Nguyễn Hiến Lê như luận văn thạc sĩ về "Vấn đề lao động nhà văn trong các trước tác của Nguyễn Hiến Lê" của Nguyễn Ngọc Điệp, do GS Huỳnh Như Phương hướng dẫn; và gần đây các luận văn nghiên cứu về sự nghiệp văn hóa, văn học của Nguyễn Hiến Lê...

Ảnh hưởng Nguyễn Hiến Lê ngày càng thấm sâu trên đất Bắc. Sáu năm trước (2012), tôi nhận được email của một bạn trẻ không quen biết từ Hà Nội, cho biết về chuyến "Hành trình Xuyên Việt vượt 2.200km bằng xe máy tri ân thầy Nguyễn Hiến Lê". Các bạn trẻ đi xuyên Việt bằng xe máy, từ Hà Nội vào thẳng chùa Phước Ân tại Lấp Vò, Đồng Tháp "để thả hương tri ân tới thầy Nguyễn Hiến Lê". Email viết: "... sách của thầy Nguyễn Hiến Lê viết giản dị, chân thành, là thầy mà cũng như là bạn, chúng con rất vui là đã lan tỏa được sách của thầy tới anh em thanh niên, vì trước đây sách của thầy ngoài Bắc cũng hiếm ạ".

"... thực ra đối với thanh niên ở ngoài Bắc có thiệt thòi hơn trong Nam nhiều, là ít được tiếp xúc với sách của cụ Lê (...), chân thành mong muốn tri thức Nguyễn Hiến Lê đến gần hơn, giúp đỡ cho thanh niên được nhiều hơn (...).

Saigon, TP.HCM hiện nay cũng đã có một con đường mang tên Nguyễn Hiến Lê. Một cách ghi nhận công lao của một "người Hà Nội" đã sống và làm việc miệt mài suốt nửa thế kỷ ở miền Nam và đã để lại một di sản đáng quý góp một phần không nhỏ vào nền văn hóa nước nhà.

Và với riêng tôi, Nguyễn Hiến Lê còn để lại biết bao niềm trân trọng và triu mến để tôi được "Nhớ đến một người" giữa "mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió" của Hà Nội hôm nay. ■

Ghi chú: 1. Hồi ký Nguyễn Hiến Lê.

Tầng lớp sĩ phu nho học triều Nguyễn trước nạn ngoại xâm

CAO VĂN THỨC

Sơ lược về tầng lớp sĩ phu nho học trong bộ máy nhà nước

Từ khi nhà Lý thành lập năm 1009 cho đến cuối thế kỷ XI, trong đời sống chính trị, xã hội của đất nước, Phật giáo đóng vai trò quan trọng. Trong triều đình ngoài hai ban văn quan, võ quan, còn có ban tăng quan gồm có các vị cao tăng đóng vai trò hội đồng cố vấn cho nhà vua trong việc trị quốc.

Do xu thế phát triển của thời đại, và chịu ảnh hưởng mô hình chính trị nước lớn Trung Quốc ở phương Bắc, nhà Lý bắt đầu chú trọng đến việc sử dụng mô hình Nho giáo trong việc quản lý đất nước; điều này trước tiên được thể hiện trên lĩnh vực giáo dục: năm 1070 thành lập Văn Miếu thờ Khổng Tử, năm 1076 xây dựng trường Quốc Tử Giám ở kinh đô Thăng Long và cho mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân sự vào bộ máy nhà nước năm 1075. Trước đây, nhà Lý bổ nhiệm quan chức là những người có công lao với triều đình trong buổi đầu giúp vua khởi nghiệp, thứ đến là con cháu quan chức cao cấp được “thế tập” hoặc những người tài giỏi trong dân gian được các quan địa phương phát hiện, tín nhiệm và tiến cử lên triều đình. Từ khoa thi năm 1075, triều đình bắt đầu dùng khoa cử để tuyển chọn nhân sự; nhưng do những hoàn cảnh khác nhau, trong hơn hai trăm năm tồn tại, nhà Lý chỉ tổ chức được mấy khoa thi mà thôi (các năm 1075, 1086, 1105, 1152, 1165, 1195). Vì vậy, số người xuất thân khoa bảng nho học trong bộ máy nhà nước còn rất ít ỏi, vì vậy chưa hình thành một tầng lớp sĩ phu nho học ở chốn triều đình.

Thời nhà Trần (1225-1400), giáo dục Nho giáo được đề cao thêm một bước nữa. Ngoài trường Quốc Tử Giám ở kinh đô Thăng Long, triều đình còn mở rộng hệ thống trường công lập ở các địa phương (lộ, phủ) và bổ nhiệm học quan phụ trách việc giảng dạy. Các khoa thi được tổ chức đều đặn hơn, ban đầu là bảy năm, về sau ba năm tổ chức một khoa thi. Thi Hương ở các địa phương, chọn hương cống, sinh đồ; thi Hội ở kinh đô, chọn Thái học sinh (nhà Lê đổi danh hiệu là Tiến sĩ) để bổ nhiệm vào bộ máy nhà nước. Qua các khoa thi được tổ chức đều đặn, đội ngũ nho sĩ đỗ đạt tham gia chính trường ngày càng tăng, dần dần hình thành tầng lớp sĩ phu nho học trong bộ máy nhà nước.

Đến thời Hậu Lê ở thế kỷ XV về sau, với chủ trương độc tôn Nho giáo, triều đình xây dựng hệ thống

trường lớp ở trung ương và địa phương quy củ như thời Trần, tổ chức đều đặn ba năm một lần các khoa thi Hương, Hội, nên đã đào tạo được tầng lớp sĩ phu nho học khoa bảng tham gia vào bộ máy chính quyền, đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội của đất nước.

Chương trình học tập theo các bộ sách kinh điển do các học giả Trung Quốc biên soạn như Tứ thư (*Mạnh Tử, Luận ngữ, Trung dung, Đại học*), Ngũ kinh (*Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu*) và các sách thơ văn, lịch sử cổ trung đại Trung Quốc... Chương trình giáo dục Nho học của Trung Quốc chủ yếu là Tống Nho với các học giả kinh viện, giáo điều như Chu Hy, Trình Hạo. Kiến thức chỉ là những giải thích mơ hồ về vũ trụ, con người, những lời giáo huấn về luân lý đạo đức hoặc thuật xử thế của các bậc danh nhân, thánh hiền thời cổ đại Trung Quốc hàng mấy nghìn năm trước. Mục đích giáo dục của Nho giáo là tạo nên những con người có đạo đức thuần thực, sống khuôn mẫu theo tam cương, ngũ thường, trung thành tuyệt đối với nhà vua, giúp vua cai trị và giáo hóa dân chúng sống hòa nhã trong khuôn khổ, trật tự của xã hội phong kiến nông nghiệp. Và chế độ phong kiến đã thực hiện rất thành công mục đích giáo dục, đã đào tạo ra được những nhà nho đức độ làm rường cột cho nước nhà, giúp cho nhà nước phong kiến nông nghiệp có những giai đoạn thịnh trị về kinh tế, văn hóa...

Về thực tế, từ thời Trần đến Hậu Lê, nền giáo dục Nho giáo đã đào tạo ra được nhiều danh nhân có công lao với đất nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao như: Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên, Lê Quý Đôn...

Sau khi chiến thắng Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã lên ngôi vua năm 1802, chính thức lập ra vương triều Nguyễn. Nhà Nguyễn đã áp dụng nền giáo dục Nho giáo để đào tạo ra những quan chức phục vụ cho bộ máy công quyền. Năm 1807, triều đình cho mở khoa thi Hương đầu tiên ở các địa phương để chọn hương cống, sinh đồ. Thời Gia Long (1802-1819), tổ chức được tất cả ba khoa thi Hương, mỗi khoa thi cách nhau sáu năm (1807, 1813, 1819) và chưa có thi Hội. Đến thời Minh Mạng trở về sau tổ chức đều đặn các khoa thi Hương, thi Hội, cứ ba năm một lần. Năm 1828, vua Minh Mạng cho đổi học vị hương cống, sinh đồ thành cử nhân, tú tài.



Năm 1829, thi Hội ngoài số người đỗ tiến sĩ chính thức, nhà vua còn cho lấy thêm Phó bảng là những người có điểm thi gần sát với điểm đỗ tiến sĩ. Đến thời Tự Đức, toàn quốc có tất cả bảy trường thi Hương tại các địa phương Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định, Gia Định. Thi Hội là khoa thi lớn cấp quốc gia được tổ chức tại kinh đô Huế.

Hệ thống trường công lập cũng được triều đình tổ chức một cách hệ thống, chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Ở kinh đô có trường Quốc Tử Giám do quan Tế tửu và quan Tư nghiệp phụ trách; ở tỉnh có trường công do quan Đốc học đảm trách; ở các phủ, huyện có trường công do quan Giáo thụ, Huấn đạo đảm trách. Ngoài trường công lập của nhà nước thì hệ thống trường, lớp tư thực của các thầy đồ nông thôn mở ra khá nhiều để cung ứng cho nhu cầu học tập của con em người dân lao động ở các làng xã.

Trải qua gần 100 năm giáo dục khoa cử, triều Nguyễn đã tổ chức được 39 khoa thi Hội với 558 người đỗ đại khoa (Tiến sĩ, Phó bảng) và 47 khoa thi Hương với 5397 người đỗ cử nhân¹. Nền giáo dục Nho học của nhà Nguyễn đã đào tạo được một tầng lớp sĩ phu nho học đông đảo tham gia vào bộ máy nhà nước. Tầng lớp

sĩ phu nho học này đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống chính, kinh tế, xã hội của đất nước ở nửa đầu thế kỷ XIX.

Sĩ phu nho học được đào tạo, uốn nắn từ “cửa Khổng, sân Trình” mục đích giáo dục phong kiến là để họ trở thành những con người “trung, hiếu, tiết, nghĩa”, có phẩm giá, nhân cách cao thượng, thực hiện bổn phận “thượng trí quân, hạ trạch dân” (trên phò vua, dưới giúp dân) làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội thái bình. Và mục đích giáo dục đó đã thành công ở khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, đào tạo ra được những nhà nho tài giỏi, có đóng góp lớn cho đất nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa... tiêu biểu như các danh nhân: Nguyễn Công Trứ, Trương Đăng Quế, Phạm Văn Nghị, Nguyễn Đức Đạt, Nguyễn Văn Siêu...

Nhưng từ nửa thế kỷ XIX về sau, khi tình hình thế giới và khu vực có những biến động ngày càng dữ dội, Việt Nam đứng trước hiểm họa xâm lăng của thực dân Pháp thì tầng lớp sĩ phu nho học với mô thức kiến thức giáo dục cũ kỹ đã trở nên lỗi thời, không đáp ứng được nhu cầu của thời đại mới và tầng lớp này đã nhanh chóng phân hóa với những thái độ, tư tưởng quan điểm khác nhau trước sự tồn vong của dân tộc.



Tầng lớp sĩ phu nho học trong triều đình trước nạn ngoại xâm

Ở thế kỷ XVIII-XIX, các nước phương Tây (Anh, Pháp, Đức, Ý...) sau khi thực hiện thành công cuộc cách mạng công nghiệp đã trở thành những cường quốc. Do nhu cầu nguyên liệu sản xuất và thị trường tiêu thụ hàng hóa, từ nửa sau thế kỷ XIX các cường quốc này ráo riết xâm lược các quốc gia lạc hậu ở châu Á, Phi... để làm thuộc địa. Việt Nam nằm trong tầm ngắm của thực dân Pháp. Sau một thời gian thăm dò, năm 1858, quân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, chính thức xâm lược Việt Nam. Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định, rồi lần lượt chiếm 3 tỉnh Đông Nam Kỳ (1861), Tây Nam Kỳ (1867)...

Trước tình hình đất nước bị nạn ngoại xâm đe dọa như vậy, vua Tự Đức đã đưa ra nhiều kế sách để đối phó. Những kế sách này đều được nhà vua cùng các triều thần bàn bạc. Triều thần hầu hết là các quan chức xuất thân khoa bảng nho học. Trong những lần bàn bạc về kế sách chống ngoại xâm, đã nổ ra những cuộc tranh luận về đường lối, chủ trương chống giặc. Một số quan lại thì có lập trường "chủ chiến", tức là đánh Pháp đến cùng chứ không chịu khuất phục. Một bộ phận triều thần khác thì chủ trương "hòa" vì thấy không thể nào đối đầu nổi với vũ khí tối tân của kẻ thù, và theo họ thì hòa là phương sách tốt nhất. Hai chủ trương, quan điểm khác nhau trong đám triều thần đó đã gây ra những cuộc tranh cãi liên miên không dứt. Phe chủ chiến chiếm hơn phân nửa triều thần, có những nhân

vật nổi bật như Trương Quốc Dụng, Nguyễn Đăng Giai, Vũ Phạm Khải... còn phe chủ hòa cũng khá đông, trong đó có những nhân vật như Đoàn Thọ, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Giao...

Tổng quát về những kiến nghị của các quan trong triều về vấn đề chống giặc và hiện tình đất nước, dù chủ trương "chiến" hay "hòa" thì họ cũng chỉ loay hoay trong mớ lý thuyết trị quốc gói gọn trong mấy bộ sách cổ như *Tứ thư*, *Ngũ kinh* của Nho giáo mà họ đã được học tập, rèn luyện từ bé cho đến khi trưởng thành ra gánh vác việc nước. Do hạn chế của nền giáo dục phong kiến, nên họ không có tri thức hiện đại để đưa ra những kiến nghị có thể đáp ứng được nhu cầu bức xúc của xã hội đương thời. Học giả Phan Khoang đã đưa ra nhận xét sâu sắc về sự học thiếu cận của tầng lớp nho sĩ: "... sự học thì chỉ quanh quẩn các sách *Ngũ kinh*, *Tứ thư*, *Bắc sử*, *Đường thi*, *Cổ văn*... cho nên những kẻ thông đạt cũng kiến thức hẹp hòi, không hiểu được việc trong thiên hạ"².

Qua một số kiến nghị của triều thần lúc bấy giờ, có thể nhận thấy được tri thức hạn hẹp, lỗi thời của họ trước những biến chuyển của thời cuộc trên thế giới lúc bấy giờ. Nội dung những kiến nghị chỉ là những điều sáo rỗng, chung chung hoặc vụn vặt. Đơn cử một vài bản điều trần, như của Trương Quốc Dụng đầu thập niên 50, nội dung khuyên vua thực hành tiết kiệm, bớt chi phí xa hoa, chấn chỉnh lại hàng ngũ quan lại, sửa sang lại việc thi cử, học tập, cẩn thận trong việc xét xử tù nhân... hoặc nội dung điều trần của Nguyễn Đăng

Giai ở thập niên 60 như: triều đình tổ chức khai khẩn đất hoang để tăng diện tích trồng trọt, vỗ về cho dân nghèo được yên ổn, bắt cho đủ quân số binh lính theo số lượng đã ghi trong sổ sách³... Nhìn chung không có bản điều trần nào đưa ra được những kế hoạch giải quyết gốc rễ của nhu cầu xã hội cận đại (mở cửa giao thương, phát triển kinh tế thị trường, học tập Âu Tây về giáo dục, khoa học, quân sự...) mà chỉ là những kiến nghị chấp vả, vụn vặt như tiết kiệm chi tiêu, nghiêm túc thi cử, khai khẩn đất hoang... và điều đó chỉ phù hợp cho một xã hội tiểu nông phương Đông ở thời kỳ lịch sử trung đại mà thôi.

Một yếu tố quan trọng nữa là do ảnh hưởng Tống Nho nặng nề nên các sĩ phu nhiệm tinh thần xem Trung Quốc là trung tâm văn minh của thiên hạ, còn phương Tây chỉ là bọn "man, di" mà thôi. Vì vậy những nhận định về phương Tây thường lệch lạc và không nắm rõ được bản chất của vấn đề, tỏ vẻ xem thường văn minh phương Tây. Và trước đội quân viễn chinh nhà nghề với vũ khí tối tân (đại bác, súng trường, tàu chiến...), phương pháp tác chiến hiện đại thì các vị đại thần trong triều chủ yếu bàn cách chống giặc bằng những kiến thức quân sự phong kiến hủ lậu như: lập thế trận theo nguyên lý bát quái ngũ hành từ thời thượng cổ bên Tàu, hoặc chằng dây xích trên sông để cản tàu chiến Pháp, hoặc dùng các biện pháp "Long thao", "Hổ lược" để chống cự với đại bác của giặc...

Ngoài quan lại thuộc các phe chiến, hòa thì trong triều còn có một nhóm nhỏ quan lại gọi là phái cải cách như Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản, Bùi Viện, Lê Đĩnh... Nhóm cải cách hầu hết là những quan chức đã có dịp đi công cán ở nước ngoài, gần thì Hương Cảng, Ma Cao, Xiêm, Nam Dương... xa thì Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Mỹ... vì vậy họ có điều kiện tiếp xúc, quan sát trực tiếp sự tiến bộ của văn minh kỹ thuật phương Tây. Họ nhận thức được rằng đất nước mình quá lạc hậu so với Âu - Mỹ, vì vậy cần phải cải cách đất nước. Họ gần với phe chủ hòa hơn, nhưng họ không chủ trương hoàn toàn đầu hàng mà là tạm hòa hoãn, nhân nhượng kẻ thù để có thời gian canh tân đất nước.

Khi công cán nước ngoài về họ đều dâng sớ tâu trình hoặc viết sách ghi lại sự tiến bộ khoa học kỹ thuật của phương Tây⁴, và đề nghị duy tân. Nhưng do họ cũng không được đào tạo tri thức hiện đại của xã hội tư bản, mà chỉ có thời gian ngắn ngủi quan sát bề ngoài văn minh phương Tây, nên họ cũng chỉ nêu kiến nghị canh tân một cách chung chung, thiếu cụ thể. Một nhân vật nổi bật nhất trong phái cải cách ở triều đình là Phạm Phú Thứ, trong kiến nghị cũng chỉ nêu lên nội dung sáo cũ như khuyên vua về chính sách đối nội nên bắt chước khuôn mẫu thánh hiền đời xưa, đối ngoại thì chỉ là lo luyện tập binh tướng, chăm lo chu đáo để họ tận lực đánh giặc⁵... Như vậy, do không có tri thức hiện đại, chỉ với mở kiến thức Khổng, Mạnh

cũ kỹ, lỗi thời đào tạo từ trước cho nên dù đầu óc có được cởi mở, thông thoáng vì được tiếp xúc văn minh phương Tây, nhưng kiến nghị của họ cũng không sâu sắc hơn bao nhiêu so với những người bảo thủ quanh quẩn trong nước.

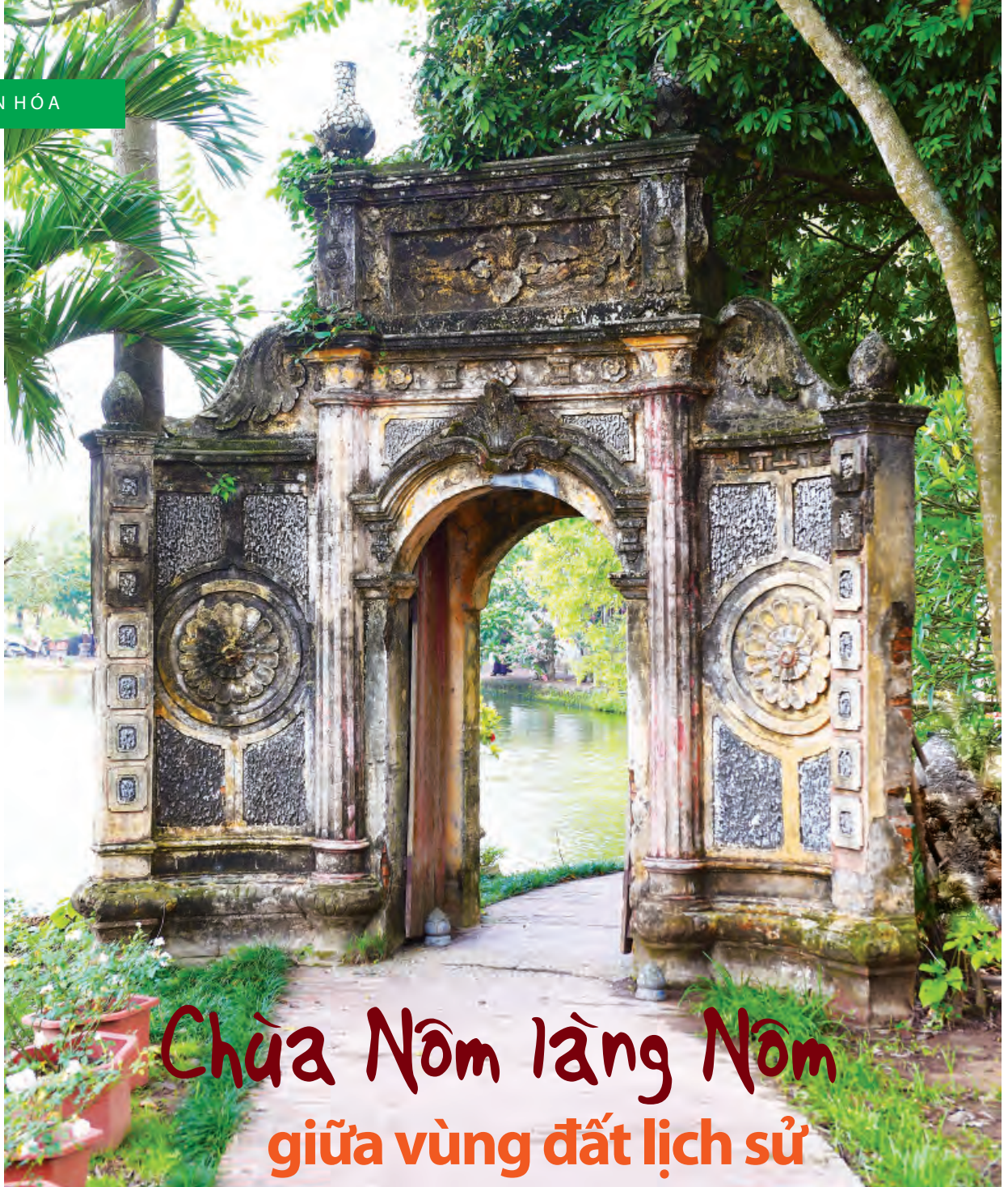
Nói chung, tầng lớp sĩ phu nho học vẫn chỉ là sản phẩm của nền giáo dục Nho giáo, chủ yếu là Tống Nho. Nền giáo dục đó đáp ứng được yêu cầu của chế độ phong kiến là tạo ra giới nho sĩ giúp vua làm công việc cai trị và giáo hóa dân chúng trong một xã hội nông nghiệp cổ truyền tự túc, tự cấp thời kỳ trung đại. Nhưng sang thời kỳ lịch sử cận đại, trước những biến động dữ dội của thế giới, phải đối phó với nạn ngoại xâm của các cường quốc công nghiệp phương Tây thì học vấn Nho giáo đã trở nên lỗi thời, các sĩ phu không có tri thức hiện đại để giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước trong thời đại cạnh tranh trên hoàn cầu. Kết cục là dẫn đến mất nước vào tay người Pháp ở cuối thế kỷ XIX. ■

Chú thích:

1. Nguyễn Ngọc Quỳnh, *Hệ thống giáo dục và khoa cử Nho giáo triều Nguyễn*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2011, tr.187-190.
2. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1961, tr.117.
3. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Khoa Học Xã Hội, 2016, tr. 505.
4. Năm 1863, sau khi phái đoàn đi Pháp về, Phan Thanh Giản viết *Tây phù nhật ký*, Phạm Phú Thứ viết *Tây hành nhật ký*, Ngụy Khắc Đản viết *Như Tây ký*...
5. Đào Duy Anh, sđd... tr.505.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Viện Sử học (dịch), Nxb Giáo Dục, 2001.
2. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn Học, 2015.
3. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Khoa Học Xã Hội, 2016.
4. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1961.
5. Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb Văn Học, 1995.
6. Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2016.
7. Nguyễn Thế Anh, *Theo dòng lịch sử*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2017.
8. Nguyễn Q. Thắng, *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2005.
9. YoshiharuTsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (1847-1885)*, Nxb Tri Thức, 2014.
10. Nguyễn Ngọc Quỳnh, *Hệ thống giáo dục và khoa cử Nho giáo triều Nguyễn*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2011.
11. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, 2007.
12. Trần Thuận (chủ biên), *Thái độ của sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông - Tây (từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX)*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2014.



Chùa Nôm làng Nôm giữa vùng đất lịch sử

VĂN QUẢNG TÂM

Chùa Nôm còn gọi là Linh Thông cổ tự thuộc huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên là một ngôi chùa cổ nằm trên một khu đất cao thuộc vùng đất cổ nước ta thời Hùng Vương. Thửa xưa nơi đây dân cư thưa thớt với nghề trồng lúa nước, chăn nuôi gia cầm, có tên là trại Đồng Cầu, thuộc bộ Vũ Ninh của đất Việt xưa, bên bờ sông Nguyệt Đức. Nơi đây là căn cứ chống quân xâm lược nhà Hán của đức Thánh Tam Giang, được phong là Thành hoàng làng Nôm; ngài được thờ cùng với Mẹ ở đình Chợ, bà còn có điện thờ sau điện Phật. Ngài đã có công lớn, tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng trong thời kỳ khởi nghĩa đấu tranh dựng nước và giữ

nước. Trong suốt thời kỳ Bắc thuộc, nơi đây chỉ là một am nhỏ trên đồi cao, giữa rừng thông.

Đến thời Lý, am được xây dựng lại thành một ngôi chùa nhỏ với tên gọi “Linh Thông cổ tự” hoặc chùa Nôm. Ngọc phả viết: Một đêm trời nổi cơn giông bão, đất trời tối đen nhưng vẫn có một đám mây ngũ sắc vẫn vũ nơi đây. Sáng hôm sau dân làng thấy một bè gỗ lim trôi trên mặt sông tụ lại, đẩy bè gỗ ra xa thì bè gỗ lại trôi vào. Người dân cho là điềm lành, hò nhau vớt lên để làm chùa. Do sự linh thiêng mang lại nên chùa có tên là “Linh Thông cổ tự”.

Từ những năm niên hiệu Đại Chính đời Mạc Thái Tông (1530-1540), ngôi chùa được phục dựng, sau đó

đến niên hiệu Chính Hòa (1680-1705), lại được trùng tu xây dựng quy mô uy nghi hơn. Chùa càng phát triển vào thế kỷ thứ XVII, thời Lê-Trịnh và là điểm nối liền với Phố Hiến nên có nhiều dấu tích kiểu Phố Hiến, như đình làng Nôm. Phong cách chùa mang bố cục nội công, ngoại quốc, hình thành ở thế kỷ này và theo dòng chảy nghệ thuật tạo hình thời kỳ này như tượng Tam thánh, tượng Tam thế, tượng Phật A-di-đà, tượng Phật Bà, hệ thống tượng Bát bộ Kim Cương, Thập bát La-hán, tượng mẫu như chùa Mía, chùa Bút Tháp... với nhiều pho tượng tạo tác nổi tiếng về nghệ thuật tạo hình Việt Nam.

Đến nay chùa Nôm còn lưu giữ được nhiều cổ vật, trong đó có hơn một trăm pho tượng cổ và nhiều hiện vật khác như bia đá, chuông đồng, văn khắc và các tư liệu quý... Trong cuốn sách *Châu Âu nói về Mỹ thuật châu Á - Quy pháp tạo hình và phong cách* bằng tiếng Pháp xuất bản năm 1978 đã ca ngợi "... Nghệ thuật nhà Trịnh được đánh dấu từ cuối thế kỷ thứ XVI (1553-1789) bằng sự phát triển các công trình tưởng nhớ tổ tiên và các anh hùng dân tộc. Một cách tổng quát, một cảm hứng hoàn toàn dân tộc được đặt ra... xu hướng "dân tộc" đã dẫn đến trong lĩnh vực trang trí, điêu khắc, việc từ bỏ các đề tài Trung Hoa, thay thế bằng một phong cách và quan niệm thẩm mỹ độc đáo với các hình dạng phức tạp của nghề làm tượng (nhất là tượng gỗ sơn nhiều màu có chất lượng cao). Đây là phong cách độc đáo của tượng mẫu, trong đó có những pho tượng điêu khắc ở chùa Nôm, cần được giới thiệu để nhiều người biết tới. Đó là những di sản truyền thống mỹ thuật, văn hóa Phật giáo của Việt Nam.

Làng Nôm - một làng quê thuộc nền văn hóa lúa nước vùng châu thổ đồng bằng sông Hồng, nơi có ngôi cổ tự mang danh chùa Nôm, cũng mang đậm những nét kiến trúc của nền văn hóa Việt thời kỳ Phật giáo phát triển và hưng thịnh. Cổng làng xây theo kiểu bát trụ, kiểu cổng làng chỉ có hoàng thân quốc thích mới được phép xây. Trên cổng làng đề ba chữ đại tự "Đồng Cầu Môn" tức cửa làng Đồng Cầu, mặt sau đề bốn chữ "Ất Mão niên tạo" (xây dựng năm Ất Mão 1885).

Làng Nôm có hai cổng lớn theo trục Đông-Tây, mỗi cổng có thiết kế xây dựng cầu kỳ có khắc câu đối ý nghĩa nói về truyền thống của làng và răn dạy con cháu. Đây là cổng làng được xem là đẹp nhất xứ Bắc, nhìn cổng làng là biết được làng này có người làm quan to, làng Nôm còn hiện hữu một cây cầu đá chín nhịp, được chạm khắc rồng mây, bên cạnh những giếng đá và cây cổ thụ lâu năm, bắc qua sông Nguyệt Đức, nối làng với ngôi chùa. Cây cầu đá được xây dựng từ thời Lý, đã qua nhiều lần trùng tu, đây là một cây cầu đá đẹp, có giá trị về nhiều mặt, đặc biệt cây cầu là một chứng nhân quan trọng của những thăng trầm lịch sử của đất nước và vùng đất này. Trong làng Nôm, ngoài chùa Nôm còn có ngôi đình thờ thánh Tam Giang, một



vị anh hùng trong vùng, có công chống lại quân xâm lược phương Bắc từ thời khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Theo truyền thuyết còn lưu giữ, thánh Tam Giang là con bà Phạm Thị Tĩnh, thuộc dòng dõi trăm anh, không lấy chồng, theo đạo Phật. Bà tu ở chùa Pháp Vân bên cạnh sông Nguyệt Đức. Một hôm bà ra sông tắm, bỗng trời đất nổi gió, mây đen kéo tới, sóng dưới sông cuộn cuộn và một con thuồng luồng nổi lên cuốn lấy thân bà, quá sợ hãi bà bỏ chạy về chùa nằm ngủ cạnh nơi án thờ; canh ba đêm đó bà nằm mơ nuốt một vầng trăng vào bụng, và tỉnh giấc. Từ đó bà mang thai, đến kỳ sinh nở, bà sinh ra được một chàng trai, dung mạo khác thường, bà đặt tên là Tam Giang, lớn lên là một chàng trai văn võ song toàn, thao lược hơn người.

Trong thời đại hiện nay, chùa Nôm, làng Nôm không chỉ là một vùng đất có ngôi cổ tự linh thiêng để hàng năm du khách hành hương đến lễ Phật tham quan, mà còn là một di sản văn hóa mang đậm tính lịch sử của dân tộc, đáp ứng được kỳ vọng của du khách thập phương, mỗi khi về thăm vùng đất tâm linh. ■

* Ảnh của tác giả

Đọc cuốn sách cuối cùng của Hoà thượng Thích Trung Hậu

Tôn giả Maha Kaccana (Đại Ca-chiên-diên)

CAO HUY THUẦN

Nhiều tác giả, nhất là ở phương Tây, đã phân tích và thán phục phương pháp giảng dạy của Đức Phật. Trong sách này, Hòa thượng Thích Trung Hậu cũng có trích một đoạn ngắn trong khảo cứu của Bhikhu Bodhi giải thích hai cách dạy của Đức Phật, tùy theo đề tài mà Ngài đề cập. Có khi Đức Phật nêu vấn đề rồi đi sâu vào chi tiết, phân tích, lý luận khúc chiết. Có khi Ngài chỉ nêu vấn đề, nói vài câu rồi để cho người nghe tự tìm hiểu sau đó. Khi ấy thì hội chúng Tỷ-kheo phải cầu cứu các bậc thượng thủ. Các ngài A-nan, Xá-lợi-phất thường làm công việc giảng lại này. Đại đệ tử Mahakaccana, mà ta quen gọi dưới tên Việt hóa là Ca-chiên-diên, thỉnh thoảng cũng làm, và làm xuất sắc không kém. Ở xa Đức Phật, ngài ít có dịp tham gia đời sống cộng đồng, nên ta ít biết về ngài trong kinh. Chính vì vậy mà các Phật tử ít học như tôi càng cảm ơn Hòa thượng Thích Trung Hậu đã cho đọc tập sách này để biết thêm về ngài và để ngưỡng mộ một bậc Thánh Tăng đại trí tuệ mà cũng đại khiêm tốn.

Bây giờ, thế nào là giảng lại lời Đức Phật? Trước hết là phải hiểu cho thấu đáo Phật nói gì và muốn nói gì. Phật đã nói rất ngắn, cho nên không những phải hiểu lời Phật đã nói mà còn phải hiểu lời Phật chưa nói nhưng hàm ý trong những lời đã nói. Hiểu đến thế thì miệng của đại đệ tử mới là miệng của Phật. Cho nên mỗi lần Ca-chiên-diên giảng giải xong, Phật đều khen: *"Này, các Tỷ-kheo, nếu các người hỏi Ta ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như Mahakaccana đã trả lời. Như vậy là chính nghĩa lời dạy ấy, hãy như vậy thọ trì"*.

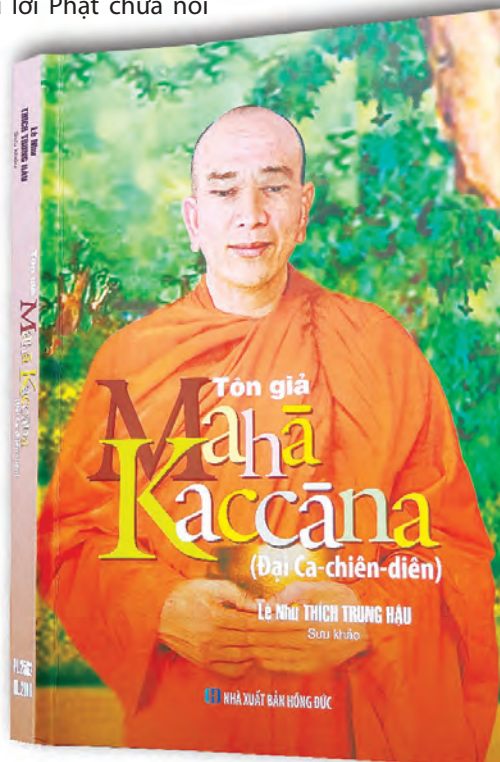
Ngày nay, ta có thể bàn với nhau về ý nghĩa Phật muốn nói, nhưng ta không phải là Ca-chiên-diên nên xin đừng ai, dù là thủ lãnh nức tiếng thế giới, bắt Phật phải nói qua miệng mình. Xin hãy biết hạ mình như Ca-chiên-diên, và nói: đó là miệng tôi nói và tôi không phải là Ca-chiên-diên.

Nhưng thế nào là trung thực với ý của Phật? Ví thử ngài Ca-

chiên-diên sống lại trong thế kỷ XXI này và ta hỏi ngài: Phật chế giới luật cách đây hơn 2.500 năm, vậy ngài áp dụng luật như thế nào, y chang hay có thể thay đổi, và nếu thay đổi thì thay đổi thế nào để vẫn trung thực? Tôi nghĩ câu trả lời của ngài có thể là thế này, xin kể lại một chuyện về ngài để nghe câu trả lời qua chuyện kể:

Khi đó, ngài Ca-chiên-diên đang ở tu trong vùng hẻo lánh Avanti. Một cư sĩ, tên là Sona Kutikanna, xin được tu với ngài. Sống đời sống tu hành tương chao kinh kệ độc thân độc cư khó lắm, một lần ngài từ chối. Sau ít lâu, người kia lại xin nữa, khẩn khoản; lần thứ hai ngài từ chối. Đến lần thứ ba, thấy người kia quyết tâm chín chắn, ngài nhận, nhưng chỉ cho làm lễ sa-di. Vào thời đó của Đức Phật, một người trưởng thành đã đủ điều kiện để được nhận vào hàng ngũ Tỷ-kheo thường được thọ giới Tỷ-kheo ngay sau lễ thọ giới sa-di, không chia cách. Nhưng đúng thời điểm chuyện này xảy ra, ở Avanti hẻo lánh rất hiếm Tỷ-kheo, mà theo đúng giới luật lúc đó thì phải đủ mười Tỷ-kheo mới được làm lễ thọ giới cho tân Tỷ-kheo. Phải ba năm sau, chạy ngược chạy xuôi xung quanh vùng, ngài Ca-chiên-diên mới kiếm đủ mười Tỷ-kheo để làm lễ thọ giới cho một sa-di cụ.

Tu xong mùa mưa đầu tiên, Tỷ-kheo Sona nức lòng muốn gặp Phật mà chưa có dịp, tha thiết xin thầy cho phép vượt trường chinh đến Savatthi, nơi Phật đang ở. Thầy vui vẻ khuyến khích trò đi, và dặn dò thêm: Khi gặp Phật thì xin Đức Thế Tôn thể theo những điều kiện xã hội và địa lý khác nhau ở các vùng biên địa xa xôi, hẻo lánh, để châm chế giới luật áp dụng trong những vùng khó khăn như vậy. Đức Phật chấp nhận ngay: từ đó, Tỷ-kheo nắm vị là đủ túc số, nhưng phải có một vị thông thạo giới luật. Cũng nhân dịp ấy, Đức Phật cho phép dùng dép để đi thay vì chân không, vì núi đồi ở Avanti hành hạ bàn chân nhiều hơn các nơi



khác. Chưa kể, Tỳ-kheo Sona được phép tắm nhiều lần trong ngày vì thủy thổ nơi ở nóng hơn nơi khác.

Ấy là xin một được mười. Đức Phật có đóng gông lời nói của mình đâu! Có bắt ai làm nô lệ cho lời nói của mình đâu. Khi ngài Ca-chiên-diên xin Phật châm chế giới luật, ấy là ngài biết thế nào là trung thực, thế nào là ý Phật.

Đây là lần thứ 14 tôi được Hòa thượng Thích Trung Hậu giao cho trọng trách viết lời giới thiệu cho 14 tập sách của Thầy. Nhiều lần tôi đã thành thật với Thầy, với mình và với độc giả Phật tử, nói rằng sở học của tôi còn non, bụng dạ không dám đảm đương một công việc quá sức. Nhưng Thầy không nghe và tôi phải vâng lời vì đã trót thương Thầy. Chúng tôi quen nhau từ khi Thầy còn hầu Hòa thượng Trí Quang ở Từ Đàm, ở Ấn Quang, trong thời Pháp nạn 1963-64. Giữa Sài Gòn căng thẳng, Hòa thượng Trí Quang lái xe, tôi ngồi bên cạnh, Thầy ngồi ghế sau, thấy bóng cảnh sát là thụp đầu xuống ghế, hoạn nạn cùng chia, vinh quang cùng lánh, thân nhau đến thế thì sá gì hay dở vài trang chữ nghĩa? Bây giờ đây, Thầy nằm trong bệnh viện, ngày mai chưa biết về chùa hay về với Phật, còn tôi, tháng ngày cũng cạn, hoàng hôn xế bóng, về núi chim bay, chẳng biết rồi đây ai sẽ tiễn ai. Ở cuối đường, tôi nghẹn lời kinh kệ, chỉ muốn nắm tay Thầy, kể vài chuyện vui để nghe Thầy cười thỏa mãn với ngài Ca-chiên-diên trong tập sách cuối cùng này của một đời.

Ngài Ca-chiên-diên thường dạy: Hãy cẩn trọng gìn giữ các cửa ngõ (mắt tai mũi lưỡi thân ý) đừng để chúng tác hại. Vậy mà có anh chàng chưa chịu học bài. Sáng hôm đó, ngài khoác y để đi khất thực. Một anh chàng thương gia cưỡi xe bò cùng chúng bạn trẻ đi ngang, thấy thân hình ngài vàng óng rực rỡ, chợt có ý nghĩ: *"Ồ, giá như thân hình vợ mình cũng vàng óng rực rỡ như vậy!"*. Ngay lúc đó, chàng vụt nhẩy xuống xe, chạy trốn biệt không cho bạn thấy. Chúng bạn tìm kiếm khắp nơi không ra, đành trở về báo tin buồn cho gia đình chàng trai để làm tang lễ.

"Nàng" Soreyya tìm đến tỉnh khác để sống, bỗng gặp một công tử nhà giàu đem lòng yêu mến, xin hỏi làm vợ, ngay trong năm đầu đã sinh hai trai. Trước đây, Soreyya đã có hai con, bây giờ thêm hai con nữa, vị chi là bốn, chỉ có chút khác nhau là trước thì cha, sau là mẹ.

Một ngày kia, người bạn cũ của "chàng" Soreyya có việc buôn bán làm ăn trong tỉnh của "nàng" Soreyya, bị nàng bắt gặp ngoài đường. Nàng kéo bạn về nhà, kể hết sự tình. Người bạn khuyên: *"sám hối với ngài Mahaccana đi!"*. Hôm sau, người bạn mời ngài Ca-chiên-diên đến nhà "nàng" khất thực. Người phụ nữ dâng thức ăn, kể hoàn cảnh xưa nay gái của mình vì nguyên do như thế và xin sám hối. Ngay khi phu nhân nói *"Con xin sám hối"*, nàng biến thành trai.

Kết luận là thế nào, thầy Trung Hậu đoán xem? Từ già chồng mới? Hai con mới ở với ai? Mẹ đâu còn nữa!

Về với vợ cũ? Tự họp thành một đại gia đình với bốn con và... Và cái gì, ngay cả luật pháp của thế kỷ XXI cũng chưa biết đến. Soreyya có giải pháp hay lắm, Thầy ơi, chắc Thầy hoan hô liền: sụp xuống lạy ngài Ca-chiên-diên và xin ngài cho đi tu.

Chuyện nữa, Thầy nhé. Nhưng trước khi kể chuyện nữa, tôi xin kể thêm một chuyện huyền thoại của cổ Hy Lạp. Ông vua Midas là học trò của thánh nhạc Orphée. Vì là học trò của thánh sư, nên ông được chọn để phân tài ai hơn ai giữa tiếng sáo của thần mục đồng Pan và tiếng đàn lyre mê hồn của thần Apollon. Tất nhiên toàn thể giám khảo đều ngậy ngất với tiếng đàn lyre và nhất loạt bầu cho Apollon, trừ chánh chủ khảo Midas một mình bỏ phiếu cho Pan. Thần Apollon giận lắm, nghĩ ra một hình phạt xứng đáng với hai cái tai ngốc: hai tai của Midas dài ra thành hai cái tai lừa. Vua hổ thẹn quá, giấu mọi người, nhưng làm sao giấu được tên thợ hớt tóc! Vua phải dọa cắt đầu nếu y phao tin ra. Giữ bí mật vốn đã khó, giữ một bí mật hài hước thế kia, con hén cũng không cảm miệng được. Cho nên một ngày kia, tên hớt tóc chạy ra giữa đồng không mông quạnh, đào một cái lỗ, nói bí mật vào lỗ rồi cẩn thận lấp đất lại thật kín. Chỉ một lát sau thôi, làn gió phe phẩy thổi qua khóm sậy mọc cạnh cái lỗ, sậy lao xao lời nói ban nãy của anh hớt tóc: *"Vua Midas có lỗ tai lừa... Midas... lỗ tai lừa..."*

Trong văn hóa cổ Hy Lạp, các thần cũng hỷ nộ ái ố như người, cho nên thần Apollon cũng giận, cũng trả thù như ta, và trả thù rất ác. Còn các Thánh Tăng của ta thì sao? Ngài nào cũng hiền như... Bụt. Cho nên nếu có hình phạt gì xảy ra, ấy là ta tự phạt ta, các ngài chẳng hề biết phạt ai. Ngài Ca-chiên-diên cũng vậy thôi. Tôi kể chuyện khác, thầy Trung Hậu nhé.

Vassakara, viên quan đầu triều của vua A-xà-thế (Ajatasattu), một hôm thấy ngài Ca-chiên-diên đi qua. Ngài có tiếng là đẹp, nước da óng ả như ta biết, ấy vậy mà không hiểu tại sao viên quan kia cất tiếng bình phẩm: *"Ông này giống như con khỉ!"*. Có người đem chuyện thuật lại cho Đức Phật. Đức Phật nói: *"Nếu Vassakara đến sám hối với Ca-chiên-diên, chuyện kia sẽ không còn dấu vết, còn nếu không sám hối, Vassakara sẽ tái sinh làm con khỉ trong Vườn Trúc"*. Lời nói của Phật được kể lại cho viên quan kia nghe. Ta đây là tể tướng, tên kia là kẻ ăn xin, ta sám hối với tên kia à? Ngạo mạn, nhưng trong bụng cũng run, Vassakara cũng lo để phòng hậu vận. Ông cho trồng cây trong Vườn Trúc và đặt lính canh gác cẩn mật xung quanh, không cho bất cứ con thú hoang nào vào. Sau khi ông chết, một con khỉ được sinh ra trong Vườn Trúc, và khỉ tung tung chạy đến khi có ai gọi: *"Vassakara! Vassakara!"*

Một chuyện cười là một thang thuốc bổ đó, Thầy nhé. Thầy Trung Hậu thân yêu, Thầy ngủ yên nhé với một nụ cười đã làm xong Phật sự trên đời.

Cao Huy Thuần Paris, Mậu Tuất,
Phật lịch 2562 (DL.2018) ■

Ai thải nhiều CO₂ ra không khí?

CAO HUY HÓA

Ngày nay, một vấn nạn trầm trọng mà trái đất và mọi loài đang gánh chịu, đó là hiện tượng nóng lên của trái đất, kèm theo đó là thiên tai, bão lụt thất thường, nước biển dâng, đất đai bị khô cằn... Nguyên nhân là do con người tác động vào trái đất, làm phá vỡ cân bằng sinh thái, phá vỡ hiệu ứng nhà kính, mà vốn trước đây, nhờ hiệu ứng đó được cân bằng mà con người tồn tại.

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt trái đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho trái đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính, chủ yếu là carbon dioxide (CO₂), methane và hơi nước, giúp giữ nhiệt tỏa ra từ mặt trời chiếu xuống trái đất và có công dụng như tấm màn nhiệt phủ quanh trái đất, với nhiệt độ tương đối ổn định cho mọi loài sống được. Nhưng với việc sử dụng ngày càng nhiều năng lượng hóa thạch (than đá, dầu, khí...) và tàn phá rừng, con người đang thải ra nhiều khí CO₂ và các khí khác vào khí quyển, vượt quá mức cần thiết, chúng tiếp thu sức nóng từ ánh sáng mặt trời, phản xạ và phát tán sức nóng, khiến nhiệt độ trái đất tăng lên.

Để ngăn chặn đà suy thoái của trái đất, các chính phủ khắp thế giới đã trải qua nhiều lần họp bàn, và đã ra đời *Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu* năm 2015

(cho đầu chính quyền Mỹ mới đây rút lui, tuy nhiên, rất nhiều bang của Mỹ, 300 thành phố, hơn 1.200 doanh nghiệp, khẳng định vẫn tiếp tục tuân theo Hiệp định Paris đã ký kết)¹.

Biện pháp cụ thể và nghe có vẻ đơn giản là giảm thải khí CO₂ ra không khí. Về phía quản lý nhà nước, cần có sự chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang các dạng năng lượng khác (gió, mặt trời...), gia tăng phủ xanh đồi núi trọc, khuyến cáo người dân sử dụng phương tiện đi lại ít tốn năng lượng, đi xe đạp, xe buýt...

Ngày nay, các phương tiện di chuyển và các công cụ cơ giới, các tiện ích cá nhân và gia đình, đã phát ra quá nhiều khí thải, nhất là ở các đô thị lớn. Chuyện này, ai cũng tham dự vào, trực tiếp hay gián tiếp, tuy nhiên chắc chắn có sự khác biệt lớn giữa ông nhà giàu, nhà cao cửa lớn, sử dụng tiện nghi nhiều và hiện đại, đi xe riêng... với ông nhà nghèo, không sử dụng bao nhiêu máy móc, nhà ở tuềnh toàng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện xe hai bánh. Phải chăng người càng giàu thì càng làm bẩn trái đất?

Có lẽ đúng thế, nhưng cũng cần nói thêm, và chỉ đề cập lãnh vực di chuyển.

Một tài liệu được công bố ngày 2/11/2014 tại Copenhagen (Đan Mạch) bởi *Nhóm liên chính phủ của những chuyên gia về biến đổi khí hậu* (Groupe intergouvernemental d'experts sur l'évolution du climat) lập lại chứng cứ đã biết từ lâu: nếu không chống lại sự rối loạn khí hậu, đến kỳ hạn nào đó, con người phải trả giá đắt. Sự thách đố khởi đầu bằng tác động vào lãnh vực chuyên chở, một lãnh vực chịu trách nhiệm thải ra 23% lượng khí thải CO₂ do sự đốt cháy những nhiên liệu hóa thạch, trên toàn thế giới. Những ai đi lại ngày càng nhiều, vào mọi lúc và luôn luôn nhanh, nên suy nghĩ để mà dè dặt khi đi lại như thế.

Trên thực tế, ai đã phát thải khí CO₂ khi đi đây đi đó? Một khảo sát của *Trung tâm nghiên cứu và giám định rủi ro, môi trường, chuyển động và quy hoạch* (Centre d'études et d'expertise sur les risques, l'environnement, la mobilité et l'aménagement, gọi tắt là Cerama) - một tổ chức thuộc Nhà nước Pháp - trả lời: đó là **"những người đỗ đạt bằng cấp cao"**. Khảo sát dựa trên 20.000 cuộc trao đổi cá nhân thực hiện năm 2008, trong khuôn khổ cuộc điều tra quốc gia *"chuyên chở và di chuyển"*, đã



phân tích những kết quả của 125.000 chuyến đi hàng ngày và 18.000 cuộc du lịch từ 80km trở lên, không kể cách thức vận chuyển.

Tại Pháp, 60% lượng khí thải là do 20% số người dân Pháp thải ra. Ông Damien Verry của Phân viện “*Sự di chuyển bền vững*” của Cerama, trong một tài liệu phổ biến tại hội thảo ngày 14/10/2014 ở Paris, do tổ chức *Hợp tác để phát triển và cải thiện chuyên chở đô thị và siêu đô thị*, đã cho biết: “Những vận chuyển sản sinh 26% trong số 500 đến 700 tấn tương đương CO₂ thải ra hàng năm tại Pháp, và tỉ lệ đó càng tăng lên. Nói rõ là 20% số người dân Pháp chịu trách nhiệm về 60% lượng thải đó.” Cerama đã phác họa chân dung tiêu biểu của “**người phát thải lớn**” này: Đó là “người giàu, đỗ đạt bằng cấp cao, năng động, có một hay nhiều xe hơi, sống trong mái ấm gia đình có một hoặc hai con, trong một vùng nông thôn hoặc ở ngoại vi thành phố, xa những phương tiện công cộng, trường học và khu thương mại”.

Nhưng chân dung như thế thật ra che giấu nhiều nhóm người khá khác biệt, đó là.

- **Những người di chuyển như con thoi**, chiếm 13% dân số, chịu trách nhiệm thải 30%. Sống trong những siêu đô thị và có thu nhập bảo đảm rất tiện nghi, họ thải nhiều khí CO₂ do di chuyển nhiều hàng ngày, nhưng ít đi du lịch.

- **Những “nhà du lịch lớn”**, chiếm 1,6% dân số, thải 10% lượng khí thải do di chuyển. Đó là những cặp vợ chồng năng động, đỗ đạt học vị cao, sống ở trung tâm thành phố, trong số này cũng kể thêm những người về hưu giàu có. Nếu như họ biết giới hạn khí thải do hiểu biết hiệu ứng nhà kính khi đi hàng ngày, thì chính những người du lịch này chịu trách nhiệm về lượng thải lớn do đi đường dài.

- Một loại thứ ba “**siêu di động**”, thể hiện những đặc điểm của hai loại trên: đỗ đạt bằng cấp cao, năng động, thoải mái, phương tiện cơ giới hóa và sống trong những vùng ngoại ô giàu có ở những thành phố chính. Họ chiếm khoảng 5% dân số nhưng phát ra đến 19% lượng khí thải toàn bộ.

Tổ hợp những dữ kiện trên cho phép Cerama tách ra điểm chung chính của những “người thải lớn”, đó là: **đỗ đạt bằng cấp cao và thu nhập có thể không cao** (người ta dễ lầm tưởng thu nhập cao thì nhất thiết phát thải lớn). Nói cách khác, những người càng trải qua những năm dài trên ghế đại học hay những ngôi trường lớn, thì càng có khuynh hướng di chuyển làm gia tăng hiệu ứng nhà kính. Có thể nói thêm rằng, *người ta càng có nhiều phương tiện để ý thức nguy cơ phát thải CO₂, thì họ lại càng phát thải nhiều*. Một nhà giáo đại học ở thành phố Nice (Pháp), Yannick Rumpala, đã đặt câu hỏi công khai vào năm 2009: “**Những nhà nghiên cứu phải chăng nên bớt đi dự hội nghị?**”

Một nhà nghiên cứu khác là giáo sư nổi tiếng Hervé

Philippe làm việc tại Viện Hóa Hữu cơ thuộc Đại học Montréal (Canada) đã đề cập rõ hơn về vấn đề này. Ông đã thử định lượng tác động của ông vào môi trường năm 2007 và cho biết ông đã thải khí CO₂ ít nhất hai lần cao hơn mức phát khí thải CO₂ trung bình của người Mỹ. Từ đó, ông muốn nói với giới nghiên cứu khoa học rằng: *Hãy giảm bớt số hội nghị, bằng cách thay thế bằng những lần gặp gỡ ít thường xuyên hơn, nhưng mỗi lần dài ngày hơn, và dùng thường xuyên hơn những hội nghị video (videoconference) hay tổ chức hội nghị “ảo” (conference “virtuelle”).*

Như thế, “trước hết đó là đặc điểm của những cá nhân, đặc biệt là bằng cấp và hoạt động của họ, giải thích chuyện phát ra khí thải liên quan đến vấn đề đi lại” như phân tích của ông M. Verry. Ông cũng đã phân bác “*hiệu ứng lò nung*” như các nhà xã hội học đã từng nêu như thế này: “những cư dân siêu đô thị, lên xe mỗi buổi sáng, không phát thải nhiều cho bằng cư dân ở trung tâm thành phố, là những người đi lại mọi ngày bằng phương tiện công cộng, họ cũng đáp tàu đi dự những hội thảo hay các cuộc hẹn công việc, không kể đi máy bay cuối tuần. Sự di chuyển ở trung tâm thành phố phát ra sức nóng từ khí thải: đó là hiệu ứng lò nung. Còn những cư dân siêu đô thị, mỗi lần kết thúc đi lại hàng ngày, họ không chuyển động nữa, họ ở yên quanh lò nung”.

Theo những tính toán của M. Verry, mặc dầu hiệu ứng lò nung, “trung bình một cư dân siêu đô thị phát thải nhiều khí CO₂ trong việc di chuyển hơn là cư dân ở trung tâm thành phố”.

Những khảo sát, những tính toán lạnh lùng nói trên, tiếc thay, lại đã động đến những nhà khoa học, những vị khoa bảng, những người cống hiến cuộc đời cho trí thức nhân loại. Nhưng chỉ là tiếc cho những con người khoa học, trí thức thực thụ, chứ đối với không biết bao nhiêu vị cũng vét-tông cà-vạt như ai, đến dự hội nghị, hội thảo khoa học để chẳng thu hoạch được gì vì thiếu trình độ, thì tội nghiệp cho trái đất thêm nóng, thêm vẫn đục. Nhưng biết làm sao được, chỉ một chút mặt trái của chuyện họp hành và hội thảo cũng cần thiết để họ phải xem xét lại - nếu đúng như thế - sao cho lương tâm không áy náy vì chuyện khí thải, một vấn đề mà rồi ai ai cũng phải góp phần làm ngăn chặn đà nóng lên ngôi nhà chung của nhân loại. ■

Ghi chú:

1. Theo Quỳnh Trang, *Việt Nam cần chuyển đổi năng lượng cấp bách, Tuổi Trẻ cuối tuần*, ngày 5-11-2017.

Tài liệu tham khảo:

1. Olivier Razemon, “Plus on est diplômé, plus on émet de CO₂ en se déplaçant”, transport.blog.lemonde.fr, 3/11/2014

2. Trang web: <https://yannickrumpala.wordpress.com/2009/09/01/chercheurs-et-scientifiques-doivent-ils-faire-moins-de-conferences/>.

3. Các trang mạng khác.

Giáo dục tình yêu

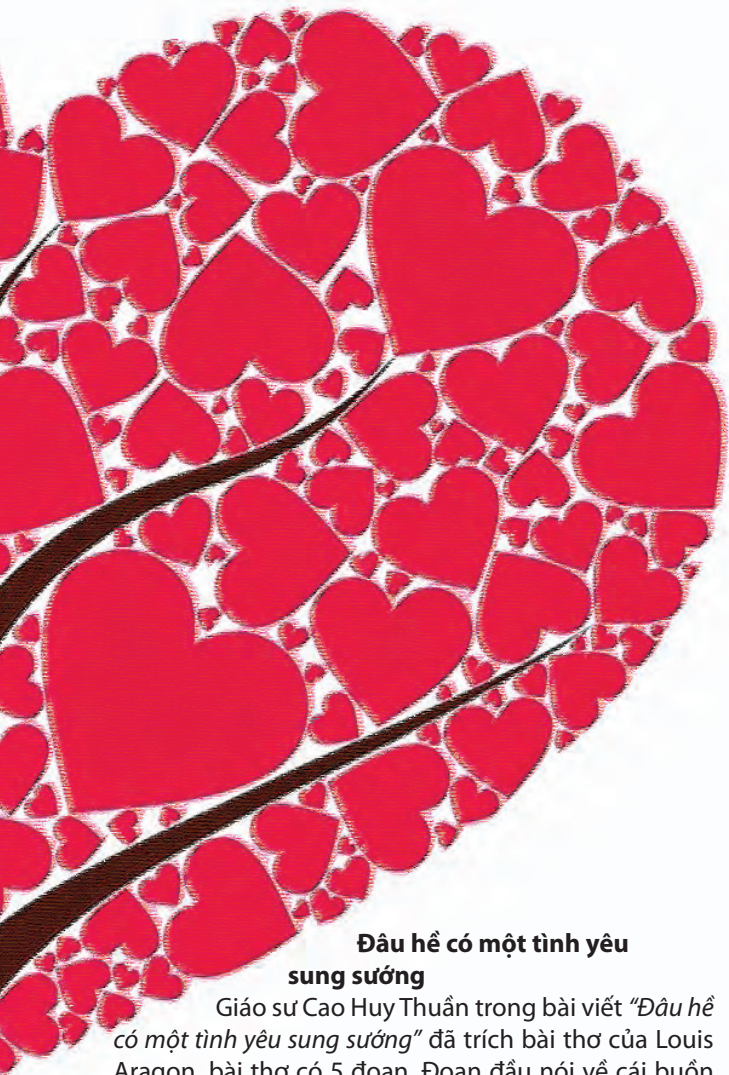
NGUYỄN CÂN

Không chỉ “giết người trong mộng” Ở thế kỷ trước, thi sĩ Hàn Mặc Tử, trong nỗi cô đơn cùng quẫn của thân phận đã phải kêu lên:
*Trời hỡi nhờ ai cho khỏi đói
Gió trăng có sẵn làm sao ăn
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp bẽ bàng.*

Ông chỉ nói cho thỏa nỗi của đau mình thôi; nhưng chắc ông cũng không ngờ người đời nay họ không chỉ giết trong mộng mà còn xuống tay tàn nhẫn với người mình yêu: từ tạt axit, cho đến sát hại. Động cơ gây án thì cũng chỉ quanh việc ghen tuông hay tan vỡ tình cảm. Người bị hại thường là phái nữ. Có kẻ còn giết cả gia đình bạn gái!

Những ngày gần đây, dư luận vẫn chưa hết bàng hoàng trước vụ án kinh hoàng khi Vũ Ngọc Hiếu (sinh 1989, quê Gia Lai) đã ra tay sát hại chị Đ.Y.N. (sinh 1991, ngụ huyện Bình Chánh, TP.HCM). Điều khiến mọi người phần nộ hơn cả là nghi can đã sát hại bạn gái ngay tại phòng trọ ở Gò Vấp và phân xác mang đi phi tang ở Tây Ninh. Sau mấy ngày gây án, Hiếu đã bị bắt giữ. Tại cơ quan điều tra, Hiếu khai hấn và nạn nhân có quan hệ tình cảm với nhau gần 9 năm qua. Tuy nhiên, chị N. đã muốn chia tay với Hiếu. Hiếu thấy nạn nhân có hình ảnh thân mật với người đàn ông khác nên nổi cơn ghen, kẹp cổ nạn nhân dẫn đến tử vong. Đây không phải là vụ án đầu tiên ra tay sát hại người yêu vì níu kéo tình cảm không thành. Trước đó, Phạm Văn Trường (sinh 1990, Hải Dương) cũng sát hại V.T.H (sinh 1997) vào sáng ngày 7/6/2016 tại chợ Thanh Bình bằng hàng chục vết đâm vào người. Có sự trùng hợp trong những vụ giết người yêu cũ là các hung thủ đều từng được gia đình

nạ n
n h â n
c ư u
mang, coi
như người
nhà. Không
thể không kể
đến vụ thảm
án ở Bình Phước
xảy ra vào tháng
7/2015 từng gây chấn
động dư luận trong thời gian khá dài, khi Nguyễn Hải Dương cùng đồng bọn đã ra tay sát hại cả sáu người trong một gia đình, xuất phát từ mâu thuẫn trong chuyện tình cảm giữa hung thủ Nguyễn Hải Dương (sinh 1991, An Giang) với con gái ông Mỹ là Lê Thị Ánh Linh (sinh 1993). Theo lời khai, Dương có quan hệ tình cảm với Lê Thị Ánh Linh (22 tuổi). Sau đó, gia đình Linh ngăn cấm mối tình này. Thấy cô gái có ý định khác, Dương sinh tâm thù hận, sát hại Linh và những người trong gia đình cô gái để trả thù.



Đâu hề có một tình yêu sung sướng

Giáo sư Cao Huy Thuần trong bài viết “Đâu hề có một tình yêu sung sướng” đã trích bài thơ của Louis Aragon, bài thơ có 5 đoạn. Đoạn đầu nói về cái buồn của kiếp người. Đoạn thứ hai nói về cái buồn của chiến tranh. Ba đoạn sau dồn cả vào tình yêu¹. Vì GS không trích nguyên văn nên chúng tôi xin phép trích lại phần nguyên văn của đoạn thơ GS dịch.

Il n’y a pas d’amour heureux

...

*Le temps d’apprendre à vivre il est déjà trop tard
Que pleurent dans la nuit nos coeurs à l’unisson
Ce qu’il faut de malheur pour la moindre chanson
Ce qu’il faut de regrets pour payer un frisson
Ce qu’il faut de sanglots pour un air de guitare
Il n’y a pas d’amour heureux.*

*Il n’y a pas d’amour qui ne soit à douleur
Il n’y a pas d’amour doit on ne soit meutri
Il n’y a pas d’amour dont on ne soit fiétri
Et pas plus que de toi l’amour de la patrie*

*Il n’y a pas d’amour qui ne vive de pleurs
Il n’y a pas d’amour heureux
Mais c’est notre amour à tous les deux².*

GS Cao Huy Thuần dịch:

Đâu hề có một tình yêu sung sướng
Chưa sống bao nhiêu thì đã quá chậm
Giữa đêm khuya đôi tim trẻ khóc thầm
Bao nhiêu sầu để được nghe câu hát
Bao nhiêu tiếc thương để được rung mình
Bao nhiêu nghẹn ngào đổi ghi-ta tiếng nấc
Có tình yêu nào sung sướng được đâu...
Có tình yêu nào mà không đau khổ
Có tình yêu nào mà chẳng xót xa
Có tình yêu nào mà không bị án
Có tình yêu nào mà chẳng lệ nhòa
Đâu hề có một tình yêu sung sướng
Nhưng đó là tình của cả đôi ta.

Nhân đây, GS nhắc lại một số định nghĩa về tình yêu của các triết gia cổ đại.

Platon định nghĩa tình yêu là muốn “muốn cái mình không có, muốn cái mình thiếu”. Vậy thì khi mình không có thì mình muốn, và có rồi thì mình hết thiếu. Mà hết thiếu thì không còn tình yêu... Cả hai trường hợp đều đưa đến khổ: không có cũng khổ vì thèm yêu, mà có cũng khổ vì hết thèm thì hết yêu...

Con người là hữu hạn lại đi tìm vô hạn để rồi luôn khắc khoải, trông mong. Có được người yêu lại dễ động tâm trước những xao xuyến mới. Ấy là khởi nguồn của bi kịch, của ngoại tình, tình không ràng buộc, tình một đêm, tình công sở, tình ban trưa... và người ta cứ “say nắng” mãi! Ngày còn học trung học, thầy dạy triết đã giảng cho chúng tôi nghe về mâu thuẫn giữa hiện thực và ước mơ, giữa tình yêu “thuần khiết” và thực tại đầy cay đắng như lời một bài hát:

*Thần tiên gãy cánh đêm xuân
Rớt mộng sa xuống trần
Thành tình nhân đứng giữa trời không
Khóc mộng thiên đường³.*

Có định nghĩa nào vui không? Aristote nói ngược lại “Tình yêu là một nguồn hạnh phúc”. Yêu là vui. Và tại sao vui? Vì yêu ai là mình muốn làm tốt cho người mình yêu. Aristote nói yêu là một tâm hồn ở trong hai cơ thể.

Giáo sư Cao Huy Thuần trích câu nói của Spinoza “Tình yêu là một niềm vui được cùng đi với ý nghĩ về một nguyên nhân bên ngoài”. Nghe cầu kỳ và rắc rối nhưng suy từ Aristote thì biết “nguyên nhân bên ngoài” là gì. Đó chính là người khác. Aristote và Platon có mâu thuẫn nhau không? Một bên là dục vọng, là đòi hỏi cho mình; một bên là tạo ra niềm vui đến cho người, người vui mình cũng vui. Thật ra trong chúng ta có cả Platon và Aristote.

GS kết luận: “Thượng đế không phải trên chín tầng mây mà ngay trong quan hệ giữa ta với người. Hãy nhắm con mắt mơ tưởng. Hãy mở con mắt thực tế. Thấy cuộc đời không phải là sướng, thấy tình yêu không phải toàn màu hồng. Nhưng phải thấy như thế để vui với cái mình có. Muốn cái mình đang có thì đời ta vẫn là đời ta”⁴.

Chúng tôi chợt nhớ bài thơ của Paul Eluard:

*Nous deux
Nous deux nous tenant par la main
Nous nous croyons partout chez nous
Sous l'arbre doux sous le ciel noir
Sous tous les toits au coin du feu
Dans la rue vide en plein soleil
Dans les yeux vagues de la foule
Auprès des sages et des fous
Parmi les enfants et les grands
L'amour n'a rien de mystérieux
Nous sommes l'évidence même
Les amoureux se croient chez nous*⁵.

Tạm dịch

Đôi ta
Bây giờ mình nắm tay nhau
Khi yêu ta ngỡ về đâu cũng nhà
Dưới cây êm dưới mái nhà
Dưới bầu trời sẫm hay qua bếp hồng
Hay qua hờ hững phố đông
Nắng trên đường vắng ấm lòng em tôi
Trí ngu già trẻ trên đời
Tình yêu mầu nhiệm rạng ngời xưa sau
(Nguyễn Cẩn)
Chúng mình minh chứng cho nhau
Người yêu luôn ngỡ rằng đâu cũng nhà.

Tình yêu mầu nhiệm như vậy, như cha ông mình nói “*Yêu nhau chẳng lọ chiếu giường, Dầu rằng tàu lá che sương cũng tình*”. Thế nên để giáo dục tuổi trẻ nhận thức đúng về tình yêu, chúng ta phải tìm xem những điều kiện để có một tình yêu chân chính.

Điều kiện tình yêu: Yêu phải hiểu

Thiền sư Nhất Hạnh đã kể một câu chuyện tình yêu:

Có một chàng trai ở vùng California, Hoa Kỳ; rất đẹp trai, học giỏi, tốt nghiệp một trường đại học nổi tiếng, có nhiều bạn gái xinh đẹp. Chàng trai sống với mẹ, người mẹ biết trong các cô gái ngưỡng mộ con mình, có một cô gái không xinh nhất, cô không trắng, không cao lắm nhưng được chàng trai đặc biệt chú ý.

Ngạc nhiên, người mẹ hỏi con trai: Vì sao con lại thích cô gái ấy, cô ta đâu có gì nổi bật?

Cô ấy hiểu con, chàng trai trả lời đơn giản. Chàng trai học ngành công nghệ thông tin nhưng rất hay làm thơ. Mỗi lần chàng đọc thơ, cô gái nọ lắng nghe rất chăm chú và có những nhận xét sâu sắc, trong khi những cô gái xinh đẹp kia không để ý gì đến.

Chàng trai đã chọn người yêu không vì vẻ đẹp bề ngoài, mà bởi sự lắng nghe và thấu hiểu. Thiền sư Nhất Hạnh kết luận: “*Đạo Phật cũng dạy như vậy, có hiểu mới có thương, tình yêu phải làm bằng sự hiểu biết*”⁶.

Không hiểu, không thể thương yêu sâu sắc. Hiểu chính là nền tảng của tình thương yêu. Mỗi người lớn lên trong những hoàn cảnh khác nhau, điều kiện sống khác nhau, có những nỗi niềm, những tâm sự riêng, nếu không hiểu, chúng ta cứ khăng khăng buộc người khác phải trở thành hình ảnh như mình muốn họ trở thành, sẽ sinh ra giận hờn, trách móc. Yêu mà không hiểu sẽ gây ra khổ đau. Người ta có khi nhân danh tình yêu, dẫn vật, gây căng thẳng làm khổ nhau thế nên nhiều người lập gia đình rồi vẫn cứ cảm thấy cô đơn vì “*đối tác*” không hiểu mình. Rủi như tình cờ gặp được người hiểu mình, thương mình sau đó thì rất dễ sa ngã, lệch hướng như cô gái khi đã có chồng gặp được người hiểu mình tặng “*ngọc minh châu*”, mà “*hận bất tương phùng vị giá thì*”⁷.

Giá mà gặp trước hôn nhân sẽ là may mắn lớn của cuộc đời. Tình yêu nên dựa vào sự hiểu biết lẫn nhau để tạo nền tảng bền vững. Quan điểm Phật giáo là “*hiểu mới thương*”. Đó cũng là tiền đề cho bất kỳ cuộc hôn nhân nào, còn nếu chỉ dựa vào những điều kiện vật chất như sự giàu có hay vẻ đẹp hình thể cũng đều không bền vững, nếu không muốn nói nhiều rủi ro và đem lại phiền muộn. Nhiều cô hoa hậu lấy những người giàu có nhưng chưa hẳn sẽ hạnh phúc dài lâu. Cảnh cửa tình yêu đến hôn nhân có thể đi trên những con đường trải thảm đầy hoa nhưng cũng có thể đưa ta đến cửa ngục phiền não nếu chọn sai, và tỷ lệ người chọn sai hiện nay không ít! Tỷ lệ ly dị hiện nay khá cao: hơn 30%.

Yêu phải tin

Những vụ án kể ở trên gây ra khi họ không còn tin nhau nữa. Một khi sự hoài nghi đã len vào trong tâm hồn thì sẽ gây nên bão tố như trong bi kịch Shakespeare: Othello sau khi bị Iago gieo vào tâm trí chàng sự hoài nghi về lòng chung thủy của vợ chàng, nàng Desdemona tiết hạnh, để rồi chàng nổi cơn ghen, che mờ lý trí, phạm sai lầm lớn nhất cuộc đời là giết người vợ ấy. Một khi tình yêu đã mất lòng tin thì tốt hơn là chia tay trong sự tôn trọng lẫn nhau. Còn có những tình yêu lớn hơn như khi Pascal nói “*Con tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu được*”.

Theo GS Thuận, Pascal nói về lòng tin tôn giáo. “*Chính trái tim, chứ không phải lý tính, cảm thấy Thượng đế. Lòng tin là như vậy. Lòng tin cảm thấy Thượng đế, không phải lý tính*”. Nhưng lòng tin này là chánh tín hay mê tín thì phải dùng lý trí. Kẻ khủng bố cũng tin yêu mù quáng vào những tín điều và một thiên đường mờ ảo đâu đó trong lòng hấn.

GS Thuận phân tích về Thượng đế của Victor Hugo (un Dieu hugolien) đã nhận ra rằng nhà thơ quan niệm



"Hãy tin để mạnh. Hãy yêu để hạnh phúc". Và Thượng đế của ông chính là Tình yêu. "Tại sao nhà thơ lớn ấy tranh đấu cho tự do? Vì tự do, theo ông, là tình yêu của Thượng đế dưới trần thế. Tại sao nhân dân là thiêng liêng? Vì nhân dân là Thượng đế. "Chả thế mà nhiều vị hoàng đế thời trước luôn tin "Dân ý tức thiên ý". Vì chiếm được lòng tin của nhân dân thì vận nước ắt sẽ cường thịnh, vững chắc⁸.

Nền tảng tình yêu phải là từ bi hỷ xả

Phật dạy về tình yêu rất sâu sắc. Tình yêu phải hội tụ đủ bốn yếu tố: từ, bi, hỷ, xả.

"Từ" là khả năng hiến tặng hạnh phúc cho người mình yêu. Giống như Aristote quan niệm, yêu là đem lại nguồn vui cho người khác. Một vị tăng sĩ nuôi dạy trẻ mồ côi phải có rất nhiều niệm "yêu thương" trong lòng để thấy thời gian, công sức mình bỏ ra là hoàn toàn hữu ích. Làm nghề gì cũng phải có tâm từ thì mới có thể tận tâm được.

"Bi" là khả năng lấy cái khổ ra khỏi tha nhân hay chính mình. Người yêu mình, phải là người biết sẻ chia, biết xoa dịu, làm vơi bớt nỗi khổ của mình trong cuộc đời. Một vị y sĩ có tâm bi sẽ luôn gần gũi, chăm sóc bệnh nhân mà không nghĩ nhiều đến quyền lợi vật chất. Người yêu có "từ bi" theo Phật dạy là người có khả năng chia sẻ buồn đau, đem lại hạnh phúc cho nhau. Nếu không có, chỉ là "tình vui trong phút giây thôi" say đắm nhất thời, không bền vững.

Ngoài ra nếu có thêm tâm "hỷ xả" sẽ khiến quan hệ thêm dài lâu.

"Hỷ" là niềm vui, tình yêu chân thật phải làm cho cả hai bên đều vui. Hay nói rộng ra người có tâm hỷ dễ sống chan hòa trong cộng đồng, được yêu mến và dễ gần gũi, chia sẻ.

"Xả" là bình đẳng, không phân biệt, đổ kỵ. Khi đã yêu là chấp nhận tất cả những khiếm khuyết sai sót, nếu có, trước đây của người yêu, sau này là của vợ hay chồng,

không nhắc lại quá khứ, không đay nghiến, không bận lòng chuyện cũ.

"Từ bi hỷ xả" trong tình yêu không thể tự đến mà chúng ta phải học, phải tu tập, phải vun đắp, trường dưỡng ngày đêm. Nhà trường hay gia đình cần có những lúc ngồi lại lắng nghe, trao đổi, hội thảo và tư vấn, làm thế nào để "ác tâm" có thể không phát sinh bất ngờ khiến họ trở thành sát nhân "không dự định". Nói theo Sigmund Freud, phải làm cho tầng "siêu ngã" mạnh mẽ để trấn áp phần "hạ ngã" gồm những xung động bản năng, những vọng niệm tà vạy. Theo nhà Phật, cần sống trong tỉnh thức, trong chánh niệm thì sẽ vượt qua được. Tự lực là chính, nhưng nếu môi trường chung quanh, gia đình và xã hội, có thể đem lại những sức mạnh tâm linh cho tuổi trẻ vững vàng trước ngưỡng cửa đón nhận tình yêu sau đó là hôn nhân một cách can đảm và có trách nhiệm dưới ánh sáng Tứ vô lượng tâm thì những tội ác như chúng ta vừa thấy sẽ không xảy ra, sẽ không còn ai tự tử hay hủy hoại người khác dù tình yêu toại lòng hay đổ vỡ vì họ hiểu "Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn đời, tạ ơn ai đã cho tôi tình sáng ngời như sao xuống từ trời"⁹. Và cho dù vì sao ấy không ở lại! ■

Chú thích:

1. Cao Huy Thuần (2018) - *Đâu hề có một tình yêu sung sướng, Người khuôn đá*, Nxb Trẻ, TP.HCM.
2. Louis Aragon (1946), *La Dianne Francaise*.
3. Vũ Thành An, *Tình khúc thứ nhất*, phổ thơ Nguyễn Đình Toàn.
4. Cao Huy Thuần, *ibid*.
5. Paul Eluard (1951), *Le Phénix*, dẫn theo www.unjourpoeme.fr.
6. Thiền sư Nhất Hạnh (2013), *Kể chuyện tình yêu*, dẫn theo www.nguoiduatin.vn.
7. Trương Tịch, *Tiết phụ ngâm*.
8. Cao Huy Thuần, *ibid*.
9. Trịnh Công Sơn, *Tạ ơn*.

Thực hành y khoa thay đổi từ những vụ kiện cáo y tế

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hippocrates, ông tổ ngành Y phương Tây sống vào những năm 460 trước Tây lịch, đã phát biểu về nghề y như sau: *“Cuộc đời thì ngắn ngủi mà nghề thì rộng thênh thang; cơn bệnh phập phù với tai biến không lường trước được; kinh nghiệm lại không đủ nhiều, và quyết định xử trí thì thật khó khăn. Người thầy thuốc không phải chỉ chuẩn bị để tự mình làm những gì là đúng, mà còn làm cho bệnh nhân, đồng nghiệp nhân viên và các yếu tố xung quanh hợp tác hài hòa.”*

Trong phát biểu trên, có một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong hành nghề y là người hành nghề phải làm cho bệnh nhân hợp tác hài hòa với mình.

Ngày nay, để làm cho bệnh nhân hợp tác hài hòa với mình, người hành nghề y được đào tạo và khuyến cáo nên xem bệnh nhân chính là một *thành viên tích cực* trong đội ngũ chăm sóc sức khỏe. Người bệnh cần được đối xử như “một cá nhân được tôn trọng” và người thầy thuốc có nhiệm vụ làm hài lòng họ bằng tình cảm chân thành, có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình, giải thích rõ ràng cặn kẽ. Đặc biệt, người bệnh rất cần được thông tin đầy đủ về việc chăm sóc sức khỏe cho họ. Người bệnh có quyền nói lên những thắc mắc và đặt ra câu hỏi liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe. Người bệnh có quyền yêu cầu bác sĩ giải thích kỹ về kế hoạch điều trị, có quyền được giải thích tại sao phác đồ điều trị dùng thuốc (kể cả xét nghiệm hoặc phẫu thuật nếu có) lại cần thiết và hữu ích đối với họ. Để chính họ, có quyền từ chối hay đồng ý với phương cách chữa trị của bác sĩ.

Đừng tưởng những “đặc quyền” của bệnh nhân kể ở trên được công nhận từ thời xa xưa, cỡ thời của Hippocrates đâu. Đúng là phát biểu của Hippocrates thấu cảm tấm lòng, khó khăn trong nghề của các thầy thuốc. Nhưng việc làm cho bệnh nhân hợp tác hài hòa với người hành nghề, thể hiện bằng các “đặc quyền” của bệnh nhân chỉ được công nhận từ những năm 1970 của thế kỷ XX. Đặc biệt nhờ ba vụ kiện cáo y tế xem ra khá ly kỳ đã xảy ra. Ba vụ kiện cáo y tế đã xảy ra ở Hoa Kỳ được một bác sĩ Việt Nam thu thập và đăng tải trên mạng.

Xin phép được trích đăng sau đây.

Vụ án thứ 1: *Can thiệp vào cơ thể bệnh nhân dù với mục đích tốt, cũng bị xem là bạo hành, nếu không được sự đồng ý của bệnh nhân đó*

Một bệnh nhân có khối u ở bụng. Người này đã đồng

ý để được gây mê và mở ổ bụng để chẩn đoán xem khối u là ác tính hay lành tính. Khi xác nhận khối u là ác tính, ngay trong ca mổ, bác sĩ đã tự ý cắt bỏ đi mà không hỏi ý kiến của bệnh nhân trước đó để được thông qua.

Đây là chuyện đã xảy ra tại một bệnh viện ở New York vào năm 1914 mà sau này thường được nhắc đến với tên vụ án *Schloendorff*. Bác sĩ này có thể bị kiện không? Bác sĩ đã bị kiện thật. Phán quyết của tòa án cho vụ án này đã được trích dẫn trong các tài liệu về đạo đức y học:

“Tất cả người trưởng thành với tâm thần bình thường có quyền quyết định những gì nên được thực hiện trên cơ thể của mình. Một bác sĩ ngoại khoa mà phẫu thuật không có sự đồng ý của bệnh nhân được xem như đã bạo hành bệnh nhân và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.”

Như vậy, mọi hành vi y tế xâm hại đến cơ thể bệnh nhân, dù với mục đích tốt, đều bị xem là một dạng bạo hành nếu không nhận được sự đồng ý của họ!

Sự kiện trên cũng đã khơi mào cho nhiều tranh luận liên quan đến quyền quyết định của bệnh nhân, giúp hình thành nên khái niệm mới là “đồng ý”: Bác sĩ phải có nghĩa vụ xác nhận sự “đồng ý” của bệnh nhân trước khi can thiệp vào cơ thể để chữa trị cho họ.

Vụ án thứ 2: *Đồng ý của bệnh nhân phải kèm với điều kiện được giải thích*

Một bệnh nhân 55 tuổi được bác sĩ khám và nghi ngờ bị thuyên tắc ở động mạch chủ. Đồng ý chụp ảnh để xác định vị trí thuyên tắc, bệnh nhân được tiêm sodium urokon (một loại thuốc là phẩm màu) vào động mạch chủ qua vùng thắt lưng. Tuy nhiên sáng hôm sau thức dậy, bệnh nhân không thể nhấc nổi chân vì bị liệt cả hai chi dưới!

Vụ việc xảy ra vào năm 1972. Bệnh nhân có tên là Martin Salgo, đã đâm đơn kiện các bác sĩ ở bệnh viện Đại học Stanford (Hoa Kỳ) vì việc không giải thích và cảnh báo rõ ràng về nguy cơ bị liệt do thủ thuật tiêm thuốc vào cơ thể. Tòa án đã đứng về phía bệnh nhân với lập luận rằng lẽ ra các bác sĩ đã phải cung cấp và giải thích *toàn bộ* thông tin cần thiết để giúp bệnh nhân đưa ra quyết định. Tức là *đồng ý phải kèm điều kiện được giải thích rõ ràng*.

Thật ra, từ năm 1957 là năm mà cụm từ “*Informed consent*” (“Đồng ý sau khi được giải thích”) được sử dụng lần đầu tiên trong lịch sử y khoa. Khái niệm này đã phải mất 15 năm (1957-1972) để dần được phổ biến và chấp nhận sau nhiều phiên tòa về y tế khác. Như trong một phiên tòa năm 1960 tại Hoa Kỳ có đề cập cụ thể: “*Bác sĩ*

phải nỗ lực thuyết minh cho bệnh nhân, bằng ngôn ngữ dễ hiểu, về đặc điểm của bệnh tật, nội dung điều trị, khả năng thành công, những lựa chọn thay thế cũng như những biến chứng có thể xảy ra và cách ứng phó”.

Vụ án thứ 3: Giải thích cho bệnh nhân, phải theo cách nói mà bệnh nhân hiểu được

Một bệnh nhân bị đau lưng nặng, được chẩn đoán là do vỡ đĩa đệm giữa hai đốt sống thắt lưng và cần phẫu thuật. Tuy nhiên bác sĩ không nói với bệnh nhân thông tin chi tiết về phương pháp mổ. Bác sĩ chỉ trấn an mẹ của bệnh nhân rằng mặc dù là ca phức tạp, cách xử lý sẽ không khó khăn mấy so với các trường hợp mổ trước. Trong quá trình hồi phục sau mổ, bệnh nhân bị trượt khỏi giường vì không có thanh chắn giường thích hợp. Sau đó, bệnh nhân gần như hoàn toàn bị tê liệt.

Bệnh nhân đã kiện bác sĩ (và cả bệnh viện) về việc không giải thích cho bệnh nhân những nguy cơ liên quan trước khi mổ, cũng như có những trách nhiệm quá trình theo dõi hậu phẫu. Không hề có giấy tờ nào chứng tỏ việc cung cấp thông tin của bác sĩ!

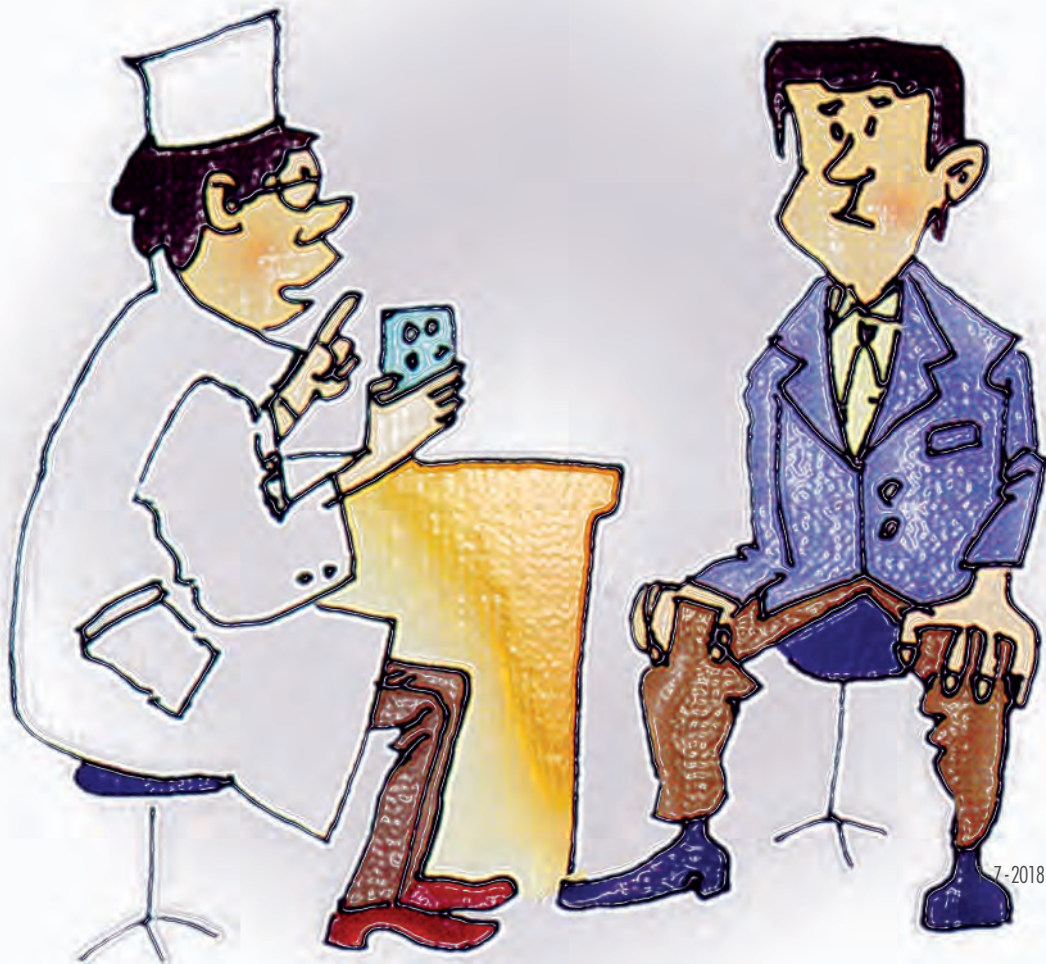
Vụ án này được gọi là “*Canterbury v. Spence*” và được xét xử vào năm 1972 ở Hoa Kỳ dấy lên nhiều tranh luận sôi nổi sau đó và góp phần thay đổi chuẩn mực về đạo đức y tế.

Phía bệnh viện thì bào chữa rằng việc bị liệt cũng có thể xảy ra với xác suất là 1%, ngay cả khi bệnh nhân không bị té sau mổ. Hơn nữa, bác sĩ vì lo ngại việc truyền đạt các nguy cơ trong điều trị sẽ làm bệnh nhân hoang mang lo lắng, gây biến động tâm lý ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị nên không giải thích cho bệnh nhân.

Phán quyết của tòa đưa ra với đại ý: “Trong trường hợp này, bệnh nhân là người giữ quyền quyết định đối với cơ thể của mình, là người chọn lựa phương thức điều trị chứ không thể là ai khác. Vì bác sĩ có nghĩa vụ giúp đỡ bệnh nhân chọn lựa phương cách điều trị, lời lẽ giải thích thuyết minh không thể theo tiêu chuẩn ‘chuyên môn’ của bác sĩ mà phải theo tiêu chuẩn mà một người bình thường vẫn có thể hiểu được! Sự đồng ý chọn lựa phương thức điều trị phải thể hiện bằng văn bản”.

Chính phán quyết này đã làm nên bước ngoặt lịch sử, vì tiêu chuẩn giải thích theo kiểu “chuyên môn” của bác sĩ mà bệnh nhân chẳng hiểu gì, đang thống trị vào thời điểm đó!

Tóm lại, những thay đổi trong thực hành y khoa, đặc biệt khái niệm mới liên quan đến đạo đức nghề y (như “*đồng ý của bệnh nhân*”, “*đồng ý phải kèm được giải thích rõ ràng*”...), đã hình thành và tiến hóa trong vận động chung của xã hội. Những thay đổi này dần dần được chuyển đổi thành ngôn ngữ của pháp luật và thay đổi cách hành xử của con người tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác. Những thay đổi, những khái niệm mới không tự nhiên sinh ra hay được áp đặt một cách miễn cưỡng. Giới chuyên môn ở Hoa Kỳ cho rằng, đó là nhờ phong trào nhân quyền dưới sự dẫn dắt của Martin Luther King dấy lên vào những năm 1960. Họ còn cho rằng, những vụ án liên quan tới sự cố y khoa hiện nay không nên dừng lại ở việc trị tội một vài cá nhân “cho xong chuyện”, mà phải xử lý được lỗi hệ thống để thay đổi cách làm việc, để cách hành xử y tế mang lại lợi ích trước hết cho bệnh nhân. ■



Người giữ hồn văn hóa Pa Cô

TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG



Nguồn: ongbachau.vn

Năm 2007, tôi là người may mắn được gặp ông Mai Hoa Sen tại thành phố Buôn Ma Thuật trong chương trình Festival công điền Tây Nguyên. Tại đây, ông đã cùng với Đội Thông tin lưu động huyện Đăckrông, tỉnh Quảng Trị tham gia biểu diễn công điền Pa Cô trong suốt thời gian diễn ra lễ hội và đã để lại nhiều dấu ấn với người xem. Với tình yêu âm nhạc dân gian truyền thống của dân tộc mình, người cựu chiến binh ấy đã và đang gìn giữ những nét đẹp văn hóa đang bị mai một để truyền dạy lại cho con cháu.

Hoàn thành nghĩa vụ với tổ quốc, năm 1978, Thượng úy Mai Hoa Sen trở về mảnh đất Tà Rụt, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Dù phải lao động để phát triển kinh tế gia đình như mọi người, nhưng người cựu chiến binh Trường Sơn Mai Hoa Sen vẫn canh cánh trong lòng một nỗi niềm: Phải bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Pa Cô của mình. Vậy là ông đến mọi thôn bản, gặp gỡ các già làng, những nghệ nhân cao tuổi để xin họ truyền dạy lại những khúc nhạc cổ, cách làm các nhạc cụ truyền thống của người Pa Cô. Có những nhạc cụ bà con đã vứt bỏ từ lâu, ông cũng vẫn xin về để nghiên cứu. Với tình yêu âm nhạc dân gian truyền thống của dân tộc mình, người cựu chiến binh Pa Cô ấy đã và đang gìn giữ những nét đẹp văn hóa đang bị mai một để truyền dạy lại cho con cháu.

Gặp ông Sen bây giờ không dễ, bởi lúc nào ông cũng đều đặn tới làng Cát để dạy cho lớp thanh niên nam nữ ở đây cách chế tác đàn Talu, sáo, khèn bè, đàn Abel để họ tiếp tục truyền lại cho những người trẻ khác. Được biết, lớp học này do Phòng Văn hóa Thông tin huyện Đăckrông tổ chức, giao cho ông Sen phụ trách truyền dạy.

Được huyện mời hướng dẫn cho thanh niên làm các loại nhạc cụ truyền thống thì ông vui lắm. Hy vọng một ngày không xa, lớp trẻ sẽ quay trở lại với các lễ hội truyền thống, hòa mình vào những âm thanh của nhạc cụ dân tộc. Nhờ những lớp học như thế này, bây giờ nhiều người đã biết làm, chơi nhạc cụ truyền thống một cách thuần thực.

Trong nhà của mình, ông đang lưu giữ hàng chục chiếc chiêng, sáo, khèn bè... các loại. Ở đó, hàng ngày

ông tỉ mỉ nâng niu các loại nhạc cụ bằng tất cả lòng say mê, trân trọng, xem đó như những báu vật. Lúc rảnh rỗi, ông lại tấu lên vài khúc nhạc cho con cháu nghe. Với mỗi lần tấu đàn, ông vẫn luôn tâm nguyện mong sao lớp trẻ ngày nay biết làm, biết biểu diễn các loại nhạc cụ truyền thống thì ông mừng lắm. Bởi vì nhạc cụ Pa Cô cũng có gần đến mười loại, được chế tác từ môi trường tự nhiên, không tốn nhiều tiền, không tốn công sức mà chỉ cần người chơi, người làm phải có đức tính cẩn mẫn một chút, và điều đặc biệt biết gửi tâm huyết của mình vào đó là được. Đã có nhiều thanh niên không rèn được đức tính này cho nên đã bỏ dở nửa chừng, tiếc lắm.

Cứ mỗi lần có khách đến nhà là ông biểu diễn đàn Talu cho mọi người cùng nghe và ông cho hay: Với đàn Talu, điệu đi sim thì phải êm ái, du dương; trai gái hát đối đáp thì vui tươi; lễ hội nhảy múa thì phải rộn rã, phấn khởi. Đàn Talu có ba loại, loại lớn được dùng trong các lễ hội đồng người với các điệu như: Tèra-vần có nghĩa là ve kêu, Tèra-téc là trai gái yêu nhau.

Ở ông, chúng tôi thấy ngoài tài nghệ làm nhạc cụ, ông Sen còn hăng say tham gia sáng tác các làn điệu, câu hát truyền thống của dân tộc mình hay sáng tác các ca khúc ca ngợi quê hương. Chúng tôi đã ghi âm lại một số bài dân ca Pa Cô mà ông đã hát, mỗi bài đều có dáng dấp của hình ảnh núi đồi, sông suối Tà Rụt quê hương ông. Ông còn dàn dựng và phục hồi các điệu múa cổ mà người Pa Cô đã hầu như quên lãng, việc làm này của ông được ông Kraay Alúc Súc, Trưởng ban Văn hóa xã Tà Rụt giúp đỡ về mặt tài chính và thời gian. Và có hơn 15 điệu múa được dàn dựng như Võ Kun, Võ Kun giải chiến, Võ Kun cầu mùa, Tiếng khèn Võ Kun, Đăckrông ngày mới...

Từ năm 2007 đến nay, ông Sen bôn ba khắp các bản làng để tìm mua và sưu tập giúp Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam (Thái Nguyên) các loại nhạc cụ, công chiêng, chày giã gạo, những chiếc áo vỏ cây... Ông còn được mời tham gia các lễ hội lớn trong và ngoài tỉnh như: dàn dựng và viết kịch bản cho lễ hội Mừng lúa mới; biểu diễn tại Festival Tây Nguyên (Buôn Ma Thuột, 2007, Pleiku, 2009), Lễ hội Văn hóa Thể thao huyện Minh Hóa (Quảng Bình), Lễ hội nhịp cầu xuyên Á lần thứ nhất, Festival Huế... Hàng năm, ông Sen đều được Hội Người mù tỉnh Quảng Trị mời về dạy cho các cháu thiếu thị cách đánh đàn, thổi sáo.

Cũng từ năm 2007 đến nay được sự ủng hộ của địa phương, nghệ nhân Mai Hoa Sen thành lập đội công chiêng xã Tà Rụt. Những cô gái, chàng trai Pa Cô, mới hôm nào còn bỡ ngỡ thì nay đã biết đánh chiêng, đánh công thật hay, thật khéo. Không chỉ truyền dạy cho học sinh những bản công chiêng truyền thống, nghệ nhân Mai Hoa Sen còn giúp họ hiểu được những cái hay, cái đẹp và giá trị tinh thần của loại nhạc cụ độc đáo này.



Thành lập được đội công chiêng rồi, ông Sen bắt tay vào dựng những bản công chiêng dùng trong các lễ hội khác nhau. Những người đã học đàn với ông, bây giờ không chỉ đánh công chiêng giỏi, hát hay, múa khéo... mà còn hiểu rõ được những giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc mình, tích cực tham gia gìn giữ, bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống.

Thật hiếm có một người nào như ông, giờ đã qua tuổi 75, ông vẫn mạnh khỏe, nên bên cạnh ông lúc nào cũng có những người học trò tâm huyết, là nguồn động viên lớn cho ông sáng tạo nghệ thuật. Gần đây thôi, khi gặp lại ông, tôi không khỏi bất ngờ là ông đã thành công thêm một lớp truyền nghề nữa, những người học trò của ông đã là lực lượng nòng cốt trong các đội văn nghệ dân gian cấp thôn, bản. Và không chỉ có ở xã Tà Rụt theo học ở ông mà cả những xã xa xôi khác như A Vao, A Ngo, A Bung và thậm chí ở A Lưới, mọi người cũng tìm đến với ông.

Ông còn bày cách cho những học trò của mình phương pháp sưu tầm vốn văn nghệ dân gian, thống kê số lượng công chiêng, nhạc cụ hiện có trên địa bàn cư trú của người Pa Cô để rồi ông sẽ đề xuất các cấp chính quyền địa phương hình thành nên đề án Bảo tồn Không gian Văn hóa Công chiêng Pa Cô. Ý định của ông là vậy, cầu mong sao cho ông có thêm nhiều sức khỏe để tiếp tục truyền nghề cho con cháu.

Trong quy chế xét tặng, công nhận danh hiệu Nghệ nhân dân gian Việt Nam có tiêu chí truyền nghề thì ông Mai Hoa Sen đã hội đủ các điều kiện: Người còn lưu giữ nghề truyền thống, biết diễn xướng dân gian và có người theo học nghề. Vậy nên chẳng các cấp chính quyền và ban ngành có liên quan nên quan tâm đến ông để ông có thêm niềm vui giữ gìn văn hóa Pa Cô cho thế hệ sau. ■

Đất phương Nam ngày cũ

Tình người nghĩa đất

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Chiều cuối năm, Tư Trào nằm chờ về quê tảo mộ và ăn Tết.

Gió chướng lướt thướt trên mặt nước sông Tiền mênh mông và se sắt lạnh. Ông lão ngồi cạnh Tư Trào, râu tóc bạc màu sương sữa, khuôn mặt hẳn những nét phong trần với vết cắt xỏ dọc gò má trái thành sẹo; thỉnh thoảng, đôi vai lão rung lên theo con sóng tấp mạn đờ. Nhìn lão, Tư Trào ái ngại, lòng dâng niềm thương cảm.

"Dạ! Thưa ông, xin lỗi, ông thứ mấy?", rụt rè, Tư Trào bắt chuyện.

Ông lão nhìn Tư Trào, cái nhìn hồn hậu phản ánh hoàn toàn trái ngược nét dữ dằn lộ lộ bên ngoài vóc dáng.

"Qua thứ Năm, đám giang hồ gọi qua là 'Năm ruột ngựa!'", rồi lão thở dài: "Đó là chuyện ngày xưa..."

Mạnh dạn, Tư Trào hỏi tiếp: "Dạ! Thưa ông Năm, ông ghé bến nào?"

Đột ngột, lão lặng thinh.

Lúng túng, Tư Trào đắn đo không biết có nên hỏi tiếp lão nữa hay không. Bỗng lão cười, rồi bật lửa mỗi thuốc. Tư Trào có cảm giác khói thuốc làm say nắng cuối ngày.

"Qua ghé bến... chẳng biết bến còn không!"

"Vâng, có lẽ đã lâu lắm, ông mới quay lại bến?"

Lão rít một hơi, lửa đỏ đầu đầu thuốc.

Gió tạt mạnh át lời, Tư Trào không nghe rõ tiếng lão nói, chỉ nghe tiếng đặng tiếng đượ: "Qua đi...gi... an...ng... hoo...ồ..."

Con đò đập dềnh như chiếc lá tre bồng bênh lướt theo sóng.

Loảng thoảng trong gió hai tiếng *giang hồ*, chẳng biết lão là giang hồ thứ thiệt hay: "... *giang hồ ta chỉ giang hồ vật... nghe tiếng còm sỏi cũng nhớ nhà*"³; chợt nghĩ, bụng Tư Trào mắc cười thâm.

Đò tới An Hóa, cập bến cuối ngày. Hành khách lục tục lên bến, ai nấy bươn bả về nhà. Lão đứng lóng ngóng, và hình như lão đang định thần để định hướng đi.

"Dạ! Thưa ông Năm, ông về đâu?"

Tư Trào không nghe tiếng lão trả lời, mà chỉ nghe tiếng chim từ quy thỏ thỏ kêu buồn dội nước!

* * *

Trời chạng vạng tối, xóm cù lao đỏ đèn.

Má Hai vừa bới cơm, vừa lắng nghe con kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ với lão "Năm ruột ngựa" nào đó trên chuyến đò chiều. Má suy nghĩ lung lăm, thời buổi còn nhiều nhiều nhưng thì việc tốt xấu chẳng biết đâu mà lường. Nhưng trước mặt con, má cố giấu điểu má suy nghĩ.

"Cơm nước xong, con đi nghỉ đi! Chén đũa để đó, má rửa!"

"Thôi má! Má cứ để cho con!"

Hai má con kỳ kèo giành nhau phần thu dọn bữa cơm quê cuối ngày. Tư Trào nài nỉ, trách móc: "Dọn dẹp bếp núc, rửa chén đũa xin má cứ để cho con; bởi đó là niềm vui của con. Sao má lại không cho?"

Má Hai tủm tỉm cười, thâm nghĩ: "Thằng này ngày một lớn. Tánh nó giống hệt ba nó hồi còn sống; hễ việc gì không muốn vợ con mân, thì ba nó nói đại lên: 'Tui vui mới giành mần, sao mình cứ giựt cái vui của tui?'. Mỗi lần vậy, má Hai đành chịu phép!"

Đêm trầm kha cuối tháng Chạp.

Nghe lời con kể ban chiều, má Hai trần trọc nhưng nghĩ mãi vẫn chưa nhớ ra người trạc ngũ tuần, có vết sẹo bên gò má trái, với cái hỏn danh giang hồ *Năm ruột ngựa* ở cù lao An Hóa. Má Hai chợt nhớ tới cố Ba, người cao niên nhứt xứ cù lao, chắc cố có thể biết người mà má Hai muốn biết. Lòng má Hai khắp khởi, mong trời mau sáng.

"Tu! Đâu rồi con?"

"Dạ! Con đây nè, má!"



Tư Trào đang lui cui bó cọng dừa làm chổi để mai hai lăm, theo má đi tảo mộ ba và ông bà ở miếng biển thỉ bên kia rạch.

"Con ở nhà, má đi xóm qua cố Ba có chút việc!"

Bông cỏ may bám lai quần khi chun má Hai đạp bừa lên những hạt sương long lanh dính mạng nhện dọc đường. Nhà cố Ba ở ngõ tắt làng, ngó rành rạch ra con sông Ba Lai.

Cố Ba trầm ngâm, nhấp tách trà sen còn Bén khói.

"Thím Hai! Qua nhớ ra rồi!"

Má Hai mừng hóm.

Lát sau, cố Ba chậm rãi nói: *"Cứ theo lời học lại của thím, chú Năm mà cháu Tư Trào đã gặp trên chuyến đò chiều, chắc là chú Năm cháu nội đích tôn của cụ Cả Trọt, từ thời cù lao An Hóa còn hai tổng Hòa Quới và Hòa Thịnh thuộc tỉnh Mỹ Tho"*

Cội bạch mai trước sân nhà cố Ba lác đác nở nhụy vàng bung cánh trắng đón nắng Xuân. Và hình như sắc trời thanh sạch, không khí ấm áp... khiến cố Ba nhớ bao chuyện cũ tưởng đã quên.

"Hồi năm, An Hóa còn gọi kinh Giao Hòa", con kinh nối sông Mỹ Tho với sông Ba Lai, đồng thời hợp cùng kinh Chệt Sậy nối sông Ba Lai với sông Bến Tre tạo nên thủy trình xuyên qua cù lao An Hóa và cù lao Bảo. Vốn sống nghề hạ bạc nên sông rạch ở quê mình, qua nắm trong lòng bàn tay. Sau ngày đình chiến (1954), nghe nói con trai một của cụ Cả - tức ba của chú Năm - bỏ xứ cù lao sang phố Mỹ Tho mần ăn buôn bán sinh sống. Từ đó, tét nhứt cũng không thấy về rồi bật tin luôn!"

Cố Ba chống gậy bước ra thêm cửa. Gió xuân quẩn quật, bông dừa rụng trắng liếp vườn. Cố Ba nói chắc cú: *"Mồ má ông bà, trong đó có mộ cụ Cả còn nằm lại đất cù lao. Nếu phải chú Năm như qua vừa nói, thì ngày tảo mộ thế nào rồi thím cũng gặp"*

Gần hai mươi năm nay, mỗi độ xuân về hay vào dịp tiết Thanh minh, mồ má gia tộc cụ Cả chẳng hề thấy ai lui tới hương khói, chăm nom. Nếu má Hai và bà con xóm giềng quen đi tình xưa nghĩa cũ đã từng ăn nhờ ở đậu trên đất cụ Cả, thì cụm mồ má gia tộc nhà cụ đã thành hoang phế.

Vườn rợp bóng nắng, cố Ba tặc lưỡi: *"Chuyện khá lâu... mà cuộc đời thì đồn dập như sóng đề lên sóng, mần sao qua tránh ngộp để khỏi cái nhớ cái quên!"*

Tiếng tặc lưỡi của cố Ba đằm đằm đầy vơi phận người, đẩy nổi bản khoăn trong lòng má Hai ra khỏi vòng xoáy nghĩ ngợi vẫn vơ.

2 Người đàn bà sồn sồn dẫn lão Năm tới mộ cụ Cả.
"Má! Lão đó đó, má!"

Ngước mắt nhìn theo hướng tay con chỉ, má Hai nhận ra người đàn bà sồn sồn là cô Bảy Quán, bán hàng quán ở xóm trên; còn người đàn ông dáng dấp già sòm có lẽ trước tuổi thì má chưa nhận ra được ai.

Hằng năm, cứ vào ngày 25 tháng Chạp, người cù lao, dù đang sinh sống tại chỗ hay đã ly hương, đều xúm

nhau về khu nghĩa địa biển thỉ có mồ má người thân để tảo mộ. Tảo mộ đã thành tập tục thăm viếng mộ phần người quá cố trong gia đình, dòng họ; và dịp này họ chặt cây cối, nhổ cỏ dại, sửa sang, tu bổ cho ngôi mộ khang trang hơn; luôn luôn đó là dịp con cháu tỏ lòng nhớ cội nguồn, vì *Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn, Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu* khi xuân về Tết đến.

Má Hai chụm tay lên miệng làm loa, nói lớn: *"Ai như là cô Bảy Quán?"*

"Dạ! Bảy Quán nè, chị Hai!"

"Cô Bảy tảo mộ ai đó?"

"Không! Không! Em đi chỉ dùm phần mộ cho khách", tiếng cô Bảy Quán nghe rõ mồn một.

Nói xong, cô Bảy Quán quày quả quay lộn lại ra đường cái trở về quán.

Má Hai hối thúc và nhắc Tư Trào sửa sang bốn phía ngôi mộ của ba nó. Với má Hai, đó là lòng kính trọng của vợ con và cũng là cách coi sóc tình hình xung quanh ngôi mộ chồng có đọng nước hay không. Bởi nếu nước đọng thấm vào mộ sẽ có ảnh hưởng không tốt cho vận thế của con.

"Dạ! Xong rồi, má!"

Tư Trào nói trong hãnh diện, chẳng khác nào báo công với má.

"Xong rồi thì má con mình mau mau qua cùm má cụ Cả, giúp lão..."

"Lão Năm... nhớ nha má!", nhay miệng, Tư Trào nhắc má Hai.

Cùm má cụ Cả có nhiều mộ và nhiều mộ tương tất. Lão Năm linh cảm mấy mươi năm qua, hình như có ai đó chăm sóc và tảo mộ. Lão cảm ơn người, cảm ơn trời đất còn thương dòng họ lão không phải lâm vào cảnh xiêu mồ lạc má. Lão một mình, lưng trần trụi trọc, mồ hôi mồ kê vả mặt, ướt mình mẩy. Lão cật lực đắp thêm đất lên mộ phần ông nội và người thân, vì lão tin *cao năm ấm mồ*.

"Thưa ông! Cho phép má con tui phụ giúp ông một tay!"

Lo mần chúi mũi tối mắt không để ý xung quanh nên khi nghe tiếng thưa thốt, lão giật mình thót người.

"Á! Thằng nhỏ! Cái... thằng nhỏ!", lão la lên bật thành tiếng reo mừng lúc ngó thấy Tư Trào.

"Dạ! Đây là má của cháu", Tư Trào giới thiệu má Hai với lão Năm.

"Nhiều năm, năm nào tui và bà con chòm xóm cũng xúm nhau tảo mộ cùm mồ má cụ Cả"

Má Hai dứt lời. Lão buông cuốc, chấp tay cảm ơn, mắt rưng rưng!

Trước lạ sau quen, má con Tư Trào xăn tay áo xáp vô chung việc tảo mộ. Má Hai tấm tắc khen thắm: *"Cố Ba đoán việc như thần!"*

Cùm má cụ Cả vừa tảo mộ xong thì trời đã trưa trưa trưa trật. Quệt mồ hôi trán, má Hai mời lão Năm ghé nhà dùng bữa cơm đậm bạc.

Trong bữa cơm, má Hai và lão Năm vừa ăn vừa chuyện vãn. Đột nhiên, lão Năm nêu ý kiến: “Chị Hai! Chị cứ việc gọi em là thằng Năm... Thằng Năm ruột ngựa!”

“Ý! Đâu hỗn hào vậy được!”

“Thằng Năm này nhỏ tuổi hơn chị tới một con giáp; sao không được?”

Má Hai do dự, mà rồi nghĩ lại cũng phải, cứ kêu một lão Năm... hai lão Năm, kêu hoài như vậy nghe thiệt chướng tai.

“Thôi! Tui gọi bằng Cậu Năm, cậu nhắm coi được hôn?”

Lão buông đũa.

“Chị Hai!”

Niềm vui ùa vào mâm cơm đang ăn dở dang.

Xị rượu mặn cúng tảo mộ, Năm “ruột ngựa” rót ra chén, làm một hơi cạn sạch và vén vạt áo chùi mép, có vẻ còn thèm thuồng. Thấy vậy, má Hai biểu Tư Trào chạy ra cô Bảy Quán đong thêm nửa lít rượu mặn để cậu Năm uống cho vui.

Cậu Năm nài nỉ.

“Bữa cơm này coi như bữa cơm chị em mình kết nghĩa, chị nói cháu nó đong cho em đúng một lít đi, chị Hai!”

“Uống gì mà uống dữ vậy, cậu?”, má Hai nói để nói, chớ cũng chiều cậu em.

Nặng xế chiều. Lác đác đã có một hai bầy cò lặn lẽ bay ngang sông Ba Lai về tổ. Cậu Năm ngồi uống rượu một mình trên tấm phản.

“Hôm rày, cậu ăn ngủ ở đâu?”, má Hai hỏi.

Cậu Năm cười, trả lời: “Mới hai ngày hai đêm thôi, có lâu lác gì đâu. Đêm ngủ đình làng, ngày ăn quán cô Bảy.”

Cậu Năm nói, cậu tiếc hùi hụi, vì hai ngày nay cậu không biết ở quán cô Bảy có rượu mặn uống ngon như vậy; nếu biết, cậu không uống bia vừa tốn nhiều tiền, vừa uống không đã.

Cậu Năm dợm đứng dậy dọn mâm cơm xuống bếp. Má Hai vội ngăn lại: “Cậu cứ để đó cho cháu! Mời cậu qua bàn uống nước!”

Cậu Năm nói với má Hai: “Lát nữa, em ghé cô Bảy Quán, rồi trở vô đình.”

Thâm tâm má Hai tự nghĩ: “Thiệt ra, miếng đất mình đang ở vốn là đất của cụ Cả cho mình ở đậu từ hồi nằm. Nay, cháu cụ Cả sa cơ lỡ vận không lẽ mình làm ngơ?”

“Đâu có được cậu! Chẳng biết nhau thì thôi, đã biết nhau rồi, cậu cứ ăn ngủ lại đây, không gì mà ngại!”

Rồi, má Hai giục: “Uống nước xong xuôi, cậu nằm nghỉ. Một chút nữa, cậu theo tui tới thăm cố Ba.”

“Cố Ba nào, hả chị?”

“Rồi, cậu sẽ biết!”

3 Cậu Năm theo má Hai tới thăm cố Ba.

Thường thì người ta nhớ chuyện cũ, mà lại nhớ rất rõ, và thích nói chuyện cũ như chuyện mới xảy ra. Cậu Năm lắng nghe cố Ba nói về thời ông nội của mình; cái thời cụ Cả giúp người cơ nhờ, cho ở đậu những ai không có đất ở như cố, như má Hai...

Có lẽ, cụ Cả ăn ở có đức nên lúc lâm vào cảnh suy mà không tàn, mồ mả hoang mà không phế... không hương tàn bàn lạnh!

Cầm tách trà mời cậu Năm, cố Ba nhắc câu nói dân gian: có đức mặc sức mà ăn.

“Thưa cố! Cố thương thì nói vậy, như cháu...!”

Cố nổi lời: “... Như cháu không có cái ăn, chớ chẳng phải là không sức ăn!”

Và, cố hỏi cậu Năm: “Ý cháu muốn nói vậy?”

Cậu Năm xèn lên. Má Hai nói chen vào: “Tui định bụng giữ cậu Năm ở lại cù lao, bởi dù gì nơi đây cũng là quê cha đất tổ...!”

Cố Ba gạt đầu.

“Phải đó, thím Hai!”

“Thưa cố! Sẵn có cậu Năm, tui tính vậy, cố và cậu nó nghe coi được không?”

“Thím Hai cứ nói!”

Cố Ba nôn nóng muốn nghe.

“Tui còn năm công vườn tạp không có huê lợi là bao, định bụng giao lại cậu Năm có chỗ nương tựa và trông trọt kiếm sống qua ngày.”

Mọi người im lặng. Có lẽ, điều má Hai vừa nói hơi đột ngột; má Hai nói tiếp: “Vả lại, tui không muốn thằng Tư Trào đi làm thuê làm mướn phương xa... Giờ có cậu Năm, tui muốn hai cậu cháu cùng khai thác mảnh vườn...!”

Má Hai chưa dứt lời, cố Ba nhịp tay lên bàn.

“Hay! Hay quá...!”

Hoàn toàn bất ngờ, cậu Năm phản ứng: “Nhưng...!”

“Không có như nhị gì hết! Cậu nó già rồi, mỗi gố chôn chôn thì còn đi đâu chi nữa”, má Hai nói dứt khoát.

Mây đùn đục, mưa xuân lâm thâm chiều tháng Chạp.

Cố Ba vói tay lấy chai rượu mặn rót ra ly.

“Cháu Năm nhấp chút cho ấm lòng.”

“Mèng đéc! Nóng lòng, chớ ấm lòng cái nổi gì mà ấm. Cậu nó đã uống hơn lít rượu mặn đong ở quán cô Bảy rồi đó, cố ơi!”, má Hai nói giãy nảy.

Cố Ba thừa biết, vì mình mảy cậu Năm còn bốc mùi rượu lúc vô nhà cố. Song, với con người giang hồ nầy, tửu lượng chẳng phải tầm thường.

“Thím khéo lo!”, cố Ba trấn an má Hai.

Rượu vào lời ra, cậu Năm khen đáo khen để rượu mặn. Cố Ba hỏi: “Cháu có muốn tự tay mân rượu mặn không?”. Cậu Năm khoa tay ra chiều khoái chí tử! Nắm tay cậu Năm, cố Ba thông thả bước ra sân.

“Trông mặn trước khi chưng cất rượu mặn. Năm công vườn, vừa sức cháu trồng mặn. Ấu đó cũng là sự báo ứng có đức mặc sức mà ăn của ông bà để lại!”

“Thưa cố! Cháu không thể lấy cái gì không phải của mình!”

“Nghĩa là...!”

“Nghĩa là, cháu không lấy năm công vườn của chị Hai!”

Cố Ba giục mình vì câu nói cứng của cậu Năm. Cố nghĩ: “Tay giang hồ nầy vẫn còn giữ cốt cách liêm khiết tâm hồn. Kẻ tự nhận đại nhân lại...!”

Đi sau lưng hai người, má Hai vọt miệng:
“Năm công vườn đó không là của tui, mà là hồi trước của ông nội cậu cho tui mượn đó!”
Cố Ba ngửa mặt nhìn trời, nói: “Châu về hợp phố”.
Chiều 25 Tết, không khí vui như Tết!

4 Mười chín tháng Giêng.
Cậu Năm dựng mái nhà trên đất má Hai giao. Tư Trào hớn hờ chạy lăng xăng phụ việc cậu Năm. Từ đây, nó không phải xa má; và cũng từ đây, nó mẫn cho nó chớ không phải mẫn thuê mẫn mượn cho ai. Cô Bảy Quán có mối lái cây giống mận An Phước ở Cẩn Thơ nên cô hứa đưa cậu Năm xuống nhà vườn đặt mua cây giống. Ngày nào, cố Ba cũng chống gậy tới nhà cậu Năm để chỉ vẽ cậu cách lập vườn, khai mương. Má Hai lo phụ cơm nước cho cậu Năm và thằng con.

Buồn miệng, cố Ba hay kể chuyện đời. Một hôm, cố nói Thái tử Tất-đạt-đa lần đầu tiên ngồi thiền dưới gốc cây mận⁵, mới nghe qua thiệt là ngộ, và cũng nửa tin nửa ngờ. Cố nói: “Hồi trai trẻ, cố theo má qua chùa Vĩnh Tràng ở Mỹ Tho lễ Phật, lần đó, cố nghe Sư giảng về cây Diêm-phù. Xứ Ấn Độ trồng nhiều cây Diêm-phù nên còn gọi là Diêm-phù-đề (Jambudvipa), và Diêm-phù-đề còn mang nghĩa là trái đất. Vì vậy, trong kinh sách đạo Phật, đôi khi ta thấy có nói tới cõi Diêm-phù-đề”.

“Dạ! Thưa cố! Vậy, cây mận thuộc loại cây linh hả cố?”, Tư Trào rần mắt hỏi cắc cớ.

“Tin là có! Điều chắc ăn là cây mận giúp người nghèo thoát nghèo!”, cố Ba cười tự tin như đinh đóng cột.

Mấy lần cậu Năm theo cô Bảy xuống miệt Cẩn Thơ coi giống và đặt mua cây mận giống. Cậu nói với má Hai: “Mận xanh trái dài, mận đỏ đẹn cây... từ màu sắc, hình dáng tới kích thước trái không bằng mận An Phước”⁶.

Cậu Năm mua mấy chục ký trái mận An Phước đem về, trước làm quà biếu bà con chòm xóm, sau để má Hai thấy tận mắt. Mận An Phước trái quả dài, lớn trái, màu vỏ tím đỏ sọc trắng mờ và thịt trái giòn, ngọt, đặc ruột. Đồng thời, cậu nói cho má Hai biết là cậu đã đặt mua cây giống mận An Phước, và trại giống nhận luôn bao tiêu cung cấp giống cây trồng cho năm công vườn.

Chiều nào, cô Bảy Quán cũng xách rượu mận vô nhà cậu Năm. Cô khoe với má Hai: “Rượu mận em lấy từ mận An Phước giống Cẩn Thơ, một loại mận được giá nhất bây giờ. Cây ghép mắt, ghép cành, chiết nhánh thì chỉ sau mười tám, mười chín tháng trồng là ra trái”.

“Lẹ hung vậy, Bảy?”

“Chậm lấy gì ăn, chị Hai!”

Rồi cô Bảy thỏ thẻ cùng má Hai: “Thấy anh đơn chiếc, thui thủi một mình cũng thấy thương. Lúc ảnh nhận cây giống đợt đầu để trồng, em nhắc cây cách cây sáu thước, hàng cách hàng bốn thước có cách xa cây mới khô, trái mới sai. Rồi, em nói giỡn người sắp gần ít nhớ, ít thương”.

Má Hai mừng ra mặt, vội học chuyện lại cho cố Ba

nghe; nghe xong cố Ba cười rôm rả: “Hữu duyên thì được, vô duyên thì đành!”

Cố tấm tắc khen: “Cái thằng giang hồ trụ hình, mần coi được quá!”

Mận giống An Phước được trồng ngay hàng thẳng lối, và tối ngày chú cháu Tư Trào quanh quẩn ngoài vườn chăm nom cây. Cực mà vui, cực mà không khổ. Má Hai nhiều lần nói xa nói gần, mong cậu Năm yên bề gia thất với người thương cậu. Riết rồi, Má Hai nói huých toẹt: “Chỗ cô Bảy Quán được đó, cậu!”

Mỗi lần vậy, cậu cười trừ và họa hoàn lăm mới hé môi: “Để xong mùa trái chiếu mận An Phước rồi sẽ tính, chị Hai!”

Má Hai sực nhớ cái hỏn danh “Năm ruột ngựa” của cậu Năm, nó thể hiện đúng bản tính con người của cậu “thẳng như ruột ngựa”! Do vậy, má Hai chỉ cười mà không thêm lời thúc giục nào!

Xóm cù lao những đêm trăng, và khi con sông Ba Lai mờ sương, chẳng biết thuyền ai đó xuôi dòng hò câu hò như đùa giỡn, như chọc ghẹo cậu Năm:

Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

Mận hỏi thì đào xin thưa

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Tư Trào học lóm câu hò, cứ nhại tới nhại lui. Bực mình, cậu Năm rầy: “Việc còn mê mê, chưa đâu vào đâu...”

Tư Trào cũng chẳng vừa.

“Cậu dặn, bông mận nở sau hai mươi ngày, mình lo bao trái bằng giấy để phòng ruồi đục trái. Cô Bảy trở bông quá hạn, sao cậu còn chần chờ không lo bao trái, kẻo...”

Cậu Năm chặn lời Tư Trào: “Tình người rồi cậu sẽ đền đáp. Với nghĩa đất, cậu toàn tâm ý tin cây mận là cây linh và cầu nguyện cây linh giúp người thiện tâm, làm nên một thương hiệu Mận An Hóa trên vùng đất cù lao nằm giữa sông Ba Lai của xứ dừa yêu mến này!” ■

Chú thích:

1. Nầm đò có nghĩa đi đò dọc (tiếng địa phương). **2.** Giang hồ: giang xuất xứ từ Tam giang (Kinh Giang thuộc tỉnh Hồ Bắc, Tùng Giang thuộc tỉnh Giang Tô, Chiết Giang thuộc tỉnh Chiết Giang); hồ xuất xứ từ Ngũ hồ (Bá Dương Hồ thuộc tỉnh Giang Tây, Thanh Thảo Hồ và Động Đình Hồ thuộc tỉnh Hồ Nam, Đan Dương Hồ và Thái Hồ thuộc tỉnh Giang Tô. Ngày xưa, các danh lam thắng cảnh trên được nhiều người tới ngao du ngoạn cảnh. Vì vậy, giang hồ chỉ những người sống phóng khoáng, không nhà cửa, thường rày đây mai đó. **3.** Bài thơ *Giang hồ*, Phạm Hữu Quang. **4.** Năm 1900, cù lao An Hóa thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1948, Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam Bộ quyết định cù lao An Hóa thuộc tỉnh Bến Tre. Năm 1954, cù lao An Hóa thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1956, tỉnh Bến Tre đổi tên tỉnh Kiến Hòa và cù lao An Hóa thuộc tỉnh Kiến Hòa. Sau tháng 4.1975, tỉnh Kiến Hòa đổi tên tỉnh Bến Tre và cù lao An Hóa thuộc tỉnh Bến Tre. **5.** Ấn Độ, Mã Lai, Singapore... gọi trái mận là Jambu. Trong tiếng Phạn, Jambu dịch âm là Diêm-phù. **6.** Từ giống mận Thongsamsri (Thái Lan) ghép gốc mận xanh đường (Việt Nam).



Miền đất tôi qua
Chang chang
Quảng Bình

TRẦN VỌNG ĐỨC

Những ngày hè, Quảng Bình nóng như chảo rang nhưng vẫn đông du khách. Ấy là bởi vùng đất này có vị trí đặc biệt trong lịch sử với đèo Ngang là biên giới giữa Đại Việt và Chiêm Thành từ trước thế kỷ XI, có sông biển Nhật Lệ đẹp mộng mơ, có hệ thống hang động Phong Nha - Kẻ Bàng tráng lệ, có những người dân bình dị khả kính.

Ngay tại trung tâm thành phố Đồng Hới, có một di tích gợi nhớ những trang sử một thời khốc liệt, đó là Quảng Bình quan, một dáng dấp gạch nung thân quen, đơn độc, xa xăm. Đây là cổng thành thuộc hệ thống chiến lũy được đắp từ năm 1631 trong cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn giữa Đàng Ngoài và Đàng Trong, kéo dài gần nửa thế kỷ, từ năm 1627 đến 1672 với ranh giới là sông Gianh, cách Đồng Hới hơn 30km về phía Bắc.



Dù là vùng đất có chiều ngang hẹp nhất đất nước, chưa đầy 50km, (chiều ngang rộng nhất hơn 600 km thuộc vùng Bắc bộ) nhưng Quảng Bình có hệ thống hang động dài nhất châu Á. Tôi đã đến động Phong Nha hai lần và lần này đến thăm động Thiên Đường. Nếu như động Phong Nha được phát hiện đã hàng trăm năm qua, thì động Thiên Đường mới chỉ được tìm ra năm 2005, còn động Sơn Đoòng là năm 2009. Cả ba động đều thuộc hệ thống Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, thuộc huyện Bố Trạch.

Từ Đồng Hới đi khoảng 60km về hướng Tây bắc, qua động Phong Nha là đến động Thiên Đường. Vé vào tham quan khá cao: 250 ngàn đồng cho người lớn; trẻ em cao dưới 1,1 mét: miễn phí; cao từ 1,1 mét đến 1,3 mét: vé 125 ngàn đồng; cao trên 1,3 mét được tính là người lớn. Với tính xuể xòa, đại khái của nhiều người, qui định rất chi tiết, minh bạch kiểu này dễ gây lúng túng cho cả khách lẫn chủ. Bởi rất khó đo đếm chi ly rằng cao dưới hay trên 1,1 mét và 1,3 mét. Có nhóm học sinh cùng lớp được cô giáo dẫn đi tham quan nhưng chúng không cao bằng nhau mà đứa cao đứa thấp, có khi vênh nhau cả ba tấc, rất phiền lòng.

Từ cổng thu phí, phải đi thêm chừng hơn 1,5km, có thể thuê xe điện, (150 ngàn đồng khứ hồi với loại xe sáu chỗ), mới tới chân núi. Với thời tiết 36 độ C, cuộc leo bộ 524 bậc dốc ngoằn ngoèo dưới tán rừng để đến cửa động khá vất vả. Dài hay ngắn lúc này là tùy sức, chẳng ai thừa hơi mà mộng mơ đếm bậc. Có đoạn, một thân cây rừng to như cột nhà hiên ngang trụ ngay giữa bậc thang, như dấu ấn giác ngộ, thể hiện lòng tôn trọng của con người với thiên nhiên, với di sản.

Khi mồ hôi thấm ướt áo, lưng căng mỗi nhừ thì cũng vừa đến cửa hang. Tiếng loa phóng thanh của ban quản lý âm vang cả núi rừng, rằng mời du khách dừng chân nghỉ ngơi để bình ổn thân nhiệt. Thoạt nghe, tưởng đây là chiêu trò dụ khách mua nước uống, kem que... nhưng sau khi vào động, gió lạnh hun hút, mới hiểu rằng lời khuyên có phần chân thành, bởi chênh lệch nhiệt độ bên trong và ngoài động lên tới khoảng 15 độ C.

Khác với Phong Nha là động nước, tham quan phải dùng thuyền, Thiên Đường là động khô, không có sông ngầm chảy bên trong. Cửa động nằm khuất sau một ngách đá vôi, chơi vơi lưng chừng núi. Lại một trận leo dốc xuống chùng gần 20 mét mới tới nền động. Cũng may là toàn bộ lối đi bên trong, dài chùng một cây số, rộng cỡ hai mét, đều được lát gỗ táu, màu nâu nhạt. Đây là loại gỗ siêu cứng, thớ mịn và khó bị mối mọt, mục.

Động Thiên Đường có chiều dài hơn 31,4km, chiều rộng từ 30 đến 100 mét, nơi rộng nhất lên đến 150 mét, chiều cao khoảng 60 đến 80 mét, được Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh đánh giá là hang động khô dài nhất châu Á, kỳ vĩ bậc nhất thế giới. Cái tên Thiên Đường để liên tưởng về một thiên cung nơi trần thế.

Đi trong động, cả bốn bề đều là những hình khối, nhũ đá trắng lệt, huyền ảo, được hình thành qua khoảng 400 triệu năm, với những tên gọi gợi cảm như cung Giao Trì, cung Quảng Hàn, cung Quần Tiên, cung Thạch Hoa viên, tháp Chỉ Thiên, tháp Chăm-pa, nhà rồng Tây Nguyên.v.v. Giữa bạt ngàn kỳ quan, ấn tượng nhất đối với tôi, ấy là cột đá có phần khiếm tốn, được đặt tên tháp Liên Hoa. Đây là khối thạch nhũ hình thành từ những giọt nước tung ngược lên không trung, xòe ra như những tầng hoa sen khổng lồ, chưa từng gặp ở những hang động khác. Ở Thiên Đường, mọi cảnh sắc đều vượt trí tưởng tượng, chỉ biết ngẩn ngơ, ngơ ngẩn...

Quảng Bình giàu di sản nhưng vẫn còn nghèo về kinh tế. Đất cằn, chỉ hợp với đậu phộng và khoai lang, khoai mì. Đậu phộng khô cả vỏ, giá bán cỡ 17 ngàn đồng một ký. Món nổi tiếng hơn là khoai lang deo (hoặc gieo) chứ không phải "dẻo", có thể do người xứ này bỏ dấu hỏi trong phát âm. Khoai lang thu hoạch về, luộc chín rồi thái lát, phơi sấy khô, bỏ vào chum cất giữ, để ăn dần trong năm hoặc phòng khi bão lũ. Khoai lang deo nay cũng trở thành đặc sản cho du khách, 50 ngàn đồng một bịch nửa ký.

Rời Quảng Bình giữa trưa nắng chang chang. Hé cửa xe là hơi nóng ập vào rát mặt, cũng may là chưa có gió Lào. Giữa hun hút quốc lộ và mênh mông cồn cát trắng, vắng lặng, tôi gặp một bà cụ, trạc tuổi 70, đi bộ bên vệ đường. Bà gánh hai bao to kènh, chứa các loại vỏ lon bia, lon nước ngọt, chai nhựa. Đòn gánh là khúc cây bạch đàn, trắng màu cát. Bà đi lượm ve chai, thứ rất hiếm trên những cung đường trường. Cười rất tươi, bà bảo hôm nay gặp may, kiếm gần đầy một bao, được chừng 12 ngàn đồng.



Nhìn dáng bà cụ lấm lũi đi lượm may rủi trên đường thiên lý, lại nghĩ về vùng đất Quảng Bình vất vả và hào hùng. Bà cụ nhập thân trong Quảng Bình, âm thầm gánh hai đầu đất nước, nặng trĩu những nhọc nhằn và hy vọng. ■

* Ảnh của tác giả



Người cũ chiều nay về Bất Bạt

PHAN QUANG THỊNH

Người cũ chiều nay về Bất Bạt
Cỏ may vẫn vít bước chẳng rời
Bờ tre no gió cong xao xác
Níu một hồn quê trong chơi vơi.

Người cũ chiều nay về Bất Bạt
Xóm chợ ngày xưa phố thay làng
Sông Đà khắc khoải xô bờ cát
Bến đò Khê Thượng có còn sang?

Người cũ chiều nay về Bất Bạt
Núi Tản dang vai gánh mây trời
Mấy thảm đồng quê xanh ngút ngát
Mồ hôi bao hạt đã vương rơi?

Người cũ chiều nay về Bất Bạt
Tìm cánh phượng rơi góc sân trường
Ướt những thuở nào trong câu hát
Nửa đời phiêu dạt cứ vấn vương...

Dấu xưa

NGUYỄN HOÀI ÂN

Tiếng mưa tha thiết đêm chờ
Dấu xưa vụn vỡ đôi bờ ngực yêu
Mây cài tóc núi liêu xiêu
Hoa trao hờ hững, gió trêu ngoài màn
Hương sấu ủ rữ tàn canh
Từ trong hạt cỏ loanh quanh phận mình
Ai về dưới nắng sân đình?
Bình minh e ấp chùng chình sương giăng
Phố xưa đêm đã lên đèn
Mơ hình bóng cũ dưới trăng tỏ bày
Nồng nàn vốc một hương say
Vương vương thương nhớ đêm ngày chung chiêng.

Chiều quê nội

TK.VY TIỂU

Sương xuống chiều quê nội,
Nghe hanh hao nỗi buồn,
Màn đêm tràn dần tới,
Ráng chiều - mưa sắp tuôn.

Chuông hoàng hôn rơi nhẹ,
Giọt từ âm ngọt ngào,
Nội cầu kinh thật khê,
Lời Vàng bay lên cao.

Chiều len vào ngõ vắng,
Chập choạng ánh hoàng hôn,
Cánh chim buồn chao nắng,
Mồ cầu kinh đập dồn.

Bước sinh tồn cuộc lữ,
Xa xứ nội mấy mùa,
Nhớ thương thành duyên nợ,
Quên sao tiếng chuông chùa?!

Chiều cũng vừa tắt nắng,
Nghe mẫn mẫn bờ môi,
Nhớ thương thành giọt đắng,
Mây chiều cũng ngừng trôi.

Xa rời vùng cố quận,
Lặn độn gót phiêu linh,
Còn chút gì vương vấn!?
Ta khóc ta một mình!!!

Mối thâm tình quê nội,
Chiều vơi vơi thân thương,
Hoàng hôn buồn xuống vội,
Nhớ quê xưa khôn lường!!



Cơn mê dài

MIÊN ĐỨC THẮNG

Khi hôn mê đậm đặc khuất núi
Chủ nhân ông khoái cảm chia buồn
Sóng say mê vỡ đời cuồng nhiệt
Phương trời nào để ta cố chờ mong

Ngẩn ngủ kiếp thờ sầu một cõi
Mưa xa xăm rút ngắn hiện tiền
Ngày nhẹ - ngày vượn vai tiến tới
Xây niềm tin giữa bể oan khiên

Một cõi hư vô, riêng một cõi
Mật mờ tan biến chuỗi hình hài
Đào điền bình lặng không phân biệt
Biết vậy mà lòng bạn đắm say

Đời vẫn yêu thương vẫn giận hờn
Sao ta còn mãi lăm phân vân
Mối tình trong giấc hôn mê ấy
Mê tỉnh tỉnh mê mấy vạn lần.

Buồn không hồi...

HOA NGUYỄN

Nắng nung chín mái đình
Gió lau chùi ngọn Tháp
rót tình quê mà mặn
vào khế ước tâm linh

Chùa in bóng dòng sỏi
quánh nâu lớp sa bồi
tấp nập ngày hạ giới
Hội ngộ đạo với đời

Tiếng đêm hòa sóng vỗ
giải mã chú Đại Bi
Nhịp mõ kệ kinh trì
thức dậy hồn thiên cổ

chờ người dưới bến trăng
Em trót thả neo tình
rơi vào tâm đất lặng
Buồn không hồi mệnh mang?

Khoảng trời hạ cũ

TỊNH BÌNH

Khoảng trời hạ cũ... mưa sa
Bằng lăng tím mắt lệ nhòa rừng rưng
Nhớ gì... như nhớ người đứng
Lời thương bối rối... ngập ngừng đành thôi...

Khoảng trời hạ cũ... xa xôi...
Nửa quên nửa nhớ bồi hồi còn đâu
Người đi trăng ướt lệ ngâu
Buồn chi câu chữ gieo sầu lên thơ...

Mưa hạ

KIM HOA

Phượng đỏ rực lưng trời
Mùa về khắp mọi nơi
Tháng năm như đổ lửa
Cà phê ngồi đơn côi.
Một mình tôi với tôi
Thầm lật lại trang đời
Xưa nào ve trối khúc
Để nhạt nhòa sắc môi.
Vọng tư chốn xa xôi
Tiếng sấm nổ lên trời
Xé toang vùng thình lặng
Gió đưa cành lá rơi.
Xám mây bủa khắp nơi
Bệnh bông - bệnh bông trôi
Chiều buồn gieo xóm nhỏ
Vỡ òa giọt mưa rơi.



Chuyện giữa đại ngàn

THU ĐÌNH

Vừa sớm bưng, những tia nắng mới đã lóe lên từ phía chân trời xa tít và chỉ trong phút chốc bắt đầu ngập đầy lên khắp khu rừng mênh mông trên ngọn đồi chót vót. Không gian núi rừng trong trẻo để khiến bất kỳ ai cũng muốn được cuộn tròn mãi trong chăn để hưởng thụ cái cảm giác bình yên đã thích. Nhưng dẫu đã quá quen thuộc với núi rừng, với tiếng chim, muông thú thì việc dậy sớm với Vàng cũng đã trở thành thói quen từ rất lâu.

Vàng mở choàng mắt, vươn vai, thả từng bước nhẹ nhàng ra khỏi căn nhà be bé giữa rừng, hưởng trọn hương rừng ban mai tinh khiết, dịu dịu. Vàng thấy lòng thật khoan khoái, trái tim như hòa nhịp cùng nhịp đập của rừng. Dưới bóng cây cổ thụ, Vàng lắng nghe và cảm nhận được bản tình ca quen thuộc của rừng. Âm thanh trở mình của cây cối, của suối reo, của những khúc sông đang thông thả xuôi dòng. Rõ nhất vẫn là khúc nhạc của những loài chim cùng hòa giọng. Lạ lắm. Ở rừng lâu, người với rừng như có sự giao cảm. Vàng có giác quan đặc biệt, có thể nhận biết khi nào rừng đau, khi nào rừng vui.

Ở hạt kiểm lâm này, ai cũng biết đến tài nghe và đoán biết tên các loài chim trong rừng của Vàng. Anh còn có biệt tài bắt chước y chang từng tiếng chim. Sơn ca có giọng hót hay, trong và cao. Giọng của chích chòe vừa to vừa vang. Giọng họa mi thì trong trẻo, líu lo. Chào mào đơ đơ ca lãnh lót... Có tiếng chim vui say, đồng tình; có tiếng chim ghen tuông, giận dữ; cũng có tiếng chim hơn thua, được mất chẳng khác con người. Mỗi thanh âm đều là những thông điệp gửi đến cuộc sống.

Dáng người tầm thước, khỏe mạnh, nụ cười vui vẻ, lạc quan trên gương mặt chàng trai tuổi 30 ấp ủ một niềm tin mãnh liệt đối với cuộc sống. Vàng nhận ra không khí buổi sáng trong veo, mát lành. Tiếng gió quyện trong lá, trong cây rừng, tiếng chim lãnh lót giữa bao la nắng ấm sao mà êm ả, du dương. Vàng hít một hơi thật sâu như để thưởng thức món quà đặc biệt mà mẹ rừng đã ban tặng. Qua những tán lá non tơ, Vàng cảm nhận rõ một sức sống mỡ màu, kỳ diệu của rừng già. Bỗng có tiếng bước chân sột soạt từ phía sau. Bước chân khiến anh giật mình quay lại nhìn. Trước mắt anh là nụ cười sáng biếc và đôi mắt biết nói của Nhiên, cô nhà báo trẻ tuổi đầy nhiệt tình, tâm huyết với nghề.

Vàng ấp úng: “Sao... sao Nhiên lại đến đây?”

Mỉm cười, Nhiên nhẹ nhàng: “Em đi công tác!”

“Ừ... Nhiên lên lấy tin viết bài về rừng hả?”

“Vâng. Đợt này, để tài về rừng đang được nhiều người quan tâm. Em được tòa soạn phân công lên viết bài ở hạt kiểm lâm mình, nhưng mà em không đi một mình đâu...”

Nghe Nhiên nói, Vàng hơi sững sờ. Cô gái này là con của chú Trương, người từng gắn bó với hạt kiểm lâm nơi Vàng đang làm hơn 30 năm. Chính chú đã giúp Vàng thức tỉnh, giúp Vàng đổi nghề từ nghề xấu sang nghề tốt, giúp Vàng sống lương thiện và có ích như hiện tại.

Kể ra thì chuyện rất dài. Vàng mãi mang ơn vì chú đã giúp đỡ, hỗ trợ gia đình Vàng giống cao su và còn hướng dẫn cả cách trồng. Rồi chú còn chỉ cho Vàng cách trồng rau, nuôi gà, nuôi heo. Nhờ thế mà gia đình Vàng dần đi vào ổn định, thoát khỏi cái nghèo, biết bảo vệ rừng, coi rừng là tài sản quý giá cần được bảo vệ. Ngày Vàng chính thức trở thành cán bộ kiểm lâm cũng là ngày chú Trương nghỉ hưu.

Nhiên nói thêm: “Ba Nhiên lên thăm rừng, thăm bạn và cả anh Vàng nữa đấy!”

À! Ra vậy! Lâu rồi mới có dịp gặp lại chú, Vàng vui như mở cờ trong bụng. Vàng thấy đôi má Nhiên ửng hồng, đôi môi tươi mọng vẻ đầm thắm, dịu ngọt làm Vàng xuyên xao một cảm giác là lạ.

Nhà Vàng vốn nghèo. Ngày nhỏ, Vàng vẫn thường theo ba vào rừng bẫy chim, bẫy thú mang về bán. Ngày xưa, người dân trong làng của Vàng, ai cũng mưu sinh bằng nghề ấy. Thế nhưng Vàng đã từng nói với ba mình khi bắt lú chim rừng đem về nhà rằng nhìn chúng tội nghiệp lắm. Chúng cũng có một tổ ấm như một gia đình, cũng muốn được sống như bao loài vật khác, cơ sao mình lại chia rẽ, giết hại chúng. Vàng thấy ba cũng lặng thinh, ngậm ngùi. Nhưng cả làng đều thế cả. Đâu có nghề nghiệp gì ngoài đi rừng săn bắn, hái lượm. Nếu không thế thì không có tiền đóng gạo.

Vàng thương lũ sê, cu đất, le le, chim mía, gấm ghi,... đã trở thành mối nhậu cho các quán xá. Anh thương cả lú chích chòe, chào mào, sáo, khướu,... phải rời xa không gian trời xanh mây trắng, đang tha hồ mặc sức vẫy vùng bỗng bị giam cầm trong khoảng không gian tù túng là những chiếc lồng để làm theo sở thích của con người. Chính sở thích quái đản của một bộ phận người trong xã hội đã tạo công ăn việc làm cho những



người nghèo khổ như ba con Vàng, để rồi dần dần, chim chóc, muông thú bị tận diệt. Khi luật nghiêm cấm việc săn bắt thú rừng, chim muông ngày càng được thực hiện gắt gao, ba con Vàng chuyển từ việc săn bắt chim rừng đem bán mưu sinh sang nghề hái trái cây rừng. Mùa nào thức nấy, trèo đèo lội suối vốn dĩ đã quá quen thuộc với đôi chân của Vàng. Nhưng rồi cuộc sống nghèo vẫn hoàn nghèo.

Vàng từng ước mơ được học đại học. Thế nhưng làm sao có thể thực hiện được ước mơ to tát ấy khi trước

mắt, cái ăn, cái mặc vẫn chưa đủ no, đủ ấm. Gắng mãi hết lớp 12, Vàng đành chấp nhận từ bỏ ước mơ của mình để ở nhà phụ ba mẹ lo từng bữa ăn. Những ngày cùng ba rong ruổi trong rừng, Vàng thường đem theo cái võng mắc vào hai thân cây, nằm đong đưa những lúc nghỉ ngơi. Vàng thích nhất cảm giác ngửa mặt lên ngắm rừng, nghe chim hót và tập tành học theo điệu hót của mỗi loài. Những khi ấy, Vàng thường tủm tỉm cười một mình. Trong lòng Vàng rộn lên niềm vui phơi phới. Rồi Vàng thích thú với nghề giữ rừng và mơ ước

trở thành người canh gác bình yên cho rừng. Anh thổ lộ nỗi lòng với ba. Ba Vàng cười bảo, mình từng là người đi phá rừng, nay lại xin đi giữ rừng liệu có ai cho? Và lại, bảo vệ rừng phải là người thực sự yêu rừng, trung thực và dũng cảm. Nghe ba nói, Vàng cho là chí lí. Chính vì thế mà ước mơ trở thành người giữ rừng lại âm ỉ cháy trong lòng Vàng.

Trong một lần đi rừng, Vàng phát hiện một toán người đang khai thác gỗ quý. Điều đáng nói là họ dùng cửa máy có hệ thống giảm thanh để cửa gỗ. Họ còn cắm hệ thống “ống xả” của cửa máy vào nước suối. Chỉ vài phút cửa là cây to ngã xuống nhưng không gây ra tiếng động nào đáng kể. Thế là Vàng bí mật chạy đi báo cho cán bộ kiểm lâm.

Đợt ấy, nhờ có Vàng, ban quản lý rừng đã bắt tại trận cũng như ngăn chặn được hành vi phá rừng có tính chất nghiêm trọng của bọn lâm tặc. Không những thế, Vàng còn nhiều lần giúp các chú cán bộ kiểm lâm bắt được nhiều vụ săn bắt chim và thú rừng quý hiếm khác. Được chính quyền địa phương tuyên dương nhưng Vàng không nhận. Vàng thật thà kể lại “tội” của

mình trước kia và nói lên mơ ước của mình hiện tại. Biết được sở nguyện của Vàng, khi ấy, chú Trương, ba của Nhiên đã xin với cấp trên cho Vàng được vào làm bảo vệ rừng, giúp Vàng học lên đại học rồi trở về làm cán bộ kiểm lâm như hiện tại.

Vàng gặp và quen Nhiên mới hai lần. Lần đầu là khi các chú trong ban quản lý rừng bắt gọn bọn người khai thác gỗ lậu với số lượng lớn, Nhiên đang là phóng viên tập sự lên viết bài. Lần hai là khi chú Trương, ba của Nhiên chuẩn bị về hưu. Và bây giờ là lần thứ ba. Đang tò mò không biết lần này cô nhà báo lên đây sẽ viết gì thì anh đã được Nhiên thổ lộ: “Em lên viết bài về anh, về chiến tích mà anh và ban quản lý hạt kiểm lâm đã lập được hôm vừa rồi. Nghe tin cán bộ kiểm lâm mình vừa cứu được cặp chim trĩ sao lớn rất quý từ tay bọn săn bắt trộm, người lập công đầu lại là anh Vàng. Và lại em cũng muốn làm một bài phóng sự về nghề giữ rừng của một người có tâm, có trách nhiệm như anh Vàng”.

Vàng nghe rồi nhìn Nhiên, vừa cười rạng rỡ vừa gãi đầu: “Anh chỉ làm tròn nhiệm vụ của một người giữ rừng thôi mà”.

“Anh xứng đáng được tuyên dương, là tấm gương cho những người đã, đang và sẽ là cán bộ kiểm lâm cũng như cho tất cả mọi người”.

“Anh... anh...”, Vàng ấp úng trước câu nói của Nhiên.

Nhiên nhìn Vàng, cô nở nụ cười thật tươi. Giữa lúc đang không biết nói gì thì chú Trương bước đến. Vàng chủ động chạy tới bắt tay, đơn đả chào hỏi. Người đàn ông tuổi ngoài 60, giọng ồm ồm, trông thật thân thiện. Vàng định nói ra điều bấy lâu thầm mang trong lòng nhưng lại thôi. Kỳ thực, từ lâu, chú Trương luôn là hình mẫu để Vàng phấn đấu. Chú Trương đặt bàn tay chắc nịch của mình lên vai Vàng, giọng vẫn khỏe khoắn, đầy tin tưởng: “Tốt lắm! Chú đã không nhìn lâm người”.

Nhiên nhìn hai người đàn ông, một đã luống tuổi, một còn trẻ; một đã từng kinh qua kinh nghiệm, một đang kể cận nhiệm vụ, lòng cô lâng lâng một cảm xúc băng khuâng khó tả. Cả ba người cùng nhau đi giữa tiếng suối chảy, tiếng chim hót, tiếng xào xạc của lá rừng. Những câu chuyện giữa đại ngàn của hai thế hệ cứ thế rủ rủ, tiếp nối.

Chẳng hiểu sao, gặp Vàng lần này, Nhiên có một cảm xúc hết sức đặc biệt. Chân bước, đôi mắt lặng thầm của cô thỉnh thoảng lại liếc nhìn anh. Miệng tủm tỉm cười, hình như cô đang nghĩ đến một đề tài đặc biệt sẽ viết cho số báo sắp tới... ■



Đang phát hành





ZEN ART

Tạo
tượng
phật
là
một
nghệ
thuật



C. TY TNHH ZEN ART - TRẠI SÁNG TÁC NGHỆ THUẬT

Quý vị muốn thỉnh tượng xin vui lòng liên hệ: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM | W: www.zenart.com.vn | E: mythuatzen@gmail.com | Fb: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)



Hòa thượng Thích Thanh Hùng

HỘI TRẠI TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO

lần thứ 12

Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 với chủ đề "Hào khí miền Đông" sẽ được diễn ra từ ngày 20 - 22/7/2018 tại Thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai. Để hiểu rõ hơn về những chủ trương của Giáo hội cũng như lợi ích trong việc tổ chức Hội trại, chúng tôi đã có cuộc phỏng vấn Hòa thượng chứng minh Hội trại - Hòa thượng Thích Thanh Hùng, Ủy viên HĐTS, Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử T.Ư Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- **Phóng viên:** Kính bạch Hòa thượng, chúng con được biết: Tuổi trẻ là tuổi đam mê, tuổi học tập, nhưng cũng là tuổi dễ dàng sa ngã vào biết bao cám dỗ thế gian, nên với Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 này, kính xin Hòa thượng cho biết những điều lợi lạc sẽ mang lại để có thể giúp các em vững bước vào tương lai?

- **Hòa thượng Thích Thanh Hùng:** Ai lớn lên đều trải qua tuổi trẻ, khi nhắc đến tuổi trẻ tức là nhắc đến tuổi đam mê, tuổi dễ sa ngã và cũng là tuổi dễ cải thiện. Vì vậy, bất cứ đâu, trong hoàn cảnh nào thì tuổi trẻ đều được toàn xã hội quan tâm trong đó có Phật giáo. Lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất quan tâm đến thế hệ trẻ, vì vậy Hội đồng Trị sự đã chỉ đạo Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương giao cho Phân ban Thanh thiếu niên Phật tử triển khai và tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Hội trại năm nay với chủ đề "Hào khí miền Đông" nhằm mục đích xây dựng được định hướng theo tinh thần Đạo pháp và Dân tộc. Bởi vì, khi xây dựng Đạo pháp tức là đưa đạo đức sống thiết thực của con người, đặc biệt là tuổi trẻ để họ có thể nhìn về tương lai vững chãi hơn và sẽ có những định hướng cụ thể để phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội. Tuổi trẻ là tuổi có tinh thần nhạy bén, sáng tạo nhưng cũng rất vô tư, hồn nhiên, các em dễ tiếp nhận những mặt tốt, mặt xấu ở bên ngoài tác động vào, nếu chúng ta không quan tâm định hướng thì dễ bị suy thoái; người xưa có câu "Nhân chi sơ, tính bản thiện". Tức con người khi sinh ra ai cũng có bản tính lương thiện, "Tính tương cận, tập tương viễn". Con người chỉ có thể thay đổi tốt hay xấu phụ thuộc vào giáo dục, có thể ví như cây xanh nếu như sống trong môi trường trong sạch sẽ phát triển tươi tốt, còn nếu trong môi trường nhiễm độc thì trở lên khô cằn. Đạo pháp luôn đồng hành cùng dân tộc, xã hội chủ nghĩa, đó chính là kim chỉ nam xuyên suốt của Giáo hội. Trong Phật giáo, chúng tôi luôn định hướng cho tuổi trẻ cần phải đi theo con đường đạo đức Phật giáo, bởi đạo đức Phật giáo và đạo đức xã hội Việt Nam tuy hai mà một; luôn luôn biết kính trên nhường dưới, biết thuận hòa và biết nghĩ về quốc gia, dân tộc của mình. Đó cũng chính là thông điệp mà lãnh đạo Giáo hội muốn gửi gắm đến Ban Tổ chức Hội trại.

- **Phóng viên:** Kính bạch Hòa thượng, nhìn vào thành phần Ban Tổ chức Hội trại năm nay đa phần là những vị Tăng Ni trẻ, Hòa thượng kỳ vọng ở họ điều gì? Và theo ý chỉ của Hòa thượng nếu muốn cho Phật giáo đến được gần hơn với giới trẻ, chư vị Tăng Ni trẻ cần phải làm gì?

- **Hòa thượng Thích Thanh Hùng:** Nói đến tuổi trẻ là nói chung, còn Tăng Ni là nói riêng. Tuổi trẻ là tuổi có thể đóng góp được nhiều cho xã hội và Đạo pháp. Vì vậy, Giáo hội cần phải xây dựng trên cương lĩnh trí tuệ và kỷ cương, khi đã có trí tuệ, kỷ cương thì mới có thể hội nhập và phát triển được. Có thể nói Tăng Ni trẻ được đào tạo và tôi luyện trong môi trường giáo dục cơ bản, có học hàm, học vị cụ thể, đó chính là nền tảng vững chắc để lãnh đạo Giáo hội tin tưởng vào thế hệ Tăng Ni trẻ đây

nhật huyết và có tâm thành để dẫn thân phụng sự, đặc biệt là Hội trại tuổi trẻ Phật giáo qua các nhiệm kỳ. Tôi tin tưởng rằng, với tinh thần nhiệt huyết, trí tuệ và kỷ cương, các Tăng Ni trẻ sẽ truyền được lửa đam mê, sống tốt đời, đẹp đạo đến các trại sinh trong Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 này.

- **Phóng viên:** Kính bạch Hòa thượng, Hội trại năm nay số lượng trại sinh và tình nguyện viên dự kiến lên đến 4.000 ngàn người, gấp hơn 3 lần so với Hội trại lần thứ 11. Kính mong Hòa thượng hoan hỷ chỉ dạy các bạn trẻ những lời khuyên tấn hữu ích về cuộc sống, cách đối nhân xử thế, để các em lấy đó làm hành trang trên con đường "thành nhân", xứng đáng là đệ tử của Phật?

- **Hòa thượng Thích Thanh Hùng:** Hội trại năm nay số lượng trại sinh tham dự đông, Ban Tổ chức sẽ rất vất vả, nhưng tôi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Tổ chức, của quý vị Tăng Ni trẻ với kinh nghiệm qua 11 lần tổ chức Hội trại. Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương cũng kỳ vọng Ban Tổ chức sẽ truyền được thông điệp "Đạo đức Phật giáo đồng hành cùng với đạo đức xã hội" để các em trại sinh thấu hiểu tinh thần yêu nước, lòng biết ơn cha mẹ và các anh hùng liệt sỹ đã ngã xuống hy sinh vì đất nước, giáo dục cho các em biết trân trọng những gì cha ông đã tạo dựng, sống trở thành công dân có ích cho xã hội... Hội trại thành công đó chính là khi kết thúc, các em tiếp tục mong muốn được tham gia hội trại vào những lần kế tiếp. Trở về địa phương, các em phát huy được sở trường của mình và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày. Đồng thời, lan tỏa những đức tính thiện lành của người con Phật đến gần hơn với đại chúng.

Thay mặt Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, tôi chúc Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 thành công rực rỡ để xứng danh với chủ đề "Hào khí miền Đông".

- **Phóng viên:** Chúng con kính niệm ân Hòa thượng đã dành thời gian quý báu cho buổi phỏng vấn. Kính chúc Hòa thượng pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu để phụng sự Đạo pháp, xã hội.

Thực hiện: NGUYỄN BÔNG - HỒ THỦY - HOÀI AN





Thượng tọa Thích Phước Nghiêm

Hướng đến Hội trại “Tuổi trẻ Phật giáo” lần thứ 12

HÀO KHÍ MIỀN ĐÔNG

Hội trại “Tuổi trẻ Phật giáo” lần thứ 12, với chủ đề “Hào khí miền Đông” sẽ được tổ chức tại Thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai. Nhằm rộng đường dư luận, chúng tôi có buổi phỏng vấn Thượng tọa Thích Phước Nghiêm, Ủy viên HĐTS GHPGVN, Phó Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương kiêm Trưởng Phân ban Thanh Thiếu nhi Phật tử - Trưởng ban Tổ chức Hội trại.

- **Phóng viên:** Kính bạch Thượng tọa, “Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo” đã được đông đảo giới trẻ nhắc đến, như một sự ủng hộ nhiệt tình trước quyết tâm của lãnh đạo Giáo hội, đặc biệt là Phân ban Thanh Thiếu nhi Phật tử Trung ương trong công cuộc giáo dục thế hệ trẻ, hướng các em đến với một sân chơi bổ ích vào dịp hè. Thượng tọa đánh giá thế nào về những kết quả đạt được qua các kỳ Hội trại đã được tổ chức.

- **TT.Thích Phước Nghiêm:** Chắc quý vị đã từng nghe câu: “Tuổi trẻ hôm nay, thế giới ngày mai”, Tuổi trẻ chính là mầm xanh của đất nước, của dân tộc và của Đạo pháp. Tuổi trẻ chính là nhân lực tốt để xây dựng một đất nước Việt Nam giàu đẹp, một Phật giáo vững mạnh đồng hành cùng dân tộc. Chính vì lý do đó, mà ngoài trọng tâm đào tạo một thế hệ Tăng Ni trẻ có đầy đủ giới đức, phẩm hạnh và kiến thức để lãnh đạo Phật giáo nước nhà, Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn rất quan tâm tới sự tu học của giới trẻ. Đặc biệt, từ nhiệm kỳ VI, Trung ương Giáo hội đã đồng thuận và cho phép Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương thành lập Phân ban Thanh thiếu nhi. Kể từ đó đến nay từng bước Phân ban đã kiện toàn cơ cấu nhân sự từ cấp cơ sở là Câu lạc bộ Thanh thiếu nhi Phật tử ở cấp tự viện đến cấp quận, huyện, tỉnh, thành. Hơn mười năm đi vào hoạt động, tuy chưa đạt được kết quả tốt như sự mong mỏi và kỳ vọng của chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội và Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, nhưng bằng sức trẻ của mình, quý Tăng Ni trẻ và các bạn thanh niên đã từng bước tạo nên một phong trào tu học đầy khởi sắc trong phạm vi cả nước như khóa tu mùa hè, hội trại mùa hè. Qua 11 lần tổ chức trại cấp Trung ương, Phân ban đã đạt được những thành tựu nhất định. Tiếp nối sự thành công của Hội trại lần thứ 11 “Nghĩa tình miền Tây” tại Cần Thơ, năm nay Phân ban tiến hành trình các cấp Giáo hội và chính quyền để tổ chức Hội trại lần 12 gồm sáu tỉnh thành miền Đông Nam Bộ với chủ đề “Hào khí miền Đông”. Có thể nói, Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo và các khóa tu mùa hè là sân chơi được các bạn trẻ thanh thiếu niên học sinh, sinh viên mong đợi mỗi khi hè về ở khắp các tỉnh thành trong cả nước.

- **Phóng viên:** Thượng tọa có thể chia sẻ rõ thêm về ý nghĩa tên gọi Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 với chủ đề “Hào khí miền Đông”?

- **TT.Thích Phước Nghiêm:** Khi nói về miền Đông, chúng ta thường nghe câu: “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giành độc lập, miền Đông đã có những căn cứ địa cách mạng và địa danh gắn liền với các chiến công oanh liệt của quân và dân miền Đông, tiêu biểu là Chiến khu D... để giới trẻ miền

Đông luôn tự hào về quê hương mình cũng như không quên những thế hệ cha ông đi trước; nỗ lực học tập lao động để xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp, phát triển hơn nữa. Chính vì vậy Ban Tổ chức Hội trại quyết định lấy tên “Hào khí miền Đông” là chủ đề chính của Hội trại năm nay.

- **Phóng viên:** Trong quá trình kết nối với các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ, Ban Tổ chức đã tạo sự đoàn kết thể hiện qua việc kết nối với các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, có một số trại sinh ở các tỉnh, thành khi biết được thông tin Hội trại mong muốn được tham gia. Ban Tổ chức đã khắc phục như thế nào để không làm “chùn” ý chí và sự nhiệt huyết của các trại sinh.

- **TT.Thích Phước Nghiêm:** Đến hẹn lại lên, vì Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo đã được tổ chức qua 11 lần và lan tỏa rộng trong khắp cả nước, có ảnh hưởng nhất định đối với giới trẻ. Năm nay, Ban Tổ chức chọn miền Đông Nam Bộ để tổ chức hội trại. Nói như vậy không có nghĩa là các trại sinh ở các tỉnh khác không được tham gia. Để tạo sân chơi rộng rãi cho giới trẻ, chúng tôi vẫn tiếp nhận các trại sinh đến từ các tỉnh thành khác, miễn đăng ký hợp lệ theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức, để tham dự Hội trại.

- **Phóng viên:** Chương trình hội trại năm nay, Ban Tổ chức dự kiến sẽ bổ sung thêm đề mục gì để giúp cho các em cập nhật kiến thức ứng xử trong cuộc sống?

- **TT.Thích Phước Nghiêm:** Thực hiện theo phương hướng hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VIII (2017-2022) tại mục 1.6 và mục 1.7 có nêu rõ, quản lý và mở rộng hình thức sinh hoạt của giới trẻ Thanh thiếu niên Phật tử, phát huy mô hình Câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử và Ban Liên lạc Phật tử hải ngoại, tổ chức những lớp giáo lý và sinh hoạt cho tuổi trẻ tại các chùa, tự viện thường xuyên rộng khắp với nội dung phong phú. Thông qua các khóa tu, khuyến khích giới trẻ, đồng bào Phật tử tinh thần từ bi, tương thân tương ái, quan tâm và phụng sự cộng đồng, sống và làm việc theo pháp luật, rời xa các tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hóa văn minh tại khu dân cư, cùng nhau làm đẹp nền đạo đức xã hội...

Vì thế, Hội trại năm nay, Ban Tổ chức sẽ đưa ra chương trình tu học đúng theo phương hướng chỉ đạo của Giáo hội và có tính định hướng rõ ràng trong các buổi thuyết giảng, nhằm giúp các em hiểu rõ hơn về giáo lý Phật giáo. Từ đó, tránh xa những lý thuyết, học thuyết tôn giáo lạ lẫm không đúng tinh thần của giáo lý đạo Phật, không phù hợp với văn hóa dân tộc Việt Nam, nhất là không được pháp luật Việt Nam cho phép.

- **Phóng viên:** Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 - năm 2017 được đánh giá rất thành công về tổ chức; Hội trại lần thứ



Ban Tổ chức Hội trại làm việc với Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai và lãnh đạo chính quyền tỉnh (ngày 25/6/2018)



Ban Tổ chức Hội trại và Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai chụp hình lưu niệm

12 - năm 2018 được biết số lượng tăng gấp 3 lần, với 3.500 trại sinh và 500 tình nguyện viên. Kính xin Thượng tọa cho biết nguồn kinh phí của Hội trại năm nay sẽ được huy động từ nguồn lực nào?

- **TT.Thích Phước Nghiêm:** Năm nay, số lượng trại sinh tăng gấp 3 lần, quả thực Ban Tổ chức gặp rất nhiều khó khăn, vất vả trong vấn đề tổ chức, tài chính cũng như vấn đề chăm sóc sức khỏe, ăn uống cho các em. Sẽ có 4.000 trại sinh và tình nguyện viên được Ban Tổ chức phát tặng miễn phí 2 áo thun, 1 nón và được lo ăn nghỉ miễn phí trong 3 ngày tham dự Hội trại, không phải đóng bất cứ khoản kinh phí nào.

Chúng tôi đã nhận được sự ủng hộ của Hội đồng Trị sự, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Trị sự và Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai; đặc biệt là sự ủng hộ tịnh tài, tịnh vật của chư tôn

đức trong Ban Tổ chức; các tỉnh thành khu vực miền Đông Nam Bộ, các doanh nghiệp, mạnh thường quân và nhất là sự ủng hộ của Thượng tọa Thích Bửu Chánh - Trụ trì Thiền viện Phước Sơn - nơi tổ chức Hội trại. Tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn phía trước, vì nguồn kinh phí quá lớn, nên chúng tôi tha thiết kêu gọi các doanh nghiệp, mạnh thường quân hãy chung tay với chúng tôi để lo cho thế hệ trẻ có một kỳ hội trại ý nghĩa và bổ ích.

- **Phóng viên:** Xin chân thành cảm ơn Thượng tọa đã dành thời gian quý báu cho cuộc phỏng vấn này. Chúng con cung kính chúc Thượng tọa thân tâm thường an lạc, kính chúc Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 - năm 2018 thành công tốt đẹp.

Thực hiện: HỒ THỦY - PHÁP TUỆ



Đau tuyến tiền liệt

và những điều cần biết

Đau tuyến tiền liệt được xem là bệnh lý nam khoa, thường gặp ở nam giới tuổi trung niên. Bệnh là hiện tượng co thắt ở niệu đạo, cơ tuyến tiền liệt, bộ phận sinh dục và cơ đáy vùng xương chậu. Một khi mắc bệnh nếu không thăm khám, điều trị kịp thời sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

1. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT ĐAU TUYẾN TIỀN LIỆT

Tuyến tiền liệt ở nam giới đảm nhận chức năng sản xuất một số chất trong tinh dịch, vận chuyển tinh trùng và bài tiết nước tiểu. Chính vì vậy, khi bị đau tuyến tiền liệt, nam giới phải đối mặt với nhiều rắc rối liên quan đến quá trình bài tiết nước tiểu như:

- Đau buốt khó chịu khi đi tiểu. Lượng nước tiểu rất ít.
- Màu sắc nước tiểu thay đổi sang màu vàng đục hoặc nâu đỏ, do có lẫn máu hoặc mủ.
- Đau vùng xương mu, dương vật, bẹn, biau, tầng sinh môn, tinh hoàn.
- Cảm thấy đè nén, nặng vùng bụng dưới.
- Khó chịu, đau tức dương vật mỗi khi quan hệ. Khó kiểm soát được tình trạng xuất tinh, đau khi xuất tinh.

2. NGUYÊN NHÂN ĐAU TUYẾN TIỀN LIỆT CẦN BIẾT ĐỂ PHÒNG TRÁNH BỆNH HIỆU QUẢ

Đau tuyến tiền liệt có thể khiến bàng quang yếu đi, gây nhiễm khuẩn bàng quang, thận, tắc dòng tiểu... Vì vậy để bảo vệ sức khỏe phòng tránh mắc bệnh là hết sức cần thiết. Nguyên nhân thường dẫn đến bệnh đau tuyến tiền liệt:

- **Thói quen sinh hoạt:** Nam giới có thói quen ngồi lâu, uống ít nước, thường xuyên hút thuốc, nghiện bia rượu là đối tượng dễ bị đau tuyến tiền liệt.
- **Tuyến tiền liệt bị xung huyết:** đây được xem là nguyên nhân trực tiếp gây đau tuyến tiền liệt. Tuyến tiền liệt bị xung huyết có thể do người bệnh ngồi một chỗ trong thời gian dài, dẫn đến tắc nghẽn máu không thể lưu thông gây viêm, đau tuyến tiền liệt.
- **Vi khuẩn xâm nhập:** Vi khuẩn có hại từ bên ngoài có thể xâm nhập vào niệu đạo lây nhiễm chuyển sang tuyến tiền liệt cũng là một trong những nguyên nhân gây đau tuyến tiền liệt.
- **Thủ dâm quá độ trong thời gian dài:** Có thể gây xung

huyết tuyến tiền liệt, ảnh hưởng với chức năng sinh lý, hình thành bệnh đau tuyến tiền liệt.

- **Quan hệ tình dục không an toàn:** Có thể dẫn tới nhiều bệnh lý nguy hiểm trong đó có đau tuyến tiền liệt do sự xâm nhập của nấm và vi khuẩn.

- **Ứ đọng nước thải:** Nam giới có thói quen nhịn tiểu, khiến chất cặn bã tích tụ, làm nguy cơ gây ra đau tuyến tiền liệt.

3. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ ĐAU TUYẾN TIỀN LIỆT HIỆU QUẢ HIỆN NAY

Theo các bác sĩ chuyên nam khoa: Để điều trị đau tuyến tiền liệt hiệu quả cần xác định nguyên nhân cũng như tình trạng, mức độ bệnh để từ đó mới đưa ra hướng điều trị phù hợp như:

- **Điều trị nội khoa:** Áp dụng cho các trường hợp bệnh nhẹ, bệnh chưa xuất hiện biến chứng. Lúc này các bác sĩ sẽ cho người bệnh dùng thuốc kháng sinh có tác dụng loại bỏ mầm bệnh và ngăn ngừa nguy cơ tổn thương ảnh hưởng đến các chức năng xung quanh.

- **Điều trị ngoại khoa:** Đau tuyến tiền liệt khi biến chứng sang phì đại tuyến tiền liệt và u xơ tuyến tiền liệt, viêm tuyến tiền liệt và các bộ phận khác. Lúc này cần phải bóc tách u xơ tuyến tiền liệt, thông tuyến tiền liệt.

- **Vật lý trị liệu:** Đau tuyến tiền liệt ngoài điều trị bằng thuốc còn được hỗ trợ điều trị bằng các liệu pháp vật lý trị liệu như: sử dụng sóng viba, sóng cao tần và sóng không gian để hạn chế khả năng lây lan bệnh, tiêu diệt vi khuẩn, tiêu viêm, tăng tuần hoàn máu giảm đau đớn.

Người bệnh cần lưu ý ngoài điều trị bệnh, cần thay đổi thói quen hàng ngày như có chế độ ăn uống khoa học, cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể, tập luyện thể thao. Không sử dụng các chất kích thích có hại như: rượu, bia, thuốc lá...

Hy vọng, với những thông tin vừa chia sẻ ở trên có thể giúp cho quý vị hiểu rõ hơn về bệnh đau tuyến tiền liệt.

Nguồn: online



BÁC SĨ ĐANG TRỰC TUYẾN ONLINE

Giải đáp mọi thắc mắc

Hotline sức khỏe: **028 3883 1888**

TƯ VẤN MIỄN PHÍ
BẢO MẬT THÔNG TIN



Phong Thủy Khâm Thiên

Tư vấn phong thủy Nhà cửa, Công ty, Phần xưởng,....
Xem và luận đoán con người qua Tử Vi, Bát Tự, Quẻ Dịch...
Xem ngày Cưới, ngày Khai trương, Động thổ, Nhập trạch,....
Tư vấn số Điện thoại, Đặt tên, sử dụng Vật phẩm phong thủy theo khoa học.

Đặc biệt

Thường xuyên khai giảng các lớp Phong Thủy, Tử Vi, Nhân tướng;
Lớp luyện Thư Pháp Hán Ngữ, lớp Hán ngữ cổ.

Chi tiết liên hệ **Chiêm Tinh Gia Dương Đạt.**
0911.000.222 - 0911.166.186

www.tuvikhamthien.com



DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đà Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...



Restaurant

Chay Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

Đặc biệt: Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- Địa chỉ: 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)
- Website: nhahangchayvietan.com
- Email: nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
028. 35 035 579 – 028. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
QUANG NGHỆ Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
QUANG NGHE CO., LTD. NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

TƯ VẤN THIẾT KẾ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIÊN TRÀ NGHỆ THUẬT



DIỆU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Với hơn 5 năm kinh nghiệm tư vấn - thiết kế - thi công công trình nghệ thuật Phật giáo, Diety Tuong Am mang đến cho Quý khách những bản thiết kế đẹp nhất, tối ưu và phù hợp với từng không gian. Hơn thế nữa, Diety Tuong Am còn cung cấp đầy đủ các vật phẩm Phật giáo, trang thờ, tôn tượng, pháp khí, lư hương, bàn trà... góp phần hoàn thiện không gian kiến trúc nhà bạn.

Quý khách có ý niệm thiết trí không gian thờ cúng tại gia, thiên trà nghệ thuật vui lòng gọi đến số Hotline hoặc đến với không gian trưng bày Diety Tuong Am để được tư vấn và hỗ trợ.

KHÔNG GIAN TRƯNG BÀY DIỆU TƯỚNG AM

382B-D-E-F-G, Nam Ky Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q.HOÀN KIẾM, HN

HOTLINE: 1900 660 1

0906 955 663 (HCM)

0903 288 112 (HN)



KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.

SGPK

A Brand Of Excellence

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lờ:

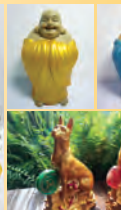
- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028)3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,
P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Tôn tượng
Tam Thánh

Hoạtien

Thông tin liên hệ: **CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIÊN**
 Showroom: 496/48B Dương Quảng Hàm, phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM
 Tel: 028.6264 6003, hotline: 0918 397 820 - Website: www.hoatien.vn

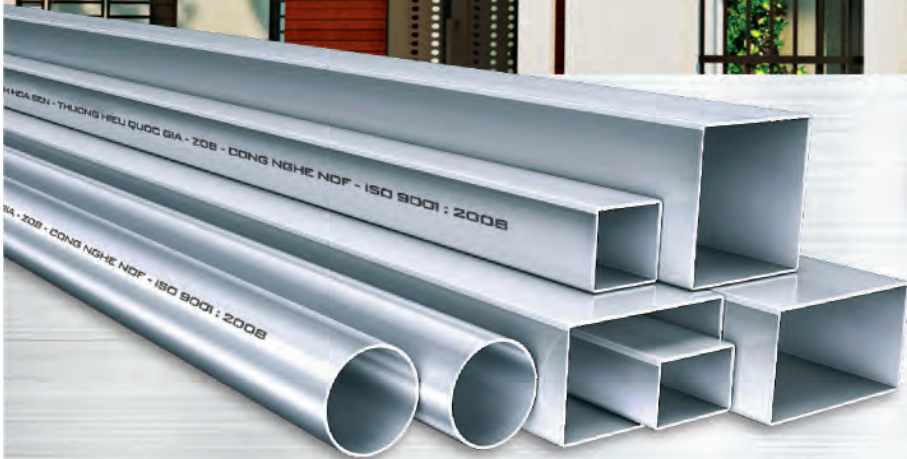


Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**
 Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ HẢO

Nhà xưởng: 225B, tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
 VP Cty: 363B đường Ông nước Thô, KP.Tân An, P.Tân Đông, thị xã Di An, Bình Dương
 Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Tại sao chọn ỐNG KẼM HOA SEN ?



- Tiêu chuẩn Mỹ ASTM A500/ A500M
- Thương hiệu Quốc gia Việt Nam
- Khả năng chịu lực, chịu uốn dẻo vượt trội
- Độ bền sản phẩm cao, tăng tuổi thọ công trình
- Chế độ chăm sóc khách hàng tốt



ỐNG KẼM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



MUA HÀNG
TRỰC TUYẾN

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515

www.hoasengroup.vn